VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

khánh trường

Số 69 • tháng 11 năm 1991

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

• **THƯ TÒA SOẠN** trang 1 • **DƯƠNG ĐỨC NHỰ** *đổi mới chữ quốcngữ* trang 3 • **VẠN GIẢ** *thơ* trang 23 • **HOÀNG XUÂN SƠN** *thơ* trang 24 • **ĐOÀN NHẬT-TẤN** *thảo-luận với độc-giả về vấn-đề phục-hồi dấu nối trong chính-tả Việt-ngữ* trang 26 • **NGUYỄN MẠNH TRINH** *thơ* trang 33 • **THỤY KHUÊ** *ẩn dụ trong thơ* trang 36 • **NADINE GORDIMER:** *nobel văn chương 1991* trang 49 • **CAO XUÂN TỨ** *thơ* trang 54 • **NADINE GORDIMER PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch** *khoảng trống niềm tin* trang 56 • **KHẾ-IÊM** *thơ* trang 67 • **THƯỜNG QUÁN** *thơ* trang 68 • **TRỊNH Y THƯ** *bẫy chết* trang 70 • **LƯU HY LẠC** *thơ* trang 86 • **HOÀI MỸ** *ông nguyễn* trang 87 • **HUỲNH LIỄU NGẠN** *thơ* trang 105 • **THẾ UYÊN** *đọc sách trong tháng* trang 107 • **NGUYỄN ĐỨC LẬP** *mảnh vụn một đời* trang 116 • Tranh bìa **KHÁNH TRƯỜNG** • Phụ bản **ĐINH CƯỜNG**

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ✡ Nguyễn Xuân Hoàng ✡ Cao Xuân Huy ✡ Hoàng Khởi Phong ✡ Trịnh Y Thư ✡ Khánh Trường ✡ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Mỹ thuật: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

THƯ TÒA SOẠN

*

Văn Học số này hân hạnh gửi đến độc giả hai bài viết liên quan đến văn tự dân tộc, của Giáo sư Dương Đức Như và Giáo sư Đoàn Nhật Tấn. Bài của giáo sư Dương khá nặng về chuyên môn ngành ngữ học, trong đó giáo sư đưa ra những đề nghị cải cách khá sâu rộng khiến tự dạng chữ quốc ngữ không còn giống như chữ viết như ngày nay nữa. Bài của giáo sư Đoàn là lời kêu gọi thứ hai của ông về việc phục hồi dấu nối trong chính tả Việt ngữ. Một bài phóng về tương lai và một bài quay về truyền thống quá khứ.

Thay đổi một tập tục, một nếp nghĩ đã là chuyện muôn vàn khó khăn, huống chi đây lại là việc thay đổi chữ viết đã được sử dụng liên tiếp qua nhiều thế hệ. *Văn Học* ước mong được làm diễn đàn đăng tải những ý kiến khác liên quan đến vấn đề này.

Giải Nobel văn chương năm nay về tay một nữ văn sĩ người Nam Phi, bà Nadine Gordimer. Nhân dịp này, Văn Học giới thiệu đến quí độc giả đôi nét về nhà văn này qua bài phỏng vấn thực hiện bởi tuần báo Time và một truyện ngắn của bà do nhà thơ Phạm Việt Cường chuyển ngữ.

Nhà phê bình văn học Thụy Khuê tiếp tục loạt bài về thi ca của bà qua nhận định về ẩn dụ, một yếu tính rất quan trọng trong thơ. Cũng từ số này, Văn Học khởi đăng chuyện dài *Mảnh Vụn Một Đời* của nhà

văn Nguyễn Đức Lập. Nhà văn Nguyễn Đức Lập là người có sức sáng tác đáng kể nhất hiện nay tại hải ngoại. Ông là nhà văn thuộc trường phái cổ điển, quan niệm "văn dĩ tải đạo". Trước cơn lốc thời thượng chữ nghĩa, ngòi bút ông bình thản kể chuyện bằng thứ ngôn ngữ bình dị nhưng lôi cuốn. Và đó là cách làm văn chương của ông.

Giới thiệu sách báo cho đến nay vẫn là một thiếu sót lớn trên tạp chí Văn Học. Để giúp độc giả có ý niệm khái quát về những quyển sách hay đang lưu hành, Văn Học mở mục Điểm Sách hằng tháng do nhà văn Thế Uyên phụ trách. Sách được điểm sẽ bao gồm cả những quyển ngoài phạm vi văn học, nói chung là những quyển đáng chú ý. Trong số báo này và những số báo kế tiếp, nhà văn Thế Uyên sẽ điểm những quyển xuất bản trong thời gian một hai năm vừa qua, rồi sẽ điểm tới những quyển gần đây hơn.

Không còn bao lâu nữa lại hết một năm cũ. Văn Học đã bắt đầu đón nhận bài vở của các văn thi hữu khắp nơi cho số Xuân Nhâm Thân 1992. Để tòa soạn rộng rãi thì giờ thực hiện số báo Xuân năm nay, xin gửi bài về trễ nhất là trung tuần tháng 12-1991 dương lịch.

Văn Học

DƯƠNG ĐỨC NHỰ

đổi mới chữ quốcngữ

*

Lời tòasoạn: *Bài viết sau đây của Giáosư Dương Đức Nhự, Thạcsĩ Ngônngữhọc Tổngquát, Tiếnsĩ Giáodụchọc, được viết với những đặcđiểm chínhtả như sau:*

1. Viết liền những từghép, như: vấnđề, ngữâm,chỉnhtiến, vănự, Việtngữ, ngữâmhọc, ngônâmhọc, hoàncảnh, nguyênâm, fụâm...

2. Âmvị nguyênâm "i" viết bằng "i", chứ không viết bằng "y", như: ỉlưởng, ỉkiến, ỉniệm, kỉhiệu, vậtlíhọc, lízo, líthuyết, thếkỉ, thẩmmĩ, chú-í...

3. "ph" viết bằng "f", như: fươngfáp, fảitrái, fefảy, fânbiệt, trườngfái, ngữâmfáp, giảifẩu, fứctạp, fiênâm, fương diện...

4. "ngh" viết bằng "ng", như: ngĩngợi, ngengóng, íngĩ, đê-ngị, ngiêncứu, đốingịch, hànhnghề, củ nghệ, ngônghê, hoanngênh...

5. "gh" đứng trước "e, ê" viết bằng "g", như: tiếnggép, gétnhau, góigém, gé coi, gế ngồi, gêsợ, gồgề, thác gềnh...

6. "d" viết bằng "z", như: tỉzụ, sửzụng, fươngziện, zấuziếm, toànziện, zấu sắc, zấu huyền, lízo, zuhí, zễzàng...

Sau hết, đôikhi những từ chuyênmôn được chua thêm bằng tiếng Anh trong zấu ngoặc đơn ngay cạnh.

*

Văntự chínhthức của chúng ta hiện nay là chữ quốcngữ. Hệ-thống chữ quốcngữ hiện zùng có một số những khuyếtđiểm mà họcgiả gần đây đã nói đến nhiều. Những khuyếtđiểm ấy có thể qui về hai mặt: mặt ngữâmfáp và mặt tiệnzụng của hìnhthức những âmhiệu và thanhhiệu. Những sơhở ấy đã gây ra những khókhăn không cầnthiết cho người học, cho việc ấnloát, đánh máy, bưutín, viết tay, v.v. Ở đây không bàn đến những lízo bênhvực hay chống lại việc chỉnhtiến cái gọi

là chữ quốcngữ hiện zùng, mà chỉ bàn đến những vấnđề ngữâm và ngônâm trong ihướng chỉnhtiến văntự Việtngữ của chúng ta cho hoàn-hảo.

Văntự, theo nguyêntắc ngữâmfáp, là sự biểudiễn bằng kíhiệu những hoạtđộng của những cơquan fát-âm, chủ-yếu là những cơquan fát-âm khảđộng như thanhđới, lưỡigà, cúamềm, lưỡi, môi, hàm zưới. Mỗi kíhiệu zùng trong ngữâmfáp thường tượngtrưng cho những hoạtđộng của nhiều cơquan fát-âm khác nhau trong cùng một lúc.

Tìzụ: kíhiệu *m* có nghĩa là hai môi bậm lại, lưỡi ở thế tựnhiên, cúamềm hạ xuống, thanhđới rung, lồngngực zồn hơithở qua họng lên mũi vì về fía miệng bị hai môi chặn lại. Tấtcả những hoạtđộng nói trên của nhiều cơquan fát-âm khác nhau tạothành giátrị ngônâm của âmhiệu *m*, tấtcả những hoạtđộng ấy tạothành âm [m].

Văntự ghi âm (đốilập với văntự ghi hình, văntự ghi í) gồm những chuỗi kíhiệu như vậy nốitiếp nhau, mỗi kíhiệu tươngđương với một âm nhấtđịnh với những hoạtđộng fát-âm nhấtđịnh. Trong ngônngữ, những âm nốitiếp nhau trên zòng thờigian ; trong văntự những âmhiệu cũng nốitiếp nhau trên một chiều khônggian nhấtđịnh, thường là từ trái sang phải.

Văntự Việtngữ không những chỉ ghi âm, mà còn ghi thanh nữa; vì trong tiếng Việt, thanh có táczụng fânbiệt từ-ngĩa. Cùng một chuỗi âm giống nhau mà nói với những thanh khác nhau thì có những íngĩa khác nhau, tìzụ: ma, má, mà, mả, mã, mạ.

Đó là hai nhiệmvụ chính của văntự. Ngoài ra, văntự còn sửzụng những zấuhiệu khác như zấu gạchnối, zấu fảy, chấm fảy, một chấm, hai chấm, nhiều chấm, chấm hỏi, chấm than, v.v. để làm nổi rõ thànhfần câu và kiếntrúc ngữfáp của ngônngữ.

Sau đây, lầnlượt xét tới hệ-thống chính-âm (V, vowels), hệ-thống vệâm (C, consonants), và hệ-thống thanh (tones).

Hệ-thống chính-âm

Việtngữ có mười một trườnghợp đốingịch dịnhvị về nguyênâm thuầntúy. Trong mười một trườnghợp đốingịch ấy, chỉ có chín

trườnghợp xảy ra trong *vần mở* nghĩa là những vần zo chính-âm tạo thành, hoặc zo chính-âm đi theo sau vệâm tạo thành, cấuthức vần là V hoặc CV. Tỉzụ trong chữ quốcngữ:

a. Cấuthức V như: a, ai. eo. ôi, yêu, v.v.

b. Cấuthức CV như: ta, mai, heo, bôi,tiêu, v.v.

Nói khác đi, trong *vần mở* chỉ có 9 âmvị nguyênâm, đó là: a, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư.

Trong *vần đóng* ngĩa là những vần tậncùng bằng một vệâm (cấuthức vần là VC hoặc CVC) thì có thêm hai trườnghợp đốingịch zài/ngắn giữa a/ă và ơ/â. Tỉzụ, đốingịch a/ă như: át/ắt, áp/ắp (VC); cát/cắt, cáp/cắp (CVC). Đốingịch ơ/â như: ớt/ất, ơn/ân (VC); bớt/bất, mơn/mân (CVC).

Riêng về mặt ngữâm, thì hệ-thống mười một nguyênâm của chữ quốcngữ đã đúng theo cơsở âmvịhọc. Khuyếtđiểm không ghi zịbiệt trườngdộ khi zịbiệt này là chủ-yếu trong sự đốingịch âmvị của chữ quốcngữ cũng không đáng ngạcnhiên lắm, vì các giáosĩ truyềnđạo đã ghi âm tiếng Việt khi chủthuyết âmvị, nhất là chủthuyết trườngvị chưa ra đời. Fải đợi đến thếkỉ hai mươi, Daniel Jones là một nhà ngữhọc nổi tiếng người Anh mới đềxướng chủthuyết trườngvị (*chronemics*) cũng như chủthuyết thanhvị (*tonemics*) để fânbiệt với chủthuyết âmvị (*phonemics*). Đây là một khácbiệt chủ-yếu về líthuyết âmvị giữa hai trườngfái ngữhọc Anh và Mỹ.

Ápzụng họcthuyết Daniel Jones về quanniệm trườngvị vào việc chỉnhtiến chữ quốcngữ, ta có thể fátbiểu: tiếng Việt có chín âmvị (thay vì có 11 âmvị), sáu thanhvị và hai trườngvị. Hai trườngvị này là cơsở của sự đốingịch zài/ngắn giữa những cặp âm a/ă và ơ/â và chỉ xẩy ra trong những vần đóng mà thôi. Ápzụng quanniệm trườngvị vào việc ghi âm Việtngữ là thíchhợp với sự fânbố giớihạn của chúng trong những vần đóng và giảmthiểu được số âmvị từ 11 xuống 9, và chínhxác hơn về mặt ngônâm.

Về kíhiệu của trườngvị thì người ta zùng zấu hai chấm đặt ngay sau âmvị liênhệ, hoặc người ta ghi âmvị ấy hai lần, tỉzụ: ă là âm có

trườngvị ngắn thì ghi bằng [a], ngược lại a là âm có trườngvị zài thì ghi là [aa] hay [a:].

Về mặt kíhiệu, muốn cho tiệnzụng, văntự cần theo ba nguyêntắc cănbản sau đây:

a. Triệtđể ápzụng nguyêntắc "mỗi âmhiệu là một âmvị".

b. Triệtđể tránh zùng zấu.

c. Nên zùng những kíhiệu của Hội Ngônâm Quốctế (International Phonetic Association) để cho việc liênlạc, traođổi, giaozịch vănhóa giữa các nước trên quốctế được zễzàng.

Zĩnhiên, khó mà theo đúng hoàntoàn cả ba nguyêntắc trên, đôi khi người ta bắtbuộc fải zùng zấu vì đã zùng hết cả những chữcái, đôi khi người ta fải zùng hai âmhiệu cho một âmvị, và việc ápzụng những kíhiệu của Hội Ngônâm Quốctế nhiều khi gặp những khókhăn về kĩthuật trên thựctế.

Nhìn lại chữ quốcngữ, trong hệ-thống nguyênâm có những khuyếtđiểm sau đây:

a. Hai chữcái i, y cùng chỉ âmvị /i/.

b. Zùng nhiều zấu quá. Trong 11 chữcái zùng để chỉ nguyênâm, có đến 7 chữcái có zấu. Đó là: ă, â, ê, ô, ơ, ư, i.

c. Không theo đúng líthuyết trườngvị trong những cặp âm có sự đốingịch zài/ngắn ấy: trườnghợp hai cặp âm a/ă và ơ/â đã nói trên.

d. Không zùng những âmhiệu theo quiước của Hội Ngônâm Quốctế, đặcbiệt là những trườnghợp e và o (theo quiước quốctế, hai kíhiệu này zùng để chỉ hai âm ê và ô), gây sự khókhăn không cầnthiết cho người ngoạiquốc học văntự và tiếngnói chúng ta. Ngược lại, cũng gây khókhăn bấttiện cho người Việt trong việc học và phiênâm ngoạingữ, cụ-thể là việc phiênâm tiếngnói những zântộc thiểusố trong việc giúpđỡ sángtạo văntự hoànhảo cho họ.

Để tránh những khuyếtđiểm kể trên, tôi đềngị một hệ-thống kíhiệu nguyênâm như sau:

Chữ quốcngữ	**âmhiệu mới**
a	a

ă	ă (có zấu-á)
ơ	ə
â	ə̆ (có zấu-á)
e	ɛ
ê	e
o	ɔ
ô	o
i, y	i (có zấu chấm)
ư	ɯ

Hệ-thống mới có bốn âmhiệu mới về hìnhthức là:

1. ə là e xoay ngược.
2. ɛ là kíhiệu quốctế.
3. ɔ là c lật ngược.
4. ɯ là ɯ lộn ngược.

Cả hệ-thống chỉ zùng hai zấu là zấuchấm ở trên i và zấu-á. Việc ápzụng lí-thuyết trườngvị khiến ta zùng zấu-á để fânbiệt hai trườngvị ngắn zài. Zấu-á là kíhiệu hóa-ngắn trườngđộ. Âm nào mang zấu-á thì có trườngđộ ngắn hơn âm không mang zấu-á.

Ở đây không zùng zấu haichấm để chỉ trường vị zài (như a: = a và ə : = ơ) vì trong chữ quốcngữ, zấu haichấm đã được zùng rồi.

Việc zùng zấu-á tránh được việc phải zùng hai âmhiệu để chỉ một âmvị zài (như aa = a và əə = ơ). Một lízo khác là zấu-á đã được zùng trong chữ quốcngữ, nay dem zùng thêm với trườnghợp đốingịch trường vị zài ngắn trong cặp ơ/â (= ə /ə̆) là đúng với chủthuyết trườngvị và vì zùng rồi nên zễ quen hơn.

Sosánh với quiước âmhiệu của Hội Ngữâm Quốctế thì hệ-thống mới theo rất sát, chỉ trừ âmhiệu ɛ vì lízo kĩthuật. Nếu theo đúng quiước âmhiệu quốctế thì âm e (ɛ) của Việtngữ phải được ghi bằng âmhiệu ɛ hoặc æ. Những kíhiệu trên gây trở-ngại rất nhiều cho việc ấnloát và đánh máy.

Trên đây là một đềngị có tínhcách cảicách toànziện đứng trên

căn bản ngữâm và ngôn âmhọc. Đem thựchiện hẳn sẽ gặp fảnkháng vì tinhthần bảothủ thóiquen.

Trên căn bản thuầnţúy âmvịhọc, chỉ cần chỉnhtiến một khuyếtđiểm ghiâm sai nguyêntắc âmvịhọc, là đổi nguyênâm ở nhiều chỗ ghi bằng y thành i trong những hoàncảnh không có sự đốingịch giữa [i] zài và [i] ngắn, tỉzụ: cái li, vali, bé tí, zuhí, nước Mĩ, kìlạ, cầukì, kĩnữ, v.v.

Hệ-thống âmđôi (diphthongs)

Tiếng Việt có 26 âmđôi. Địnhngĩa theo ngôn âmhọc thì âmđôi là tậphợp của hai nguyênâm, đọc lướt đi trong một hơithở, để tạo thành một vần thôi. Trong một âmđôi, cấutạo bởi hai nguyênâm, thì phải có một nguyênâm có thínhđộ lớn hơn nguyênâm kia.

Nếu nguyênâm thứ nhất có thínhđộ lớn hơn nguyênâm thứ hai, ta có *âmđôi xuống* (falling diphthongs).

Nếu nguyênâm thứ nhất có thínhđộ nhỏ hơn nguyênâm thứ hai, ta có *âmđôi lên* (rising diphthongs).

Nếu nguyênâm thứ hai là một nguyênâm trung (central vowel), ta có *âmđôi trung* (centring diphthongs). Thínhđộ được tạo thành bởi hai yếutố chủyếu:

a. Hơithở mạnh hay yếu.

b. Trườngđộ zài hay ngắn.

Một nguyênâm có thínhđộ lớn là một nguyênâm có hơithở mạnh và trườngđộ zài. Ngược lại, một nguyênâm có thínhđộ nhỏ là một nguyênâm có hơithở yếu và trườngđộ ngắn.

Íniệm về thínhđộ zẫn ta đến íniệm về bán-âm. Bán-âm nghe rất giống nguyênâm, chỉ khác là nó có thínhđộ nhỏ hơn, ngĩa là hơi thở của nó yếu hơn và trườngđộ của nó ngắn hơn. Sởzĩ gọi là bán-âm vì về mặt ngôn âmhọc, nó rất giống nguyênâm, nhưng về mặt cấuthức, người ta có thể xếp nó vào loại vệâm.

Khuyếtđiểm của chữ quốcngữ là không có bán-âm. Cho nên về mặt ngôn âm, những nhịtrùngâm cũng như những tamtrùngâm không rõ

âm nào có thínhđộ lớn, âm nào có thínhđộ nhỏ. Zođó vấnđề đánh zấu thanhđiệu cũng lộnxộn, không có nguyêntắc nào rõrệt.

Tỉzụ: *ái, ới, úi, áy, ồi, ói,* v.v. đánh zấusắc lên trên nguyênâm thứ nhất; còn *oà, loá, thuở, quế, loé, què*, v.v.. thì fải đánh zấu lên trên nguyênâm thứ hai mới đúng. Tại sao vậy? Văntự quốcngữ không có tiêuchuẩn gì xácđịnh. Trong trườnghợp những tamtrùngâm cũng vậy, người ta thường đánh zấu trên nguyênâm ở giữa, tỉzụ: *người, bướu, điều, cuối, ngoáo*, v.v. nhưng tại sao trong *khuyết, truyền, huyền,* v.v. lại đánh zấu trên nguyênâm thứ ba? Sởzĩ có sự lộnxộn như vậy vì văntự không fânbiệt những trườnghợp thínhđộ lớn và những trườnghợp thínhđộ nhỏ. Ấy chính là tại không có bán-âm vậy.

Nên vấnđề bán-âm fải được đặt ra cho việc chỉnhtiến văntự.

Hãy xét những hệ-thống nhịtrùngâm:

a. *Nhịtrùngâm xuống có âm cuối là bán-âm hẹp, trước: ưi, ơi, ây, ay, ai, ui, ôi, oi.*

b. *Nhịtrùngâm xuống có âm cuối là bán-âm hẹp, sau: ưu, ơu, nớu, âu, au, ao, iu, êu, eo.*

c. *Nhịtrùngâm lên bắtđầu bằng âm hẹp, sau: ươ (cô Qườn), uâ (quần, luân), uă, oă (quăn, xoăn), ua, oa (quan, loan), uy (quy, khuy), uê (quê, thuê), ue, oe (que, khoe).*

d. Nhịtrùngâm trung (centring diphthongs): ia, iê (bịa, biên), ươ, ưa (lươn, đưa), uô, ua (cuốn, cua).

Chú-í: Trong một âmđôi, âm đầu chỉ điểm khởihành, âm cuối chỉ điểm chiềuhướng. Lưỡi khởihành từ âm đầu tiến về fía âm cuối, chứ không ắt fải tới âm cuối. Ta thấy những âm đôi *iê, ươ, uô* đều tiến vế fía âm *ạ*. Vậy nên ghi âm cuối ở đây bằng *a* cho đồngnhất.

Khuyếtđiểm:

1. Nhìn vào bảng nhịtrùngâm trên, ta thấy ngay khuyếtđiểm của chữ quốcngữ, nhiều lần cùng một nhịtrùngâm mà ghi hai cách khác nhau, như trong những nhịtrùngâm *uă - oă, ua - oa, ue - oe, iê - ia, ươ - ưa, uô - ua.* Thành ra có 26 nhịtrùngâm thì chữ quốcngữ ghi thành 32 lối, thừa đi 6 lối.

2. Có sự lộnxộn trong việc xửzụng hai âmhiệu i và y: Bán-âm ở trong bảng nhịtrùngâm xuống số (a) khi thì ghi bằng i, khi thì ghi bằng y.

3. Như trên đã nói, vì không zùng bán-âm nên không biết trong hai nguyênâm, âm nào có thínhđộ lớn hơn để đánh zấu thanh cho đúng.

4. Trong những nhịtrùngâm, âm thứ hai là một âmtrung, có giá-trị ngônâm như âm *â* nhưng thínhđộ nhỏ hơn. Chữ quốcngữ đã ghi cùng một âm đó bằng 4 âmhiệu khác nhau: trong những vần mở thì ghi bằng *a* (tỉzụ, *bia, bùa, bừa*); trong những vần đóng thì ghi bằng *ê* như: *biên, biết*; hoặc bằng *ơ* như: *lươn, lướt*; hoặc bằng *ô* như: *luôn, buôn*...

Như vậy là trái với nguyêntắc âmvịhọc.

Để tránh những khuyếtđiểm kể trên, tôi đềngị zùng âmhiệu *j* để ghi bán-âm hẹp, trước, và âmhiệu *w* để ghi bán-âm hẹp, sau. Trong những trườnghợp nhịtrùngâm trung thì fải thốngnhất cách ghi âm trung bằng một âmhiệu thôi. Xin lập bảng đốichiếu sau đây:

Chữ quốcngữ	**Chỉnhtiến**	**Cảicách toànziện**
1. ưi	ʉj	ɯj
2. ơi	ɤj	əj
3. ây	âj	ɐ̆j
4. ay	ăj	ăj
5. ai	aj	aj
6. ui	uj	uj
7. ôi	ôj	oj
8. oi	oj	ɔj
9. ưu	ʉw	ɯw
10. ơu	ɤw	əw
11. âu	âw	ɐ̆w
12. au	ăw	ăw
13. ao	aw	aw
14. iu	iw	iw
15. êu	êw	ew
16. eo	ew	ɛw

17. ươ	wơ	wə
18. uâ	wâ	wə̆
19. uă	oă	wă
20. ua	oa	wa
21. uy	wi	wi
22. uê	wê	we
23. ue	we	wɛ
24. iê	ia	iə
25. ươ	ưa	ɯə
26. uô	ua	uə

Hệ-thống tamtrùngâm (triphthongs):

Tiếng Việt có 10 tamtrùngâm. Địnhngĩa theo ngônâmhọc thì tamtrùngâm là tậphợp của ba nguyênâm, đọc lướt đi trong một hơithở để tạo thành một vần thôi. Trong một tamtrùngâm Việtngữ, không fải nguyênâm ở giữa baogiờ cũng có thínhdộ lớn hơn hai nguyênâm kia.

Mười tamtrùngâm của tiếng Việt là:

1. *iêu, yêu* như: điếu, yếu
2. *uôi* như: cuối, muối
3. *ươi* như: người, sưởi
4. *ươu* như: bưởu, rượu
5. *uyu* như: tiunguỷu
6. *uêu* như: lêunguêu
7. *ueo, oeo* như: congqueo, ngoèo, khoèo
8. *uao, oao* như: quào, ngoáo
9. *uău* như: quằuquặu
10. *uyê* như: thuyết, khuyến, quyến...

Trong bảng tamtrùngâm trên, chữ quốcngữ có hai khuyếtđiểm sau đây:

a. Cùng một tamtrùngâm mà ghi bằng hai cách khác nhau, tỉzụ những tamtrùngâm số (1), (7), (8).

2. Khi thì đánh zấu thanhđiệu vào nguyênâm giữa, tỉzụ những tamtrùngâm từ số (1) đến (9); khi lại đánh zấu vào nguyênâm

cuốicùng như trườnghợp số (10). Việc đánh zấu không đồngnhất như vậy gây trở-ngại cho chínhtả. Hơn nữa, đánhzấu vào nguyênâm cuối trong tamtrùngâm *uyê* và vào nguyênâm giữa trong những tamtrùngâm *iêu (yêu), uôi, ươi, ươu*, là fát-hiện sai về thínhđộ, vì hợplí ra fải đánh zấu vào nguyênâm có thínhđộ lớn nhất mới đúng. Khuyếtđiểm này chính vì không fânbiệt chính-âm và bán-âm.

Muốn giảiquyết vấnđề này, ta cần khảosát thínhđộ của những nguyênâm trong tamtrùngâm. Ta thấy:

– Trong *iêu (yêu), uôi, ươi, ươu* thì nguyênâm đầu có thínhđộ lớn nhất. Như vậy đúng ra fải đánh zấu thanh vào nguyênâm đầu, tỉzụ:

1. iêu (yêu), điêu, nhiêu, liêu, phiêu, chiêu, v.v.
2. uôi, cuôi, muôi, suôi, nguội, cuội, muôi, đuội, v.v.
3. ươi, ngươi, sươi, bươi, lươi, cươi, v.v.
4. ươu, bươu, rượu, v.v.

– Trong những trườnghợp *uyu, uêu, ueo (oeo), uao (oao), uâu, uyê* thì nguyênâm giữa có thínhđộ lớn nhất, vậy fải đánh zấu thanhđiệu vào nguyênâm giữa. Cho nên trườnghợp *uyê* đánh zấu vào nguyênâm cuối là sai. Những từ: thuyết, khuyên, quyên, xuyên, chuyên, luyên, thuyên, khuyên, quyên, xuyên, chuyên, chuyên, v.v. đều fải đánh zấu vào nguyênâm giữa mới đúng.

Để tránh những khuyếtđiểm trên, ta nên zùng hai kíhiệu mới *j* và *w* để chỉ những bán-âm hẹp trước và sau có thínhđộ nhỏ hơn thínhđộ của chính-âm.

Giảifáp này rất lợi về fương ziện cấuthức âmvịhọc: theo giảifáp ghiâm của chữ quốcngữ thì ta có cả thảy 47 chính-âm rất fứctạp gồm 11 nguyênâm, 26 nhịtrùngâm và 10 tamtrùngâm. Hệ-thống chính-âm fứctạp ấy gây nhiều khókhăn cho người học, lôithôi về fương ziện ngữâm và thiếu chínhxác về fương ziện ngônâm (không fát-hiện được thínhđộ mạnh trong những âmđôi và âmba và gây ra sự lúngtúng cho việc đánh zấu thanh). Nay ápzụng quanniệm bán-âm, ta giảnzịhóa được hệ-thống chính-âm fứctạp nói trên, vì bán-âm theo địnhngĩa của nó vừa có tínhcách nguyênâm vừa có tínhcách fụâm ở điểm có thínhđộ

nhỏ, ngĩa là nó được đọc lướt đi, cườngđộ yếu hơn và trườngđộ ngắn hơn là nguyênâm thường. Vì thế về mặt cấuthức người ta có thể xếp nó vào loại vệâm.

Về cấuthức, bán-âm có thể xếp vào loại vệâm; nên sốlượng chính-âm của Việtngữ theo giảifáp bán-âm sẽ được giảmthiểu đến tốiđa. Thay vì có 47 chínhâm, ta chỉ có 14 chínhâm thôi, gồm 11 nguyênâm và 3 âmđôi là: *ia, ưa, ua. Trong 26 trườnghợp âmđôi của giảifáp quốcngữ, chỉ còn lại 3 thôi.*

Ta có sự đổi mới cấuthức như sau: thành VC hay CV. Trở lại bảng âmđôi ở trên, những âmđôi từ số (1) đến (16) theo giảifáp chữ quốcngữ thì có cấuthức VV, nay theo giảifáp bán-âm sẽ có cấuthức VC, C ở đây là bán-âm hoặc j hoặc w. Những âmđôi từ số (17) đến (23) có cấuthức VV theo giảifáp chữ quốcngữ, nay với quanniệm bán-âm sẽ có cấuthức CV, C ở đây là bán-âm w. Vậy chỉ còn lại 3 âmđôi từ số (24) đến (26) mà thôi, đó là: *ia, ưa, ua.*

Ba âmđôi ấy là 3 âmđôi độcnhất của Việtngữ. Trở lại bảng âmba, theo giảifáp chữ quốcngữ là chínhâm, kíhiệu cấuthức là V, nay theo giảifáp bán-âm chúng sẽ đổi mới cấuthức; kíhiệu cấuthức của chúng sẽ hoặc là C như những tamtrùngâm *iêu (yêu), uôi, ươi, ươu* (C là bán-âm j và w) hoặc là CVC như những tamtrùngâm *uyu, uêu, ueo (oeo), uao (oao), ưâu (C là bán-âm w). Xin sosánh bảng sau đây:*

Giảifáp chữ quốcngữ	**Giảifáp bán-âm (chỉnhtiến)**
Cấuthức VVV	Cấuthức VVC
(1) iêu, yêu	iaw
(2) uôi	uaj
(3) ươi	ưaj
(4) ươu	ưaw
	Cấuthức CVC
(5) uyu	wiw
(6) uêu	wêw
(7) ueo, oeo	wew
(8) uao, oao	waw

(9) uău	wăw
	Cấuthức CVV
(10) uyê	wia

II. Hệ-thống vệâm

Hệ-thống vệâm của văntự hiện zùng có một số những khuyếđiểm cần sửađổi, những khuyếtđiểm đó là:

(a) Zùng một tậphợp hai kíhiệu để ghi một âm như: *ph, ch, gi, nh, gh, ng, kh*; có trườnghợp zùng ba kíhiệu để ghi một âm như: *ngh*.

(b) Cùng một âm mà ghi bằng 3 kíhiệu khác nhau như tắcâm cúamềm điếc (voiceless velar stop) [k]. Âm này được ghi bằng ba cách:
– Bằng chữcái c trước những nguyênâm giữa và sau như: *cư, cơ, câm, căm, cam, cu, cô, co...*

– Bằng chữcái k trước những nguyênâm trước như: *ky, kê, ké...*

– Bằng chữcái q trước nguyênâm hẹp, sau, chúm môi u như: *quân, qua, quan, quăn, quýt, quyết, quét...*

(c) Có âmhiệu zùng không thốngnhất, khi thì có giátrị ngônâm, khi thì không có giátrị ngônâm như âmhiệu h để chỉ hơi gió (aspiration) hoặc nói theo ngônâmhọc, để chỉ sát-âm họng vôthanh (voiceless glottal fricative). Tỉzụ: h trong *hohoe, huhu, hiếuhọc* và h trong thơthẩn, thẫnthờ, thathiết, v.v. thì có giátrị ngônâm.

Nhưng h trong *ph* (tiếng Việt bây giờ), *ch, nh, gh, kh, ngh* thì không có giátrị ngônâm. Chúng chỉ có tínhcách ướclệ ngĩa là hợp với một âmhiệu khác để chỉ một âm nhấtđịnh.

(d) Không theo đúng quiước âmhiệu của Hội Ngônâm Quốctế như: đ, đ, ph, ch, nh, gh, kh, ng, ngh, gi, x...

Xin đềngị chỉnhtiến những khuyếtđiểm ấy như sau:

(1) *ph* = *f* (zấu bằng xin đọc là *đổi thành*). Tỉzụ: *fafê.*

Đây là sát-âm môirăng điếc (voiceless labiodental fricative) trong tiếng Việt bây giờ.

(2) *c, q* = *k*

Để cho thốngnhất âmhiệu; k là tắcâm cúamềm điếc (voiceless velar stop). Tỉzụ: *kon, kôi, koi, kam, kăm, quan = kwan, quơ = kwơ, v.v.*

(3) *d = z*

z là sát-âm nướu tỏ (voived alveolar fricative). Tỉzụ: zaziết, zùngzằng, zanzíu, zuzương...

(4) *ch = c (âmhiệu c đã đổi thành k).*

Đây là tắcsátâm cúacứng điếc (voiceless palatal affricate). Tỉzụ: *chó chết = có cết, chucha = cu ca, chuồnchuồn = cuồncuồn, ích = íc, ếch = ếc, v.v.*

(5) *đ = d*

Kíhiệu đ có zấu ngang vừa làm chậm tốcđộ viết nhanh, vừa không thíchhợp với kíhiệu quốctế. Ta đã đổi mới d = z vậy nên đổi mới luôn đ = d, vì không còn sự trùnghợp âmhiệu nữa. Tỉzụ: *đó đây = dó dây, đánh đu = dánh du.*

(6) *gh = g* (sát-âm cúamềm tỏ).

Chữ quốcngữ zùng hai âmhiệu gh để chỉ âm g trước những nguyênâm trước i, ê, e vì các giáosĩ người Âu cần có sự fânbiệt ấy. Tỉzụ trong tiếng Fáp có những từ: géant, gingembre, général, gendre, v.v. Ta thấy ngay rằng nếu zùng đồngnhất âmhiệu g để chỉ âm g (sát-âm cúamềm tỏ) thì sẽ gây khó khăn cho những người Fáp trong những trườnghợp g đứng trước những nguyênâm trước. Bởi thế, họ mới thêm kíhiệu h vào để tránh sự đọc lầm.

Đối với người Việtnam, âmhiệu h đây là thừa, nó không fải là một âmthở như trong *hôhoán, hàihước, hoahậu*... Vậy cần bỏ đi. Tất cả những sát-âm cúamềm tỏ đầu ghi bằng g cho đồngnhất, tỉzụ: *ghi âm = gi âm, ghì chặt = gì chặt, ghê sợ = gê sợ, bàn ghế = bàn gế, ghé coi = gé coi, đi ghe = đi ge*, v.v.

(7) *kh = q (sát-âm cúamềm điếc).*

Kíhiệu kh cũng có khuyếđiểm là zùng hai âmhiệu để chỉ một âm. Hơn nữa, cũng như trườnghợp trên, h ở đây không có giátrị ngônâm. Âmhiệu q trong chữ quốcngữ đã được thay bằng k – xem số (2) – vậy nên zùng nó để chỉ sát-âm cúamềm điếc, tỉzụ: khókhăn = qóqăn,

khùkhờ = qùqờ, khệnhkhạng = qệnhqạng, khiếmkhuyết = qiếmquyết, khúckhuỷu = qúcquỷu, v.v.

(8) *ngh = ng* (tắcâm mũi cúamềm tỏ).

h không có giátrị ngônâm, thừa, nên bỏ đi. Còn lại hai kíhiệu ng thì n để chỉ hiệntượng âmmũi, g để chỉ điểmfát cúamềm. Vì đã xửzụng hết chữcái nên fải gép hai chữcái vào nhau, mỗi âmhiệu chữ cái chỉ một đặctính ngônâm nhấtđịnh. Hai chữcái, hai đặctính để chỉ một âmvị. Tỉzụ: nghỉ-ngơi = ngỉ-ngơi, nghe-ngóng = nge-ngóng, củ nghệ = củ ngệ, v.v.

(9) *gi = j*

Trong cángữ của tôi, tôi không fânbiệt d và gi. Tôi cũng chưa có zịp nghiêncứu âm gi. Tôi ngĩ rằng các nhà sángtạo chữ quốcngữ đã fânbiệt d và gi thì hẳn là ít nhất tiếng Việt hồi xưa fải có hai âm d và gi khácbiệt. Vấnđề địafương nào fânbiệt hai âm đó, tôi cũng chưa có zịp nghiêncứu. Gầnđây có íkiến cho rằng bây giờ tiếng việt không còn sự đốilập giữa hai âm d và gi nữa. Tôi không có íkiến gì đối với íkiến trên.

Trên đây tôi đềngị đổi *gi = j* là căncứ vào tiếng Việt tiêuchuẩn, trong chínhtả người ta viết *gia-đình, Hà-giang, Hậu-giang*, v.v. Đềngị ấy có mụcđích theo sát nguyêntắc "mỗi âmvị một âmhiệu", sởzĩ nên zùng âmhiệu j là vì ta chưa xửzụng chữcái j làm kíhiệu fụâm. Ở trên trong fần hệ-thống chính-âm chữ quốcngữ, ta chỉ zùng kíhiệu j để chỉ bán-âm hẹp trước, mà những bán-âm này chỉ có ở sau nguyênâm thôi. Vậy zùng j thay cho gi không gây lầmlẫn gì vì gi trong chữ quốcngữ baogiờ cũng ở trước nguyênâm.

Nếu ngày nay tiếng Việt quả không còn âm gi nữa mà chỉ có âm d thôi thì zĩnhiên ta chỉ zùng một kíhiệu z cho cả hai trườnghợp d và gi. Tỉzụ: *giađình = jađình, giangsơn = jangsơn, giátrị = játrị, giờgiấc = jờjấk*, v.v.

(10) *anh = enh (a = e)*

ach = ec (a = e)

Âm a trong anh và ach là ghi sai đối với tiếng Việt bâygiờ. Thực ra đó là âm e. Vậy cần sửa lại cho đúng. Tỉzụ: anh-ách = enh-éc, lạchcạch

= lẹckẹc, xanhxanh = xenhxenh, thanhthanh = thenhthenh, láchtách = léctéc, v.v.

III. Hệ-thống thanh

Tiếng Việt có 6 thanh gồm 5 thanh được ghi bằng 5 zấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng và một thanh không zùng zấu nào để chỉdịnh. Sự không zùng zấu để chỉdịnh là một mặcước chứngminh sự hiệnhữu của thanh ấy đốingịch với những thanh khác. Nó có lợi là khỏi fải zùng zấu thứ sáu. Ở đây xin mệnhdanh thanh này là thanh không zấu.

Vấnđề người ta đã nói đến nhiều ở đây là nên hay không nên zùng zấu để chỉ thanh. Nói khác đi, nên zùng zấu hay zùng chữcái để ghi thanh. Người ta cũng đềcập đến việc zùng chữ số Lamã như 1, 2, 3, 4, 5, để ghi thanh; nhưng íkiến này bị bácbỏ vì nhiều người cho là thiếu thẩmmĩ. Vấnđề thẩmmĩ không quantrọng đối với chúng ta, nhưng việc zùng chữ số để ghi thanh hoàntoàn trái với nguyêntắc khoahọc, vì đem những íniệm về sốlượng (1, 2, 3, 4, 5, v.v.) để ghi những thính-ảnh về thanh là fản khoahọc, fản tựnhiên, không thể nào chấpnhận vào một nền văntự hoànhảo. Vậy chỉ còn lại hai giảifáp hoặc zùng zấu hoặc zùng chữcái.

1. Vấnđề zùng zấu

Theo chủthuyết thanhvị (tonemics) của Daniel Jones thì mỗi thanh tự nó có đầyđủ tưcách của một âmvị. Tưcách âmvịhọc nói ở đây chủyếu là tưcách fânbiệt từngĩa. Mỗi thanh cũng như mỗi âm trong văntự đều có yếutính fânbiệt íngĩa. Tízụ: thanh ngã làm khác ngĩa giữa hai từ *am* và *ām*, cũng như /l/ làm khác ngĩa giữa hai từ *am và* lam.

Vậy nếu mỗi âm được ghi bằng một âmhiệu ở trong văntự thì mỗi thanh cũng fải được ghi bằng một thanhhiệu ở trong văntự ấy.

Như vậy thanh có biệtlập đối với âm không? Để trả lời chúng ta cần fânbiệt hai loại âm là loại âm hữuthanh (tỏ) và loại âm vôthanh (điếc). Một âm hữuthanh là một âm khi fát có sự rungbật của thanhđới. Một âm vôthanh là một âm khi fát không có sự rung bật của thanhđới. Trên cơsở vậtlíhọc, thì tất cả những âm hữuthanh đều có thanhtính. Nhưng những thanhtính ấy không nhấtthiết fải là những thanhtính của một

thanhvị. Nói khác đi, một thanhvị có những thanhtính nhấtđịnh và đặcthù của nó khiến cho người nghe có thể nhận ra được. Tỉzụ như nếu so sánh thanh huyền với thanh không zấu của tiếng Việt giọng Hànội thì thanh huyền có thanhđộ thấp hơn và thanhđiệu đi xuống (hạ giọng), khác với thanh không zấu có thanhđộ cao hơn và thanhđiệu bằngfẳng, không xuống không lên. Hơn nữa thanh huyền có tính hàhơi, trong khi thanh không zấu không có tính ấy. Thanhđộ (register), thanhđiệu (contour), tính hàhơi (breathing quality), v.v. là những thanhtính. Mỗi thanhvị như thanh huyền, thanhsắc... có những thanhtính riêngbiệt, chẳng khác gì mỗi âmvị có những âmtính riêngbiệt vậy. Theo sự ngiêncứu của tôi thì những thanh tiếng Việt có những hiệntượng thanhtính sau đây:

(a) Thanhđộ (cao, thấp).

(b) Thanhtính (đi lên, đi xuống, bằngfẳng, xuống rồi lên).

(c) Tính hàhơi (breathing quality).

(d) Tính ngẹn-họng (creaky quality). (e) Trườngđộ (length).

Về mặt vậtlíhọc, hiệntượng của cơsở thanhđộ và thanhđiệu là sự rungbật thanhđới. Còn những thanhtính khác thì không cầnthiết fải có sự rungbật thanhđới. Vì thế trong khi nói thầm dù thanhđới không rungtbật, chúng ta vẫn fânbiệt được các thanh tiếng Việt.

Trở lại câu hỏi trên, thanh có biệtlập đối với âm không? Tấtcả những thanhtính đề cập ở trên không thể biểuhiện một cách độclập ở ngoài âm, trái lại chúng chỉ cóthể biểuhiện songsong với âm. Nói khác đi âmthanh là mộ thựcthể zuynhất trong ngônngữ, sởzĩ ta fântích ra thành hai loại hiệntượng riêngrẽ, là zo tinhthần fântích chủquan mà ra. Và cần fải fântích như vậy ta mới sángtạo được văntự ngữâm. Zĩnhiên, quanniệm âmvịhọc đưa đến kháiniệm về những âmvị hoàntoàn vôthanh, chẳnghạn như /p/, /t/, /k/, v.v. nhưng thực ra đó chỉ là những kháiniệm thuầnlí. Trên thựctế những âm ấy thế nào cũng fải có một nguyênâm đi kèm mới có thể fát được. Mà những nguyênâm, trừ trườnghợp nói thầm, trên nguyêntắc ngônâmhọc baogiờ cũng là những âm hữuthanh. Vậy để trảlời câu hỏi trên, xin khẳngđịnh là âm

và thanh không thể tách rời trên thựctế. Nói khác đi, thanh không thể biệtlập đối với âm.

Câu trảlời trên là căn bản líthuyết của việc zùng zấu thanh đặt cùng hàng zọc với âm, hoặc ở trên âm, hoặc ở dưới âm, có mụcđích biểuhiện sự đồngthời khắngkhít giữa âm và thanh, không thể táchrời. Tỉzụ khi tôi fát âm a, á, à, ả, ã, ạ, thì mỗi lần tôi đồngthời fát ra âm lẫn thanh, chứ không fát thanh sau khi fát âm. Chiều khônggian từ trái sang fải biểuhiện chiều thờigian từ trước đến sau, nên viết thanhhiệu và âmhiệu trên cùng một hàng zọc là hợplí. Tấtcả những âmđôi, âmba, nguyênâm và những fụâm hữuthanh đều biểuhiện thanhtính. Vậy đúng theo cơsở ngônâmhọc thì tấtcả những âm nói trên trong từ đều fải mang zấu thanh. Điều đó không nên thựchiện trong văntự, tỉzụ: "yếu" thực ra fải viết là "ýếu" với ba zấu sắc vì ba nguyênâm trong từ đó đều mang thanhtính của thanh sắc, nhưng viết như vậy ai cũng thấy là bấttiện trên thựctế. Bởi vậy, theo quiước, người ta chỉ đánh zấu vào một nguyênâm thôi (từ nào cũng fải có ít nhất là một nguyênâm). Nguyênâm đó là nguyênâm có thínhđộ lớn nhất trong từ. Tỉzụ từ "yếu" thực ra fải đánh zấu sắc trên âm "y" mới đúng: *ýêu (iaw)* vì âm ấy có thínhđộ lớn nhất ngĩa là biểuhiện nhiều nhất những thanhtính của thanh sắc.

Như vậy, vấnđề zùng zấu trong văntự hiện zùng nay là đúng trên cănbản ngônâmhọc. Chỉ fải lưuí đến việc đánh zấu vào chỗ nào cho đúng, vì hiện nay có nhiều trườnghợp chúng ta đánh zấu sai chỗ.

2. Vấnđề zùng chữcái

Việc zùng zấu gây nhiều bấttiện trên thựctế, nên một văntự tiệnzụng cần giảmthiểu việc zùng zấu đến tốiđa. Trong íhướng ấy, việc zùng chữcái để chỉ thanh có những lízo rất thựczụng, nhất là hệ-thống kíhiệu nguyênâm hiện zùng đã có nhiều zấu quá. Nếu chọn chữcái làm thanhhiệu thì fải chọn fụâm và cần theo hai tiêuchuẩn sau:

(a) Chọn những chữcái mẫu Latinh hiện chưa zùng trong chữ quốcngữ.

(b) Chọn những chữcái fụâm không fải là âm cuối trong từ.

Ngành bưuđiện hiện zùng những chữcái thay cho zấu thanh như sau: zấu huyền : thay bằng q

zấu sắc : thay bằng s

zấu hỏi : thay bằng z

zấu ngã : thay bằng x

zấu nặng : thay bằng j

Chúng tôi ngĩ nên thay zấu huyền bằng h vì h là chữcái đứng đầu từ huyền, cũng như chữ s đứng đầu từ sắc cho dễ nhớ hơn. Còn j đã được zùng để chỉ bán-âm hẹp trước. Vậy xin đềngị zùng y thay cho zấu nặng. Hệ-thống thanhhiệu xin đềngị như sau:

không zấu = thanh không zấu

s = thanh sắc

h = thanh huyền

z = thanh hỏi

x = thanh ngã

y = thanh nặng

Tấtcả những kíhiệu thanh nói trên đều để sau từ cho tiện đánh vần vì baogiờ ta cũng đánh vần âm, rồi sau cùng mới đến thanh. Tỉzụ: từ "bá" (bas) đánh vần là bờ-a-ba-sắc-bá, từ "bà" (bah) đánh vần là bờ-a-ba-huyền-bà, v.v.

Việc zùng chữcái như trên để chỉ thanh hoàntoàn có tínhcách ướclệ, zùng lâu thành quen.

Sau đâu xin tómtắt những đềngị chỉnhtiến:

1. Nguyênâm: như cũ, nhưng tấtcả những chữ y viết thành i.

2. Khi i đi sau một nguyênâm khác thì viết thành j theo đúng quanniệm bán-âm.

3. Khi u không có nguyênâm nào khác đi kèm thì vẫn viết là u, nhưng khi nó có một nguyênâm khác đi kèm, hoặc ở trước hoặc ở sau, thì viết thành w; vì trong trườnghợp ấy nó thành bán-âm.

4. iê viết thành ia, tỉzụ: liền = lian, biển = bian, miễn = mian, v.v.

ươ viết thành ua, tỉzụ: lượn = lụan, mượn = mụan, sườn = sùan, v.v. uô viết thành ua, tỉzụ: luồn = lùan, muốn = múan, suốt = súat, v.v.

Chúí: Trong ba nhịtrùngâm trên, nếu vẫn zùng zấu thanh thì fải đánh zấu thanh vào nguyênâm thứ nhất.

5. oă viết thành wă, tỉzụ: loănxoăn = lwănxwăn, xoắn = xwắn, v.v. oa viết thành wa, tỉzụ: khoan = qwan (kh = q), loan = lwan, v.v. oe viết thành we, tỉzụ: loèxoè = lwèxwè, khoe = qwe, v.v.

Chúí: Nếu vẫn zùng zấu thanh thì những âm-bán j, w không baogiờ mang zấu thanh.

6. uyê viết thành wia, tỉzụ: tuyêntruyền = twiantrwìan, quyếnluyến = kwíanlwían, v.v.

7. anh viết thành enh, ach viết thành ec (ch =c).

Về những fụâm, cần chỉnhtiến như sau:

1. ph = f
2. c, q = k
3. d = z
4. ch = c
5. d = d
6. gh = g
7. kh = q
8. ngh = ng
9. gi = j

Về thanh, theo thiểní tôi, nên giữ nguyên việc zùng zấu làm thanhhiệu. Vănty không những cần đồngnhất trong khônggian mà còn cần đồngnhất trong thờigian. Về fương diện lịchsử, xét đến sự hiệnhữu của những ấnloátfẩm đã ra đời bằng chữ quốcngữ và hiện đang thôngzụng, để tránh những khókhăn cho người bâygiờ cũng như người maisau, thiếttưởng việc đổi zấu thành chữcái không nên thựchiện. Quantrọng hơn nữa là về mặt ngônâmhọc, như đã trìnhbày ở trên, việc zùng zấu là khoahọc, hợp lẽ hơn việc zùng chữcái. Như vậy tưởng nên gạt bỏ hẳn việc zùng chữcái thaythế cho zấu thanh.

Sau hết là vấnđề viết liền hoặc đánh zấu nối những từgép. Về mặt từfáp và cúfáp, cần thểhiện rõrệt những thànhfần kiếntrúc của câu, thiếttưởng nên viết liền từgép những khi có thể được. Còn những

trườnghợp mà sự viết liền có thể gây ra hiện tượng đọc lầm âmcuối của từ trước thành âmđầu của từ sau thì nên viết rời nhưng cần đánh zấu nối. Tỉzụ:

(a) Viết liền: sơxuất, liênmiên, hànhđộng, quantrọng, bâygiờ, thiếttưởng, hiệntượng, trườnghợp, v.v.

Về mặt ngữâm, biêngiới của những từ đơn rất rõrệt, có thể xácđịnh bằng những quiluật nhấtđịnh không thể lầm. Vậy việc viết liền không gây khókhăn gì. Ở đây không đi sâu vào những quiluật ngữâm của từbiên, nhưng người đọc cứ coi những tỉzụ trên, tưởng tựnhiên cũng fânbiệt được từbiên ở đâu.

(b) Đánh zấu nối: hàn-ôn, fát-hành, tí-nheo, Bàng-Ân (tên riêng), làm-ăn, Bích-Ân (tên riêng), v.v.

Về mặt ngữâm, những từ trên nếu viết liền có thể đọc lầm như sau:

hànôn (hàn- ôn thành hà-nôn)

fáthành (fát-hành thành fá-thành)

tínheo (tí-nheo thành tính-eo).

Bàngân (Bàng-ân thành Bà-ngân)

làmăn (làm-ăn thành là-măn)

Bíchân (Bích-ân thành Bí-chân), v.v.

Về mặt ngữâm thuầntúy thì những trườnghợp trên có thể bị đọc lầm, nên gặp những trườnghợp ấy ta không nên viết liền mà nên viết rời, nhưng cần đánh zấu nối. Tuy vậy, trên thựctế nếu có viết liền những trườnghợp trên, người ta vẫn đọc đúng được nhờ hoàncảnh íngĩa của câu.

Để kếtluận bài này, xin chép một đoạn Kiều theo văntự mới:

Trăm năm trong kõj ngừaj ta,
Cữ tàj cữ mệnh qéw là gét nhăw.
Trải kwa một kuạk bể zâu,
Những dìaw trông thấj mà dăwdớn lòng.
Lạ jì bỉsắk tươong,
Trờj xenh kwen thój má hồng dénh gen.
Kìaw thơm lần jở trứak dèn,

Fong tình kổ lụk kòn trwìan sử xenh.
Rằng năm Ja Tĩnh trìaw Minh,
Bốn fương fẳnglặng haj kinh vững vàng.
Kó nhà Vian Ngwạj họ Vương,
Jatư ngĩ kũng thừangthừang bậk trung.
Một kon jaj thứ rốt lòng,
Vương Kwan là cữ nốj jòng nho ja.
Dầw lòng haj ả tố-nga,
Thwí Kìaw là cị, em là Thwí Vân.
Maj kốtkéc, twíat tinhthần,
Mỗj ngừaj một vẻ mừaj fân vẹn mươj.
Vân xem trangtrọng khák vờj,
Khuan trăng dầjdặn, nét ngàj nở-nang.
Hwa kừaj ngọk thốt dwantrang,
Mâj thua nứak tók, twíat nhừang mầw za. □

VẠN GIẢ

NGÀY VỀ

*

Về nghe mưa đổ hiên ngoài
giọt khua tí tách, giọt rơi âm thầm
ngậm ngùi nửa cuộc trăm năm
sắt se nửa kiếp thăng trầm ngày qua
vẫn đường quen trở lại nhà
nhưng sao dường đã lạ ta lạ người
hỏi ra dở khóc dở cười
về đâu ngụ hết phần đời ngu ngơ
phải chi ta thật khù khờ
để không đau những bất ngờ hôm nay

HOÀNG XUÂN SƠN

MỞ RA LOANG LOÁNG

*

Trái tim
hoành một vết thương
à sao em biết
vô thường cõi tôi
từ đau
thì cũng đau rồi
thì đi cũng đấy
thì ngồi cũng đây
cũng chung chung
tháng với ngày
cũng buồn vi vút
trời-mây-mây-trời
trái tim
này
trái tim người
mở ra loang loáng
triệu lời gươm đao

MƯỜI NĂM THƠ CÙNG EM

*

Mười năm
chung mộng chung giường
chung luôn
ngõ cụt đường cùn hẩm hiu
hôn mai
dẫn độ thân chiều
bước đi dài ngoẵng
trăm diều ngụy hư
nằm đâu
hỡi tiếng chim gù
cát bay đá chạy
giữa tù ngục không
mười năm
phiêu hốt
phiêu bồng
em ơi tình nặng
nỗi chồng con mang

ĐOÀN NHẬT-TẤN

thảo-luận với độc-giả về vấn-đề phục-hồi dấu nối trong chính-tả Việt-ngữ *

Sau khi bài biên-khảo kêu gọi "Phục-hồi dấu nối trong chính-tả Việt-ngữ" của tôi được tạp-chí *Văn Học*, và sau đó nhật-báo *Người Việt* ở Hoa-kỳ, có nhã-ý đăng-tải (1), tôi đã hân-hạnh lĩnh được một số tôn-ý của thân-hữu. Có bạn tán-đồng ý-kiến và lập-luận của tôi, một số khác tuy không phản-đối nhưng tỏ ra nghi-ngờ về sự hưởng-ứng tích-cực của các nhà xuất-bản in-ấn sách báo ở hải-ngoại hiện-thời vì cái xu-hướng "cố-gắng tối-thiểu" và thu-nhập tối-đa đang thịnh-hành trong các giới kinh-doanh. Thậm chí có khi bản-thảo gửi đến thì có dấu nối đầy-đủ mà khi in ra trên mặt sách thì chẳng có dấu nào vì dấu nối làm tốn nhiều thì-giờ công-sức trong việc lên trang. Lại còn cái tâm-lý quần-chúng "ta sao mình vậy", không ai muốn tự đặt mình đột-phá vào một lề-thói đã cũ rồi và hình như coi đó là chuyện không cần-thiết, cũng không cấp-bách. Còn có tình-trạng người viết cần người in chứ người in không cần người viết, nên rồi cũng phải cho qua, không đặt điều-kiện gì cho nhau được.

Xin thưa rằng tôi cũng cho là không phải một sớm một chiều mà lập lại được một nề-nếp chẳng may đã trót mất đi từ gần một thế-hệ rồi. Nhưng tôi không hề nghĩ rằng đây là một chuyện "đội đá vá trời" hão-huyền, tuyệt-vọng, tôi luôn luôn vững tin vào thiện-chí của những người cầm-bút hải-ngoại chúng ta. Chúng ta chắc chắn sẽ thành-công dù khó-khăn chăng thì cũng chỉ như chuyện "Ngu- Công dọn núi". Dù sao ít ra, ta cũng phải có được tiếng nói của thế-hệ chúng ta để rồi chờ một thời "hậu-sinh khả-úy" sau này trong một vấn-đề *cần-thiết* và *cấp-bách* dù đứng ở quan-điểm nào.

Cần-thiết vì trong phong-trào đa-văn-hóa đang phát-triển ở các xã-hội văn-minh ngày nay, văn-hóa các dân-tộc đang xích lại gần nhau để chúng ta càng thấy rằng viết rời một chữ vô-nghĩa trong một dòng chữ là một sự-kiện quái-gở không hề có ở đâu trong các văn-tự có qui-củ trên thế-giới bây-giờ. Cũng như không có ở một chữ viết nước nào một từ song-âm hay đa-âm chỉ biểu-thị một ý-niệm duy-nhất mà lại viết rời ra để mặc cho người đọc tự ghép lại mà hiểu lấy; quả thật đó là một thái-độ vô-trách-nhiệm của người viết đối với độc-giả là những người mà họ phải phục-vụ. Viết nối dính lại như thế không phải là một tục-lệ, một ngẫu-hứng mà là một nguyên-tắc, một đòi-hỏi về bản-chất của văn-tự. Không khéo rồi đây sẽ có người tinh-ý trong số các thức-giả ngoại-quốc tìm hiểu chữ Việt, phải ngỡ-ngàng thất-vọng mà phát-giác ra rằng cho đến bây giờ, người Việt ta tuy tự-hào với "bốn ngàn năm văn-hiến" vẫn chưa có một chữ viết, một văn-tự thực-sự đúng nghĩa mà mới chỉ có một lối ghi-âm thô-sơ rời-rạc như lối ghi-âm từng tiếng của tiếng hót một loài chim, tiếng kêu một loài vượn mà thôi.

Thật vậy, chữ Hán dù không có dấu nối nhưng không đến nỗi mập-mờ tệ-hại như chữ quốc-ngữ ta vì tuy có nhiều chữ đồng-âm nhưng mỗi nghĩa ứng với một tự-dạng khác-biệt không thể lầm-lẫn được khi đọc. Một tự-điển Hán – Việt không phải là uyên-thâm lắm như từ-điển Nguyễn-văn Khôn cũng cho ta đếm được đến 24 chữ "linh" có mặt chữ khác nhau, đến 20 chữ "đồng", 16 chữ "phong", v.v... mỗi

nghĩa một tự-dạng. Còn chữ Việt ta, hễ đồng-âm là đồng-dạng, không nối với một chữ nữa thì khó mà nhận hiểu rõ-ràng chính-xác (2).

Việc đề-cao vai-trò tượng-hình của chữ viết trong quốc-ngữ ta không phải là chuyện cầu-kỳ mới lạ. Điều độc-đáo là thay vì chỉ nói "đọc" sách (*to read, lire*) như trong tiếng Anh, tiếng Pháp, thì người Việt ta thường nói "xem" sách, "coi" sách như xem hình, coi hình, không qua trung-gian của âm-thanh nữa. Thực ra ở văn-tự nước nào cũng vậy, người ta chỉ cần nhìn vào dòng chữ mà hiểu, chỉ có những em bé mới học đọc học viết mới đọc lên tiếng cho thầy-giáo kiểm-soát mà thôi. Trong môn Sư-phạm ngày nay người ta chú-trọng nhiều đến phép "đọc im lặng" (*lecture silencieuse*): học-sinh các lớp lớn được cho nhìn vào bài văn mà không đọc lên tiếng, để sau đó trả lời những câu hỏi về nội-dung do thầy-giáo hay giám-khảo đặt ra. Cho nên một từ-kép biểu-thị cho một thực-thể hay một ý-niệm duy-nhất mà viết rời ra, không nối dính, thì đối với độc-giả chẳng khác nào như nhìn vào một bức hình mà có vật bị vẽ rời ra từng mảnh dị-dạng, phải cố-gắng dò-dẫm ghép lại mới hiểu được; khi có hai, ba hay nhiều từ-kép kế tiếp nhau trong một dòng chữ mà không dấu nối thì người đọc như thấy mập-mờ chập-choạng, nhiều khi phải nhìn qua một lần rồi đoán trước ý của người viết, sau đó mới ghép chữ nọ với chữ kia ở trước hay sau nó cho đúng, mới hiểu rõ. Cho nên nếu việc bỏ dấu nối lâu nay đã phần nào trở thành thói quen đối với người đọc thì cũng như để họ có thói quen đi trong đêm mờ rồi cho rằng họ không cần đèn sáng nữa mà thôi.

Việc bỏ dấu nối đã làm mất vai-trò của từ-kép còn gây trở-ngại không ít cho việc truyền-bá Việt-ngữ, nó làm ngỡ-ngàng người ngoại-quốc không quen nhìn chữ rời, vô-nghĩa trong một dòng chữ. Rồi có những âm thừa nghĩa hay khác nghĩa mà vẫn được hiểu một cách độc-đoán trong từ như trong "*ăn*-nói", "chỉ-*trỏ*", "mặt-*mũi*", v.v... mà nghĩa chỉ là nghĩa của âm chính mà thôi. Hiện-tượng dùng một chữ có nghĩa (như *ăn, trỏ, mũi* trong ví-dụ trên) để rồi hiểu như nó không còn có nghĩa gì cả, chỉ có mặt để làm vì (trừ-khử nạn độc-âm) mà thôi thì quả là một hiện-tượng kỳ-quặc trong ngôn-ngữ loài người! Nên may

ra chỉ có cách là *nối nó dính cứng* vào một chữ khác cho nó mất hút đi, như một đơn-chất hóa-học ở trong thành-phần của một hóa-hợp (*combinaison*) thì không còn giữ tính-chất riêng của mình nữa (khi hydrô, ôxy mà hóa-hợp thành nước thì hydrô không còn giữ tính-chất khí và cháy được trong dạng nước nữa). Ông thạc-sĩ Hoàng-xuân Hãn hẳn đã liên-tưởng đến hiện-tượng hóa-học này khi ông chủ-trương viết dính làm một các từ-kép lại.

Đối với trẻ em người Việt thì lấy tiếng Việt cắt-nghĩa tiếng Việt mà xử-sự với các từ-kép có dấu nối cũng dễ-dàng như với những từ gồm nhiều ngữ-căn trong ngoại-ngữ: Trong tiếng Pháp, chẳng hạn, gặp những từ như *rhinocéros, bibliothèque, paraphire, automobile*... ở lớp dưới, thầy-giáo thường dùng tranh ảnh, cho ví-dụ hoặc mô-tả để học-sinh hiểu; đến lớp cao mới phân-tích ra từng ngữ-căn mà giải, các em không có gì thắc-mắc mà các thầy cũng không gặp khó-khăn nào. Trong quốc-ngữ, nếu từ-kép mà viết dính hay có dấu nối chặt-chẽ thì cũng theo lối đó mà các em được học hiểu dễ-dàng, các em chấp-nhận dễ-dàng những từ như: thờ-ơ, tỉ-mỉ, cái lục-lạc, cây mù-u, con cà-cuống, v.v... mà không còn thắc mắc mỗi âm trong đó có nghĩa gì. Những từ trong đó có một âm vô-nghĩa như lạ-*lùng*, xa-*xôi*, cây-*cối*, v.v... cũng được truyền-cảm toàn từ như thế qua những ví-dụ, những bài văn, câu nói, cho nhuần-nhuyễn để các em cảm mà hiểu các dị-biệt (*nuances*) rất tế-nhị, có khi không phân-tích nổi, giữa "lạ" và "lạ-lùng", "cây" và "cây-cối", "xa" và "xa-xôi"... để không đến nỗi nói: "Cái bàn làm bằng *cây-cối*"; "Đừng để cái ghế *xa-xôi* cái bàn"!

Vai-trò của từ-kép cũng được thấy rõ là cần-thiết trong phép giải-nghĩa chính các từ-kép nữa, như khi ta cần giải một từ-kép bằng cách phân-tích ra từng âm: Cứ lật một cuốn tự-điển ra, như Việt-nam tự-điển của Hội Khai-trí Tiến-đức hay một Hán-Việt tự-điển nào, ta cũng thấy lối cắt nghĩa tương-tự như sau: đạo-đức = đạo-lý và đức-hạnh; văn-nghệ = văn-học và nghệ-thuật; văn-phái = môn-phái của văn-chương; diễn-giải = diễn-tả và giảng-giải; hưng-nghiệp = chấn-hưng nghề-nghiệp, v.v... (Hán-Việt tự-điển Nguyễn-văn Khôn). Các thầy-giáo ở lớp cũng không làm cách nào khác hơn. Trẻ hỏi:

"*Tham* trong bài có nghĩa gì?" Thầy trả lời: "*Tham* là *tham-lam*"; rồi, *kế* là *mưu-kế*, *thời* là *thời-giờ*, *cung* là *cung-cấp*, v.v... Tiếng Việt ta thật độc-đáo! Thường thì ai cũng lấy dễ mà cắt nghĩa khó, đơn-giản mà cắt nghĩa phức-tạp, và ở đây chúng ta cũng theo lối đó mà thôi, nhưng có điều là từ-kép của ta lại sáng-sủa, rõ-ràng hơn từ đơn, nên phải làm chuyện có vẻ ngược đời như vậy: *Đạo* là *đạo-lý*, miễn đừng lầm-lẫn nó với chữ "đạo" trong "đạo-tặc", "đạo-diễn" là đã hiểu "đạo" là gì rồi, phân-tích cho dài-dòng chưa chắc đã rõ hơn nữa. Người Việt ta có bản-chất trầm-tư, cảm và nghĩ nhiều hơn là nói; chỉ cần đặt họ vào một hoàn-cảnh thuận-lợi, cho họ nghe hoặc thấy một từ quen-thuộc, như "đạo-lý", là họ cảm và hiểu được "đạo" đây có nghĩa gì rồi. Cái yếu-tố cấu-trúc cơ-sở trong tiếng Việt ta có vẻ như không phải là những từ đơn, những ngữ-căn, như trong tiếng Anh, tiếng Pháp, mà là những từ-kép!

Cho nên dù đứng ở quan-điểm nào, không ai có thể phủ-nhận vai-trò then-chốt của từ-kép trong quốc-ngữ ta mà dấu-hiệu đặc-thù là sự hiện-diện của *dấu nối*.

Và việc phục-hồi dấu nối phải *cấp-bách* nữa. Bởi vì dù sao, ngày nay chúng ta vẫn còn có những người lớn đã từng học các sách Giáo-khoa-thư, đọc văn các bậc tiền-bối viết không sót một dấu nối nào, nhưng lớp trẻ lớn lên bây-giờ đã không bao-giờ thấy một từ-kép nào trong sách vở báo-chí nữa! Tình-trạng trở nên ngày một khó-khăn để phục-hồi truyền-thống cũ nếu không có một cố-gắng tập-thể gấp-rút ngay từ bây-giờ trước khi tập-quán trở thành một thiên-nhiên thứ-hại. Các tự-điển cũ đang còn đó, các sách cũ in lại theo lối thu-hình còn đó, để có ai cần thì tra-cứu, đặt dấu nối thích-hợp.

Mà nhận-định một từ nào là kép trong tiếng Việt ta cũng không đòi-hỏi một trình-độ uyên-thâm nào cả: những chữ vô-nghĩa không được đứng rời ra, những chữ đi kèm với chữ khác mà không giữ nghĩa riêng của nó nữa thì phải có nối dính để chỉ có một từ (kép) cho một nghĩa; đó chỉ là những nguyên-tắc sơ-đẳng trong một văn-tự. Nhiều khi cũng chỉ là chuyện lương-tri như tên họ riêng của một người: ai cũng biết mỗi chúng ta đều có một họ và một tên, nếu có ba, bốn chữ trở lên

thì tất phải có một họ kép hay một tên kép, mà kép thì phải có dấu nối nếu không viết dính. Không phải tùy-hứng hay ngẫu-nhiên mà người thế-hệ trước đã đặt các dấu nối thật chỉnh trong các nhân-danh như Cao-bá Quát, Cao-bá Nhạ, Cao Chu-Thần, Lê Quí-Đôn, Nguyễn-đình Chiểu, Hồ Xuân-Hương, Lưu Bình Dương Lễ... (Xem Tầm-nguyên từ-điển của Bửu Kế, Nam-Cường xuất-bản năm 1955). Trong chung-đụng với người Tây-phương, những người Việt có họ tên gồm ba chữ trở lên không dấu nối đã làm cho họ bối-rối không ít. Đành rằng người ta đặt họ (*surname*) ở sau tên, khác chúng ta, nhưng khi gặp ba, bốn chữ rời thì không biết đâu là họ, đâu là tên, người viết thế này, người viết thế khác, không biết chữ nào có thể viết tắt khi cần. Cũng may là họ thông-cảm với lối xưng tên họ luộm-thuộm này mà không đòi hỏi lắm trong các giấy tờ bất-nhất ta xuất-trình ở ngân-hàng, sở-thuế, bưu-cục... Một tình-trạng như vậy không thể kéo dài trong những sinh-hoạt đa-văn-hóa ngày nay và làm cho thế-hệ đang lên càng mất gốc thêm nữa trong ngôn-ngữ văn-tự dân-tộc.

Ngoài mặt khoa-học kỹ-thuật thực-dụng ra, dấu nối còn có một giá-trị lịch-sử, nó đã được phát-minh trong chữ quốc-ngữ ta. Trong ngoại-ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp, người đời sau tôn-trọng cả những tự-mẫu không phát-âm của văn-tự, để mỗi từ có một dạng đặc-biệt gắn liền với ý-nghĩa và cho truyền-thống chữ viết duy-trì liên-tục từ đời nọ đến đời kia để người đời sau hiểu trọn-vẹn tư-tưởng, tiếp-thu toàn-bộ tài-sản văn-hóa của người đời trước qua sách vở, văn-tự di-lưu; họ có những chữ "viết một đàng, đọc một nẻo" mà tự-dạng vẫn được hậu-thế tôn-trọng dù cho lối viết có dài hơn, phức-tạp, khó đọc, khó nhớ, viết, in phiền-toái tốn-kém nhiều. Trong khi đó, cái dấu nối của ta, rất cần cho nghĩa chữ, không có gì làm tốn thì-giờ công-sức lắm, mà lại bị bỏ đi!

Người Cộng-sản Việt, khi cướp được chính-quyền, đã phá đổ hay bỏ phế các đền-đài, các di-tích lịch-sử vì cho đó là tàn-tích phong-kiến, họ cũng bỏ luôn cái dấu nối truyền-thống trong chữ Việt vì không hiểu nó dùng làm gì thì cũng cho là tàn-tích chế-độ cũ. Làm sao chúng ta có thể tiếp tay cho họ mà duy-trì cái thành-tích phá-hoại đó được? Các

nhà-giáo, nhà-văn, các nhà chính-trị quốc-gia; các học-giả thiết-tha với Việt-học chắc không thể khoanh tay ngồi nhìn; chúng ta không gặp khó-khăn gì khi viết xong bản-thảo, kiểm dò lại các dấu nối trước khi gửi cho những người có trách-nhiệm in-ấn với lời yêu-cầu *không bỏ sót một dấu nối nào*. Thế rồi, độc-giả của chúng ta mà phần lớn là giới trẻ đang lên, sẽ thấy rõ chữ Việt ta cũng có từ-kép, từ song-âm với dấu nối mà quen mắt dần: cái truyền-thống sáng-sủa, chính-xác, gọn-gàng của chữ Việt đã được vun-quén từ gần ba trăm năm qua, rồi sẽ được tiếp-nối nguyên-vẹn từ những nét bút của các cụ Phan-kế Bính, Nguyễn-bá Học, Bùi Kỷ, Trần-trọng Kim, v.v... đến thế-hệ con em chúng ta, sau khi đã bị lu-mờ, sa-sút trong gần nửa thế-kỷ vắng bóng cái dấu nối.

Mong lắm thay. □

---

(1) Tạp-chí Văn-Học số 61 tháng 3-1991. Nhật-báo Người Việt ngày 28-4-91.

(2) Cũng không vì thế mà ta lại nuối-tiếc cái thời của chữ Hán, chữ Nôm là những chữ mà có học chữ nào thì mới viết, đọc được chữ ấy, trong khi chữ quốc-ngữ thì trẻ em ta chỉ học trong năm, ba tháng là có thể đọc, viết được gần như mọi chữ. Mà chữ Nôm, chữ Hán có tượng-hình được hết đâu? Cũng phải nhờ vào những ký-hiệu ước-lệ (gọi là bộ) chẳng khác những tự-mẫu La-tinh; lại cũng có tượng-thanh được như những từ lụp-bụp, ầm-ầm, keng-keng... viết bằng tự-mẫu La-tinh đâu?

Tìm đọc:

SAO CÓ TIẾNG SÓNG...

Tạp luận của Võ Đình

Văn Nghệ xuất bản

Giá 13 Mỹ kim

NGUYỄN MẠNH TRINH

GỬI KHOA HỮU

★

1.

Thơ xương thịt nỗi buồn hóa thạch
Cánh diều theo thả tận đỉnh trời
Anh hùng tận quy vó ngựa bạch
Trần gian nào bụi đỏ lầm khơi

Buồng tim động cuộn dòng máu chảy
Giải giùm ta thê thiết đông phong
Rừng dương đỏ ngụt cơn lửa cháy
Tâm can ngùi bếp đỏ than hồng

Cây cỏ cũng trơ trơ thương tích
Ngữ ngôn người về giữa biệt tăm
Mắt ngân nhũ lạ vai tuồng kịch
Kinh ngạt sao ngụp vũng trâu đầm

Hồn như bước lên trời xuống biển
Bạt ngàn đau âm vận mênh mang
Uống chưa cạn ly đầy rượu tiễn
Tủy xương nghe rỏ máu bàng hoàng

2.

Thơ thăm thẳm gọi người cố lý
Của mẹ cha mấy đoạn ca dao
Vần lục bát cất lời thầm thì
Chim thiên di biển Bắc cánh chào

Mộng mài gươm dõi theo vầng nguyệt
Sợi tơ chùng phiếm động nỗi riêng
Nắng quê hương vàng phai nuối tiếc
Đỏ nến tàn rơi rụng ý quên

Hồn phách vỡ rưng rưng ngực thở
Có nén nhang thắp giữa hư vô
Khuya tàn rã mấy chiều địa phủ
Bãi lở bồi sống cũng thờ ơ

Phân thân mấy dốc leo phận số
Bóng bên đường nắng hắt trời tây
Chữ nghĩa bán rao đành cuộc nhớ
Cát làm chiếc lá cũng vèo bay.

3.

Thơ trăm năm ngàn năm khắc khoải
Trắng sữa dòng trăng dãi dương gian
Mặt trời đâu Sàigòn ở lại
Tấc thịt da cơn sốt dặm ngàn

Ngồi kể chợ hát bài Ô Lý
Buổi hứng vong ru mãi điệu sầu
Soi mặt thủy tóc râu kỳ dị
Trường giang xa còn lại bãi lau

Đầm ngọn cỏ thơ sang đất khách
Vết ngựa xe rêu tía ánh tà
Ta sống đời ta hay kẻ khác
Hân hoan thiên lý dặm trường xa

Uống ngụm rượu tan tành thân thế
Dọc ngang chưa hả một tiếng cười
Ta thổ huyết từ lời thơ kể
Dấu chân lần từng giọt máu rơi.

4.

Thơ vọng lại cuốc dào đáy huyệt
Trăn trối người hòn đất khóc òa
Thơ của máu của xương thân thiết
Vẫn tượng hình nguyên vẹn thịt da...

THỤY KHUÊ

ẩn dụ trong thơ

*

Nghệ thuật thi ca, theo Aristote (1) dựa trên hai tính chất cơ bản và tự nhiên của con người: *Bắt chước* (Imitation) và *trình diễn* (Représentation).

Từ tuổi thơ ấu, con người đã *biết* và đã *thích* bắt chước. Khả năng bắt chước phân biệt con người với muôn loài và nhờ đó mà ngôn ngữ nẩy sinh.

Ngoài ra, chúng ta ưa nhìn, ngắm những hình ảnh đẹp, trên màn ảnh, trong tranh hơn là nhận diện thực trạng phũ phàng, khiếp đảm, kinh hoàng của thực tế trên những xác người, nhờ đó mà vũ điệu, ca nhạc, điện ảnh... ra đời.

Anh hùng ca (épopée), bi kịch (tragédie) rồi kịch, hài kịch (comédie), theo định nghĩa của Aristote, lần lượt là những sự bắt chước: Bắt chước những mẫu người cao cả (anh hùng ca), bắt chước những hành động cao cả (bi kịch) và bắt chước những mẫu người tầm thường (kịch).

Vậy *bắt chước* và *trình diễn* là hai động lực căn bản thúc đẩy mọi sáng tác, giúp nghệ thuật sinh tồn và nẩy nở. Mặt khác, nghệ thuật - tự bản chất của nó - đã ngụ ẩn ý muốn đưa con người vươn lên cái đẹp, bằng những phương tiện khác nhau. Hoặc trực tiếp, theo phương cách cổ điển, với các đề tài có chủ đề, hoặc gián tiếp, theo phương cách hiện

đại, với đường lối hiện thực rồi siêu thực... Cả hai đều dẫn tới một kết quả chung: nâng cao trí thức và tâm thức con người.

Tóm lại, nghệ thuật dựa trên sự bắt chước và có chủ đích làm đẹp: *làm đẹp tư tưởng là chủ đích của văn, làm đẹp ngôn từ và tư tưởng là chủ đích của thơ.*

Ý niệm làm đẹp ngôn từ phát xuất từ khi loài người có tiếng nói; chúng ta nói: *trái tim, quả tim* mà không nói *cục tim*; nói *cánh tay* mà không nói *khúc tay* hay *đoạn tay*. Nói *áo gối* mà không nói *cái bọc gối*. Từ đó, có hai giả thuyết:

+ Hoặc là: Ngay trong ngôn ngữ bình thường, *con người đã ngụ ý so sánh*: trái tim với một trái cây nào đó; cánh tay với một cánh chim nào đó, cái gối với một sinh vật nào đó có thể vận áo, mặc quần.

+ Hoặc là: Ngược lại, từ cách phát ngôn: trái tim, cánh tay, áo gối v.v... mà con người bật ra ý niệm so sánh: trái tim với trái cây, cánh tay với cánh chim v.v... nói khác đi: *ý niệm so sánh nẩy sinh từ ngôn ngữ.*

Cả hai giả thuyết trên đều không phủ nhận hệ quả: *ý thức làm đẹp lời nói, hoặc thay đổi lời nói cho đẹp là ý thức tự nhiên của con người và thuộc phạm vi ẩn dụ* (métaphore).

Aristote cho rằng sự diễn đạt nào muốn có phẩm chất, phải đạt được hai đức tính: sáng sủa và không tầm thường, nhạt nhẽo. Ngôn ngữ bình thường, dễ sáng sủa, nhưng thường bằng phẳng, tầm thường, nhạt nhẽo.

Ẩn dụ giúp ngôn ngữ thoát khỏi sự tầm thường, đem cái *lạ* vào ngôn ngữ, tạo hình ảnh và đồng thời đem đến cho ngôn ngữ một chiều sâu.

Cho nên, từ xưa, ẩn dụ đã là phép tu từ áp dụng trong hai địa hạt: *Thuyết minh* (Rhétorique) và *Thi* (Poétique).

Thuyết minh hay *biện minh* là một biện pháp ngôn ngữ có hai thành tố: *biện luận* và *chứng minh* dựa trên căn bản *triết lý* để thuyết phục con người [phương pháp thuyết minh hay thuật hùng biện được các chính trị gia lỗi lạc Đông Tây dùng làm khí giới để thu phục địch thủ bằng ngôn từ, thịnh hành đến giữa thế kỷ thứ 19. Rồi bị sa thải, vì

biện minh tách rời khỏi địa hạt triết lý, trở nên phù phiếm, văn hoa, dông dài].

Thi ca, ngược lại, không nhằm chủ đích thuyết phục ai, thi ca thanh lọc những cuồng nhiệt bạo tàn, đẩy đưa con người vươn lên, sống cao hơn trong cái đẹp.

Từ đó, chúng ta có thể phân biệt hai trục chính của ngôn ngữ:

Biện minh với các nét khu biệt: bằng chứng và thuyết phục, gồm nghệ thuật hư cấu và nghệ thuật chứng minh, là *nguồn của văn.*

Thi ca, thuộc địa hạt bắt chước và trình diễn, là *nguồn của thơ và các ngành nghệ thuật khác.*

Ẩn dụ, có chân trong cả hai địa hạt thi ca và thuyết minh - hai bộ mặt tương phản của văn chương và con người - với một chức năng duy nhất: làm mới, làm đẹp, làm giàu, làm biến chuyển ngôn ngữ.

❋

Định nghĩa xa xôi và sâu xa của *ẩn dụ* đến từ Aristote: "*Ẩn dụ là sự chuyển đặt cho một vật cái tên để chỉ vật khác, cách chuyển đặt này có thể đi từ loại sang thể loại; từ thể loại sang loại, từ thể loại sang thể loại; hoặc theo mối tương quan tương đồng*" (La métaphore est le transport à une chose *d'un nom* qui en désigne une autre, transport ou du genre à l'espèce, ou de l'espèce au genre, ou de l'espèce à l'espèce ou d'après le rapport d'anelogie) (Poétique).

Trên phương diện lý thuyết, ẩn dụ là lối cấu trúc ngôn ngữ có những đặc tính sau đây:

1- Ẩn dụ là phương pháp chuyển nghĩa áp dụng cho các *danh từ*, biến chúng *từ chức năng định danh sang chức năng định hình.*

2- Ẩn dụ khỏa lấp những thiếu sót ngữ nghĩa trong ngôn ngữ bình thường.

3- Ẩn dụ vay mượn ngôn ngữ để làm giàu ngôn ngữ.

4- Ẩn dụ mang vào ngôn ngữ yếu tố *lạ*, làm mới ngôn ngữ.

5- Ẩn dụ dựa trên tương quan tương đồng giữa các sự vật.

6- Ẩn dụ là *so sánh* cộng thêm yếu tố *bất ngờ* để gây cảm xúc.

7- Ẩn dụ làm cho câu thơ trở nên nhập nhòe, nhiều ý nghĩa.

*

Trên phương diện thực hành: Thế nào là một ẩn dụ?

Từ phạm trù *so sánh thông thường: mắt* em đẹp như *nhung, nét* mặt em buồn như mùa *thu, khuôn* mặt em tròn như *trăng* rằm... chúng ta có nhiều phương cách để thực hiện ẩn dụ:

1- Cắt gọn:

Nếu viết gọn lại: *mắt nhung, nét thu, khuôn trăng*... là ta đã làm những ẩn dụ.

Sự so sánh một cách kín đáo: *mắt, nét mặt* và *khuôn mặt* với những hình ảnh: *nhung, thu, trăng* biến những danh từ thông thường trên từ hình thức định danh tầm thường, nhạt nhẽo, sang hình thức định hình, lạ, đẹp do đó... nên thơ:

Mắt nhung:

Có lần tôi thấy tôi yêu
Mắt nhung, cô bé khăn điều cuối thôn
Lâu rồi, tôi đã... hơi khôn
Biết cô hàng xóm có còn nhớ nhau?
(Hồ Dzếnh)

Nét thu:

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng
(Kiều)

Khuôn trăng

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
(Kiều)

Trong câu "*Chiều xuân* dễ khiến *nét thu* ngại ngùng", Nguyễn Du dùng hai ẩn dụ: *Chiều xuân* và *nét thu*. Chiều xuân có thể là tình yêu hay làanh. Nét thu có thể là nét mặt em, mắt em hay chính em. Câu thơ bàng bạc nhiều ý nghĩa: Tình yêu khiến em bẽn lẽn hay anh làm em xao xuyến, thẹn thùng; tình yêu xui em ngại ngùng, e lệ... hay chỉ là một buổi chiều nắng đẹp như xuân đến thăm nàng thu ảm đạm, làm thu rung động, xao xuyến, ngây ngất tâm hồn...

"*Mẹ già phơ phất mái sương*" (Chinh Phụ Ngâm) là một cấu trúc ẩn dụ lồng trong ẩn dụ. Khi nói "*mái tóc*" ta đã có ý ví với mái nhà. *Mái sương* là hình ảnh mái tóc mẹ đã ngả sắc tàn phai, tựa mái nhà, thấm màu thời gian, giãi dầu sương gió. [cũng có thể đưa ra lập luận khác: ẩn dụ "*mái sương*" mang nặng tính chất hoán dụ, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong chương giải thích hoán dụ].

Đối với chúng ta, những hình ảnh: khuôn trăng, mắt nhung... đã được dùng nhiều trong quá khứ, trở nên quen thuộc, cổ điển. Thi nhân hiện đại dùng những hình ảnh khác, mới hơn, lạ hơn như *lệ đá xanh, mắt biếc, tuổi đá buồn, sỏi đá ngậm ngùi* (Trịnh Công Sơn)...

Lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi
(Thanh Tâm Tuyền)

hay:

Mắt biếc mắt biếc
tròn như vùng chân trời thăm thẳm
ngó vào lạc lối
(Thanh Tâm Tuyền)

hoặc:

Tuổi đá buồn:
Trời còn làm mưa, mưa rơi, mưa rơi
từng phiến băng dài trên hai tay xuôi
tuổi buồn em mang đi trong hư vô
ngày qua những hờ...
(Trịnh Công Sơn)

Thơ Thanh Tâm Tuyền là sự đãi lọc và khai phá chữ nghĩa, dùng những ẩn dụ tinh vi (lệ đá, tim rũ rượi), biểu hình một nội tâm xâu xé đến chói buốt, xót xa.

Thơ Trịnh Công Sơn phức tạp trên phương diện cấu trúc: những ẩn dụ trong thơ (*phiến băng dài, tuổi buồn, đi trong hư vô, ngày qua những hờ*) mang nặng tính chất hoán dụ (chúng ta sẽ trở lại trong chương hoán dụ). Đồng thời kết hợp với các phép tu từ khác như láy âm (*mưa,*

mưa rơi, mưa rơi), đảo ngữ (*tuổi buồn em mang đi*: em mang tuổi buồn đi) và nối tiếp (enchainement) ngôn ngữ (*mưa rơi từng phiến băng, trong hư vô ngày qua...*) quyện với nối tiếp âm nhạc, mang sắc thái trừu tượng rất cao, có ma lực lôi cuốn ta theo nhịp điệu và thấm vào tâm cảm vì độ biến hóa khôn lường trong hình tượng và tư tưởng.

❋

2- Thay thế:

Từ dạng thức so sánh thông thường:

Anh như con thuyền; Em như cái bến

Anh là vế *bị so sánh*; Thuyền là vế *đem ra so sánh*. Nếu người viết thay thế hẳn vế *bị so sánh* bằng vế *đem ra so sánh*, nghĩa là: thay thế *anh* bằng *thuyền* và *em* bằng *bến:*

Thuyền về còn nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng nhớ người
(Ca dao)

Chúng ta có hình thức ẩn dụ thay thế, hay ẩn dụ ví ngầm.

Ngược lại, khi Xuân Diệu viết:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt

Thì Xuân Diệu đã mở ẩn dụ ra, nói cách khác: Xuân Diệu khai triển để ẩn dụ trở lại so sánh trực tiếp.

Câu ca dao trên vì đã bỏ vế so sánh "em như, anh như" trở nên lơ lửng, mập mờ, không rõ nghĩa... để mặc cho người nghe tìm tòi, mường tượng, gán cho thuyền và bến những viễn ảnh, cận ảnh, những kỷ niệm, kỷ vật... đã qua trong đời. Khả năng mường tượng càng đồi dào, ý nghĩa câu ca dao càng vô cùng vô tận...

Rồi khi "*Trùng dương ơi! Có xót xa cũng hoài mà thôi*" thì thi ca và âm nhạc đã đạt tới đỉnh của vô tận: Chúng ta có thể gán ghép cho "*trùng dương*" vô vàn cung bậc, âm hưởng của đắng cay và hạnh phúc: Phạm Duy mở rộng tâm hồn vào vùng không định giới, đưa con người nhập cõi bao la của tình yêu, tình người, đại dương và vũ trụ.

❋

Trên phương diện tâm lý, ẩn dụ, qua sự so sánh ngầm, gây những tác dụng:

+ Bất ngờ: do đó tạo cảm xúc.

+ Gián tiếp và kín đáo bắt trí óc liên tưởng, rồi từ liên tưởng tới mộng tưởng.

+ Làm cho ý nghĩa câu thơ trở nên mơ hồ phiếm định.

Bài *Trăng Lên* thứ nhì trong tập *Tiếng Thu* của Lưu Trọng Lư gồm bốn câu tuyệt bút:

Vầng trăng lên mái tóc mây
Một lần thu tạnh mơ say hương nồng
Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em

Qua bốn câu thơ, Lưu Trọng Lư đã dùng một ẩn dụ xác định (*mắt em là một dòng sông*), bốn ẩn dụ ví ngầm (*vầng trăng, mái tóc mây, hồn thu tạnh, thuyền ta*) và năm động từ (*lên, mơ, say, bơi, lặng*) để vẽ hai khung cảnh lồng ấp lên nhau: hư cảnh: dưới ánh trăng thu vừa nhô lên đỉnh mây, một chiếc thuyền tình lặng lờ bơi theo dòng nước; *thực cảnh*: hình ảnh cuồng say, mộng ảo của đôi tình nhân nghiêng xuống nhau trong giây phút ái ân đắm đuối... hư cảnh ôm ấp thực cảnh hay thực cảnh tan loãng trong hư cảnh... không ai biết nữa.

Người ta thường so sánh khuôn mặt đàn bà với vầng trăng. Cái khác lạ ở đây là Lưu Trọng Lư dùng vầng trăng để mường tượng vầng trán người thanh niên nghiêng xuống mái tóc người yêu: hình ảnh "*vầng trăng lên mái tóc mây*" vô cùng quyến rũ. Vũ Ngọc Phan là người đầu tiên khám phá ra hình ảnh ấy, ông viết: "*Mượn và ng tră ng nhô đầu lên đám mây đen mà tả cái phút ái ân của đôi trai gái trong lúc giáo đầu thì như thế thật là đầy tình, đầy mộng, thật là thanh cao, thật là tuyệt bút*" (Nhà Văn Hiện Đại).

Ngoài ra, Lưu Trọng Lư còn dùng ẩn dụ lồng trong ẩn dụ: *tóc đẹp như mây, trăng lên mây*... rồi lại *thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em* để lồng ấp hai linh hồn, hai hình hài say đắm, mắt trong mắt, trong khung cảnh tuyệt đỉnh thần tiên, thơ mộng...

Thế giới thơ Đinh Hùng trong ***Đường Vào Tình Sử*** và ***Mê Hồn Ca*** phản ảnh hiện thực của cõi mộng, là một thế giới khói sương, yêu đương, mộng tưởng dệt bằng những ẩn dụ kiêu sa "*Ảo tưởng nghiêng vầng trán khói sương*".

Vẫn trong cấu trúc ẩn dụ, Đinh Hùng đưa người yêu thơ bước vào không gian da diết, ẩm lạnh, tê tái đến rợn hồn:

Dĩ vãng dầm mưa lên bước về
Áo trùng, mây tỏ, mặt sầu che
Run tay ấp nửa bàn chân lạnh
Thương những con đường mưa cuốn đi

Lác đác trong mê rụng tiếng đàn
Hồn ai khóc rợn bốn giây oan
Gót chân thuở ấy vào mưa gió
Còn thoảng hơi sương đậu cánh màn

Đinh Hùng tạo nên những câu thơ tha thiết, nhói buốt đến tận cùng của đắm say và cay đắng:

Mùa thu tàn nhẫn từ đôi mắt
Mùi hương sát nhân từ ngón tay

Khả năng sáng tạo của Đinh Hùng nằm trong kỹ thuật sử dụng ẩn dụ đến mức lọc lõi, khơi lên những hình ảnh chập chờn, hư ảo, ngất ngây giữa mộng và thực:

Em đi rồi then khóa cửa chiêm bao
Gầy vóc mộng gói tròn manh áo nhớ

cùng trong bức họa ái ân, Đinh Hùng vẽ những nét:

Ta khát cuồng lưu vị biển đông
Dìu em trên lá cỏ thu bồng
Cơn say thấm tận lòng thương hải
Chìm nổi vầng dương đáy thủy cung

Hai ẩn dụ *cuồng lưu* và *vị biển đông* vừa khơi lên hình ảnh nhấp nhô, bão bùng của biển cả, vừa gợi dư vị mặn nồng, cuồng nhiệt của ân ái. *Lòng thương hải* vừa chỉ đáy sâu biển cả mà cũng biểu dương vùng sâu kín trong cơ thể, hay hình ảnh của đáy lòng. *Vầng dương* vừa là mặt

trời vừa là *vừng trán. Đáy thủy cung* cũng như *lòng thương hải*, vừa gợi chốn thâm cung huyền bí của đại dương, vừa tượng trưng vùng chìm lắng, khuất lấp trong vóc ngọc người yêu mà cũng có thể là vực thẳm của tâm hồn.

Trong sương khói chiêm bao, Đinh Hùng bồng bềnh giữa hai vũ trụ: vũ trụ ngàn khơi, nơi bể biếc, với ánh thiều dương ngụp lặn trong vùng sâu lắng, mê hoặc dưới đáy thủy cung và vũ trụ yêu đương với hình ảnh thi nhân đang ngây ngất đắm chìm trong dư vị mặn nồng của đỉnh đời, trong tuyệt vời hòa giao linh hồn và thể xác.

Hai nhà thơ, một hình ảnh, hai tâm cảm: Lưu Trọng Lư đắm đuối, thiết tha nhưng dịu dàng trong ân ái. Đinh Hùng cuồng say, điên dại trong nhục cảm ái ân.

❀

3- Điển cố:

Điển cố cũng là một hình thức tu từ có tính cách ẩn dụ. Điển cố rất thông dụng trong thơ cổ, làm cho câu thơ trang trọng hơn, ngôn ngữ đài các hơn.

Xưa, các cụ làm thơ cho bạn đồng liêu, tri âm, tri kỷ thưởng thức. những bậc ấy thường "lâu thông kinh sử" cho nên, khi viết:

Áng đào kiếm đâm bông não chúng
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành

Ôn Như Hầu không cần bận tâm chú giải: đào kiếm, thu ba là gì vì đã có sự tương giao, tương cảm nơi độc giả. Đối với chúng ta ngày nay: thu ba thì còn có thể đoán, đào kiếm - không chú thích - thì chịu. Vậy muốn hiểu cổ văn, trước hết phải thông điển cố tức là phải có kiến thức về văn học cổ điển.

Về phương diện ngữ học, thế nào là một *điển cố*? Trước khi định nghĩa, chúng ta có thể phân biệt hai loại: *điển cố trực tiếp* hay *điển cố từ chương* và *điển cố gián tiếp* hay *điển cố phân hóa.*

A- *Điển cố trực tiếp hay điển cố từ chương: là thay thế cách diễn đạt thông thường bằng một từ ngữ, một câu hay một sự việc chép trong sách xưa mà không chế biến gì*

Ví dụ: khi nói: "*con mụ Tú bà*", "*thằng cha Sở khanh*", "*Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!*" hoặc "*Ai bảo chăn trâu là khổ?*", "*Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!*" v.v... là ta đã dùng điển cố. Thế hệ sau muốn hiểu rõ những từ trên, sẽ phải đọc những hàng chú giải: Tú bà: điển lấy trong Kiều; Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!: Vũ Trọng Phụng; Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!; Ai bảo chăn trâu là khổ?: Quốc văn Giáo khoa thư v.v...

Lối điển cố trực tiếp có hiệu quả tức khắc: tạo hình ảnh sống động cho ngôn ngữ: Thay vì phải miêu tả dài dòng về sắc diện, tính tình của người đàn ông chuyên nghề quyến rũ và lường gạt phụ nữ, người viết chỉ cần dùng hai chữ *sở khanh* là đã "nói lên" đầy đủ ý nghĩa và tạo được hình ảnh gã "Sở Khanh" sờ sờ trước mắt người đọc. Vậy *điển cố trực tiếp có ưu điểm: tạo hình ảnh, rút gọn lời nói, gây hiệu quả mạnh mẽ và tức thời, nhưng cũng mang nhược điểm: chỉ có giá trị tạo hình trong một giai đoạn nhất định mà không vượt thời gian, không gây được cảm xúc cho thế hệ sau.* Ví dụ: bài hát "Em Bé Quê" của Phạm Duy: "*Ai bảo chăn trâu là khổ? Chăn trâu sướng lắm chứ!...*" hay bài thơ "Quê Hương" của Giang Nam:

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ
Ai bảo chăn trâu là khổ
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao...

Chỉ gây xúc động cho các thế hệ đã trải tuổi thơ trên Quốc văn Giáo khoa thư, đã thuộc lòng những đoạn "*Ai bảo chăn trâu là khổ? - Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội nón mê như lọng che...*", khơi gợi trong lớp người ấy một dĩ vãng xa xôi, thời "*Xuân đi học coi người hớn hở. Gặp cậu Thu đi ở giữa đàng...*". Thế hệ sau, không chung dĩ vãng ấy, không thể có những xúc động tương tự được. Vì thế, *điển cố từ chương* chỉ có giá trị trong lớp độc giả đương thời. Đối với các thế hệ đến sau, những "*câu cẩm tú đàn anh họ Lý*" (2) những "*nét đan thanh bậc chị chàng Vương*" (3) chỉ còn sức hấp dẫn giới hạn trong thành phần giàu kiến thức văn chương cổ điển.

B- *Điển cố gián tiếp hay điển cố phân hóa: là dùng một câu văn hay một sự việc chép trong sách cũ rồi chế biến thành của mình.*

Nguyễn Du sử dụng thần tình cả hai loại điển cố trực tiếp và gián tiếp. Khảo sát về cách dùng chữ của Nguyễn Du, Phan Ngọc tìm thấy: Riêng tích *liễu*, hình ảnh biệt ly trong thơ cổ điển (4), Nguyễn Du chỉ khai thác một lần theo lối điển cố từ chương "*khi về hỏi liễu chương đài*". Ngoài ra, Nguyễn Du tìm mọi cách để cá biệt hóa hình tượng *liễu* quen thuộc trong sách cổ, cho chúng ta dáng vẻ muôn chiều của liễu:

"*Lơ thơ tơ liễu buông mành*" khi Kim Trọng trở lại vườn thúy

"*Hoa trôi dạt thắm liễu xơ xác vàng*" khi Kiều nhớ Kim Trọng

"*Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*" khi Kim Trọng giã từ Kiều

"*Cỏ cao hơn thước liễu gầy vài phân*" khi Kiều nhớ Từ Hải

Nguyễn Du đã biến *liễu ước lệ* trong điển tích thành *liễu tâm hồn: nó loi thoi, nó lơ thơ, nó hờn, nó chán...* (5)

Trong thơ mới, những người sành thơ hầu như ai cũng biết" *không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*" của Huy Cận mang nét Thôi Hiệu:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
(Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai) -Tản Đà dịch

và "*yêu là chết ở trong lòng một tí*" của Xuân Diệu dịch từ "*Partir, c'est mourir un peu*" của Edmond Haraucourt. "*Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu*" là biến dạng của "*Offir beaucoup, et recevoir bien peu de choses*" của Arvers.

Trong "*Confession d'un poète*" (Thổ lộ của một nhà thơ), Xuân Diệu tâm sự: biết bao lần ông đã mượn ý thơ, tứ thơ, kỹ thuật âm thanh của người trước để biến chế thành của mình:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt

phát xuất từ:

Sống làm vợ khắp người ta
Khéo (6) thay thác xuống làm ma không chồng

Qua Alfred de Vigny, Xuân Diệu đem nghệ thuật láy phụ âm vào thơ Việt:

Những luồng run rẩy rung rinh lá

và:

Mau với chứ vội vàng lên với chứ
Em, em ơi, tình non đã già rồi

sáng tác theo giai đoạn văn chương Pháp: có lần Alfred de Musset nói với George Sand: "*Dépêche-toi, George, notre amour est vieux*" (Mau lên em, George, tình ta già rồi).

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của Baudelaire, Xuân Diệu công nhận Baudelaire đã giúp ông nhận thức sức thâm nhập và chiều sâu của cảm giác, độ nhạy của khứu giác qua sức quyến rũ của hương bưởi, hương cau. Ấn tượng dấy lên từ những mùi hương quay cuồng trong âm sắc qua buổi hòa âm chiều (Harmonie du Soir) (7) đẩy đưa Xuân Diệu viết những hàng:

Gió nọ mà bay lên nguyệt kia
Thêm đem sương lạnh xuống đầm đìa
Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ
Hoa bưởi thơm rồi: đêm đã khuya

và cấu trúc bài "*Ca Tụng*" sau đây thoát thai từ cấu trúc "Le Balcon" của Baudelaire:

Trăng vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẻ tràn đầy
Trăng, hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây
Trăng, đĩa ngọc giữa mâm trời huyền bí
Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẻ tràn đầy

Xuân Diệu sử dụng tài tình điển cố gián tiếp, mang vào thơ Việt nguồn sinh lực mới với kỹ thuật âm thanh, ngôn ngữ và tư tưởng Tây phương: dùng vốn của người để tạo nên nghệ thuật của mình. Điển cố gián tiếp trong các tác phẩm của Nguyễn Du, Xuân Diệu... có giá trị đương đại và lịch đại: hình ảnh không phôi pha theo thời gian. Thế hệ

mai sau không cần biết *nguồn* của điển cố, cũng vẫn tận hưởng được giá trị nghệ thuật.

Một cách khoáng đại hơn: Truyện Kiều là một điển cố phân hóa: Nguyễn Du đã sử dụng tác phẩm của Thâm Tâm Tài Nhân, đãi lọc qua nguồn suối nhiên liệu văn hóa, rồi trăn trở, biến hóa, nhào nặn, đốt cháy di để sáng tạo tác phẩm của mình. Điều đó chứng minh tại sao lập luận: *mọi sáng tác nghệ thuật dựa trên* sự bắt chước *và* trình diễn của Aristote đã đứng vững trên hai mươi thế kỷ. Nói khác đi, người nghệ sĩ tận dụng nguồn tri thức - hay cái vốn chung lãnh hội của người xưa - rồi thêm vào đó *chữ tâm* và *chữ tài* - tức cái vốn riêng của mình - tạo nên tác phẩm nghệ thuật.

---

(1) Poétique, Aristote (384-322) trước Dương lịch.

(2) và (3): Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều

(4) Hoài Thanh trong bài "Buồn Như Liễu" in trong tác phẩm mới tháng 4 năm 1974, in lại trong Chuyện thơ (1978), đưa ra một thuyết khác: Liễu xưa không buồn: Liễu trong Hoa Tiên, liễu chung quanh nhà Thúy Kiều không buồn. Chỉ buồn từ Xuân Diệu: "*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*": không biết chữ saule pleure (cây liễu khóc) trong tiếng Pháp có chịu trách nhiệm gì không?

(5) theo Phan Ngọc: "*Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong truyện Kiều*"(NXB Khoa Học Xã Hội, 1985).

(6) Bản Đào Duy Anh: Khéo thay thác xuống làm ma không chồng
Bản Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim: Hại thay thác xuống làm ma không chồng

(7) Harmonie du Soir, the Baudelaire trong tập Les fleurs du mal.

Tìm Đọc:

HỠI ƠI

Thơ của Ngu Yên

Văn Nghệ xuất bản

Giá 6 Mỹ kim

NADINE GORDIMER: NOBEL VĂN CHƯƠNG 1991

*

Giải Nobel văn chương năm nay được trao về tay một nữ văn sĩ người Nam Phi, bà Nadine Gordimer. Bà Gordimer năm nay 67 tuổi, gốc Do-thái, là nhà văn nữ đầu tiên của thế giới từ 25 năm qua có được danh dự này. Cho đến ngày nay bà đã cho ấn hành 20 cuốn sách, trong đó ba cuốn bị nhà cầm quyền Nam Phi cấm lưu hành. Trong suốt 40 năm, bà đã liên tục tranh đấu cho quyền lợi người da đen vốn bị ngược đãi trên đất nước bà bởi chính sách cai trị đầy tính kỳ thị chủng tộc của nhà cầm quyền người da trắng. Tuy vậy, bà không xem các tác phẩm bà viết ra là những thông điệp chính trị. Phát biểu trong bài phỏng vấn dưới đây thực hiện bởi hai ký giả của tuần báo Time, *Paul Gray và Bruce Nelan, bà quan niệm một nhà văn không nên dùng tài năng mình để phục vụ một lý tưởng chính trị, cho dù đó là một lý tưởng chính trị đúng đắn. Tác phẩm của bà mang nặng yếu tính chính trị vì đó là sự kiện bà không thể tránh né, nhưng bà cương quyết phủ nhận vai trò biến văn học thành công cụ tuyên truyền cho bất cứ một cuộc cách mạng nào.*

Ngoài bài phỏng vấn, Văn Học *còn hân hạnh giới thiệu độc giả đôi nét tiêu biểu của văn chương Nadine Gordimer qua truyện ngắn* Khoảng trống niềm tin *do nhà thơ Phạm Việt Cường chuyển ngữ.*

*

PAUL GRAY & BRUCE NELAN: *Là một nhà văn Nam Phi, bà thừa hưởng một đề tài thực sinh động cho ngòi bút. Điều này có vừa là nỗi khổ tâm vừa là điều may mắn cho bà không?*

NADINE GORDIMER: Không. Chắc ông đang nghĩ đến đề tài tôi viết về Apartheid, mẫu tự A viết hoa. [*Apartheid: chính sách kỳ thị chủng tộc của chính quyền da trắng ở Nam Phi áp đặt lên dân chúng da đen từ nhiều năm nay – chú thích của tòa soạn*]. Đó không phải là đề tài trong văn chương tôi. Tôi viết về đời sống và những nhân vật sinh sống trên mảnh đất đó.

PG & BN: *Văn chương có thể thay đổi con người. Nhưng bà có nghĩ tác phẩm của bà, hay của bất cứ ai khác, đã ảnh hưởng sâu đậm đến những thay đổi đang diễn ra không?*

NG: Tôi nghĩ sách vở chúng tôi viết ra đã ảnh hưởng nhiều đến sự thông hiểu của những người sống ngoài quốc gia Nam Phi. Những bản tin phát thanh, phát hình hằng ngày không có tác dụng này. Qua những bản tin đó, người ta thoáng trông thấy những cảnh tượng hỗn loạn, những trạng huống căng thẳng nhất. Và rồi đài truyền hình quay sang những biến cố khác. Trong khi đó, nhà văn dựng lên, từ sự quan sát của chính họ, những biến động đưa đến giây phút khủng hoảng đó, và rồi, cái gì sẽ xảy đến cho những nhân vật này sau đó. Đây mới chính là điều tác phẩm văn chương va chạm đến: đời sống con người bị ảnh hưởng vĩnh viễn ra sao.

PG & BN: *Bà có lo ngại về sự kiện số người chịu tìm đọc tác phẩm văn học đang thu nhỏ lại vì ảnh hưởng của TV và những thứ tiêu khiển khác?*

ND: Tôi nghĩ có sự mâu thuẫn khá lạ lùng ở Nam Phi. Chúng tôi chỉ mới bắt đầu có TV từ 12 năm nay, so với các quốc gia khác thì đây là một thời gian rất ngắn. Nhưng, dĩ nhiên, đó là phương tiện truyền thông có khả năng tác động mạnh nhất trên thế giới, và ở Nam Phi từ những túp lều lụp xụp trong các thị trấn nghèo khổ của người da đen, ăng-ten TV mọc lên chi chít. Trong cách hiểu đó, sách vở đáng lý ra chỉ có chỗ đứng rất thấp trong thứ tự ưu tiên. Mặt khác, vì không có bao

nhiêu người thực sự là nhà văn nên nhu cầu đọc sách lại rất lớn. Có không biết bao nhiêu người trẻ tuổi thông minh, mong đợi không những được giáo dục thêm cho việc đọc sách mà còn trông chờ từng cơ hội có sách để đọc. Ông nên nhớ thư viện chỉ mới mở cửa tự do gần đây thôi. Tôi nghĩ có đám đông rất lớn ngoài kia đang chờ đợi những quyển sách giải trí bằng các ngôn ngữ Phi-châu. Cơ hội xuất bản và phát hành sách vở quả thực chưa hiện hữu ở Nam Phi.

PG & BN: *Bà nhìn vai trò của bà như thế nào với tư cách một nghệ sĩ người da trắng trong một xã hội mà có ngày sẽ được cai trị bởi người da đen?*

NG: Tôi nghĩ tôi có cả hai vai trò – nghe hơi điên đấy, nhưng tôi tin vào điều đó. Tôi không nghĩ một nhà văn như tôi, một nhà văn vận dụng trí tưởng tượng để sáng tạo, lại để tài năng của mình trở thành công cụ của một cuộc cách mạng, cho dù niềm tin mình đặt vào đó có nhiệt tình cách mấy đi nữa. Và niềm tin của tôi vào cuộc cách mạng thì vô cùng nhiệt tình. Nhưng thực sai lầm nếu ông bẻ cong chút tài năng bé nhỏ ông đang có, bởi vì tài năng là cái gì phải được dùng một cách chân thật vào việc đối đầu với cuộc sống chung quanh. Nói một cách thực tế, điều này có nghĩa là, bởi vì tôi là một hội viên của Nghị-hội Quốc-gia Phi-châu [*African National Congress, một đảng đối lập ở Nam Phi lãnh đạo bởi lãnh tụ da đen Nelson Mandela – chú thích của tòa soạn*], trong các tác phẩm tôi viết ra, tôi không được gợi ý bất cứ điều gì hội viên tổ chức ấy làm đều đúng và không hề có đối kháng bên trong. Trong quyển *My Son's Story*, tác phẩm mới nhất của tôi, tôi nói rất nhiều đến sự ganh tị và tranh giành giữa những nhân vật được hiểu là trực thuộc một chi nhánh của đảng ANC, và họ được miêu tả như vậy vì đây là những sự thực của đời sống.

PG & BN: *Như thế, bà nói vậy có nghĩa là sự thực không xiển nịnh bao giờ cũng tốt đẹp hơn sự bóp méo cốt làm đẹp bề ngoài?*

NG: Vâng. Dĩ nhiên. Tôi có may mắn được biết nhiều người là anh hùng thực; hiện không còn bao nhiêu anh hùng còn lại trên trái đất nữa, nhưng vẫn còn vài người. Những người tôi biết không phải là

những con người thập toàn. Họ cực kỳ can đảm, can đảm vượt qua bất cứ một giấc mơ nào tôi hay có lẽ cả ông có thể nghĩ đến, và nhân sinh quan của họ là lòng hy sinh to lớn. Nhưng không phải lúc nào họ cũng là vị thánh trong đời sống tình cảm, trong cương vị làm cha mẹ hay con cái, hay ngay cả trong liên hệ bằng hữu bình thường. Nói cách khác, họ là con người và họ có đầy những lỗi lầm, và tôi nghĩ điều này không hề làm nhiệt tình chính trị hay tính anh hùng của họ giảm đi.

PG & BN: *Như bà nói, bà là hội viên của Nghị-hội Quốc-gia Phi-châu. Bà có tách rời sinh hoạt đặc biệt đó ra khỏi cuộc sống nghệ thuật của bà được không?*

NG: Được chứ, bởi vì trong sự dấn thân của tôi và cũng là điều tôi tâm nguyện, trong nhiều năm trời tôi gần như đã là người của đảng. Đây là lòng kiên trung của tôi. Giờ đây, còn lại chỉ là việc mang tấm thẻ trong người. Cuối cùng tôi gia nhập đảng bởi vì đây là đảng phái chính trị đầu tiên tôi muốn có cùng một tính danh. Từ quan điểm riêng, với tư cách một con người và một công dân, tôi thấy tốt đẹp có cảm giác cuối cùng mình thuộc về một cái gì đó.

Nhưng điều này không hề liên quan gì đến chuyện viết lách của tôi. Nếu cho đến giờ phút này tôi đã chống lại mọi áp lực dùng sáng tác của tôi như một dụng cụ tuyên truyền, chắc chắn không đời nào bây giờ tôi lại bắt đầu làm chuyện đó.

PG & BN: *Bà cảm thấy thế nào về tiến triển đang xảy ra ở Nam Phi? Tiến triển có tốt đẹp lắm không?*

NG: Có nhiều vấn đề to lớn lắm, nhưng tôi không cho là Nelson Mandela hay Nghị-hội đi trệch ra khỏi con đường đã vạch ra.

Nelson luôn luôn làm tôi kinh ngạc. Ông ta quả là một hiện tượng lạ lùng; quả thực chúng tôi không nghĩ có ngày ông bước chân ra khỏi nhà tù mà còn sống sót. Khi ông thực sự bước ra, chúng tôi trải qua một thời kỳ đầy vui sướng mà tôi nghĩ mọi người đáng được hưởng sau những năm tháng tuyệt vọng đó. Nhưng đối với tôi và nhiều người khác, chúng tôi không đến nỗi khù khờ tưởng tượng ra rằng mọi

chuyện sẽ đâu vào đấy, sẽ trôi chảy tốt đẹp. Và hiển nhiên, cho đến giờ phút này, nó không như vậy.

PG & BN: *Mặc dù vậy, bà vẫn còn hy vọng về những gì đang diễn tiến?*

NG: Ồ, chắc chắn rồi. Tôi thực sự cảm thấy chuyện gì xảy ra cho đến bây giờ không thể nào quay ngược lại được; nó bất khả đảo nghịch. Điều đó không có nghĩa là nhà cầm quyền người da trắng sẽ không cố bám víu càng lâu càng tốt. Nhưng đã đến tình trạng này, tôi giản dị không thấy tiến trình này có thể bị chận đứng hay quay ngược lại. Điều đáng buồn là, để đưa nó đến đoạn kết, có thể sẽ có nhiều vấn đề rắc rối đàng trước mặt.

PG & BN: *Bà có nghĩ những thay đổi vô cùng ngoạn mục đang diễn ra ở Nam Phi sẽ làm biến thể nội dung tác phẩm của bà hay nền văn học nước bà sau này không?*

NG: Tôi không nghĩ nó sẽ làm thay đổi những gì tôi hay những nhà văn khác đang làm. Nhưng, những gì chúng tôi mục kích và ghi vào tác phẩm, vốn luôn luôn phức tạp ở nước tôi, lại càng phức tạp hơn nữa. Tôi đã nhận ra điều có một cảm giác lạ lùng như bị thất lạc trong môi trường mới. Có lẽ, một người có những kỳ vọng lớn thoát ra khỏi cái *ghetto* và rồi, khi đã hoàn toàn tự do, lại cảm nhận được cái cảm giác không thuộc về nơi nào. Đi ra khỏi vấn đề chủng tộc, chúng tôi đang bắt đầu nhìn thấy yếu tố giai cấp xã hội mạnh mẽ như thế nào.

PG & BN: *Trong tác phẩm của bà, bà viết từ ý thức nội tại của những nhân vật mà có thể là đàn ông, đàn bà, da trắng, da đen. Càng ngày càng nhiều người thuộc những nhóm dân dị chủng phản đối lại việc con người mình được miêu tả bởi người ở ngoài nhóm. Bà thấy sao về điều này?*

NG: Tôi nghĩ những lời phàn nàn như vậy có làm dấy lên một thứ kinh ngạc, một cảm giác phân vân mơ hồ về chức năng của nhà văn. Khi nhà văn viết về bất cứ điều gì, họ đều hư cấu ra những nhân vật, trừ phi đó là quyển sách viết về tiểu sử của chính mình. Những lời độc thoại của Molly Bloom trong quyển *Ulysses* của James Joyce thì sao? Ở đây chúng ta thấy một người đàn ông miêu tả những cảm xúc thầm

kín nhất của một người đàn bà; theo ý kiến tôi, chưa một ai trong chúng ta, chưa một người đàn bà nào, từng làm như vậy. Chúng ta phải bằng lòng công nhận đó là tính năng phi thường, bất khả lý giải của nhà văn nếu quả thực đó là một nhà văn có tài. Tôi thực sự kêu gọi mọi người và nói rằng, Nếu họ có yêu chuộng văn chương, xin họ hãy đón nhận khả năng sáng tạo như món quà tặng của sự minh triết mà nhà văn cố gắng chuyển đạt tới người khác.

PG & BN: *Giải Nobel có tạo thay đổi gì cho bà không?*

NG: Không, không có gì cả. Tôi nghĩ chuyện này rồi cũng lắng xuống. Trong vài ngày nữa, sẽ có những cảm xúc khác, và tôi sẽ quay về nhà ở Nam Phi và bắt đầu cầm bút lại trong sự yên tĩnh.

CAO XUÂN TỬ

NGỠ

*

dây bung đàn bật tiếng cười
ngồn ngang đom đóm ngỡ trời sao sa
ngỡ mình chớp mắt đêm qua
thấy ai cởi trói giùm cho người tình

thấy trăng treo ngược đầu ghềnh
giữa đòng sương vừa thạch tinh chảy ròng
ngỡ mình lưỡi ngọng kinh ngông
ngỡ ai tiếng mất tiếng còn trong mơ

thấy dâu xanh liếm mãi bờ
con tằm trơ trụi nhả tơ cuối mùa
ngỡ về chôn nửa hạt mưa
ngỡ đi giữ khúc ruột thừa cho ai.

Phụ bản Đinh Cường

NADINE GORDIMER
PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch

khoảng trống niềm tin

*

"Em ra mở cửa đi."

"Không, người ta kiếm chị đó."

Tiếng vang rụt rè của cái chuông cửa hoặc tiếng kêu reng reng của chiếc điện thoại tạo ra một khoảnh khắc ngoan cố giống nhau: mọi người vẫn tỏ vẻ tiếp tục với những gì họ đang làm. Đứa em trai vẫn tiếp tục làm việc đâu đó. Đứa lớn hơn, nếu cậu đang ở nhà, thì tự cảm thấy mình không có trách nhiệm gì, vì bấy giờ cậu ta đã có phòng riêng với cửa trước và điện thoại của cậu rồi. Một người khách của gia đình – luôn luôn có một người nào đó không có chỗ nào khác để sống – thì lại không cảm thấy đó là nơi chốn của ông ta hay bà ta để mà đứng dậy. Bà mẹ thì biết chắc là không phải của bà. Chắc chắn là của cô con gái, như vẫn thường xảy ra, bởi vì cô ta đang ở vào một trong những giai đoạn phát triển của đời sống, những lúc mà người ta trải qua những hiểm nghèo ngấm ngầm nào đó với lòng say mê bồn chồn. Nhưng luôn luôn vẫn có những lý do để cho cô ta chỉ đáp lại với một sự trung gian nào đó mà thôi. Mẫu mực xã hội đầy phức tạp muốn rằng cô phải làm như là đang đi ra ngoài khi cô đang ở nhà, và ngược lại đang ở nhà khi cô đi vắng.

Chị ra mở cửa đi, người ta kiếm chị đó.

Dù thế nào đi nữa thì cậu học trò Rob cũng không thèm để ý đến việc đó rồi. Bị quấy rầy bởi ai đó bước ra bước vào căn phòng, mấy con mèo đang nằm duỗi mình trên nền nhà lót da cọp trước lò sưởi ngẩng

đầu, mở mắt. Những người bạn chân to, thất thường của Pattie cứ dẫm bừa vào mấy cái đĩa sữa nổi váng mà lũ mèo không thèm đụng đến, để rải rác khắp nơi trong nhà. Mèo và đĩa là của bà mẹ, những vật sở hữu của các bà gái già, những thứ mà một người đàn bà có thể được phép giữ, nếu bấy giờ bà ta không có chồng, giữa những đồ vật khác – cái bằng chứng trái ngược với đám con trưởng thành và bán trưởng thành, mấy anh chị em cùng mẹ khác cha. Pattie không bao giờ nghĩ đến mẹ khi cô chỉ có một mình với bạn bè đồng lứa, nhưng thỉnh thoảng khi cô cùng bạn bè và mẹ cô uống bia và bàn cãi trong phòng khách ở nhà, cô lại có một thôi thúc muốn đảo ngược lại những điều mà cha mẹ muốn khoe mẽ với con cái. "Đừng trêu ghẹo bả về mấy con mèo. Chính sự mê thích mèo đã giúp bả khỏi bị biệt giam hồi ở tù đó. Thật đấy. Họ định nhốt bả vào biệt giam vì bả đã lãnh đạo một cuộc tuyệt thực giữa đám tù chính trị, nhưng bà xếp cai ngục cũng lại là người mê mèo như bả, vậy là họ trở thành bè bạn, bàn cãi với nhau luôn về mấy con mèo cưng của họ. Rồi cô gái già đó cũng thường lén lút cho bả ra ngồi hóng gió ngoài sân trại. Đó là sự thật."

Có lần có tiếng chuông vang ngoài cửa trong bóng tối của những giờ khắc đầu ngày. Tiếng chuông đó có liên hệ đến bà Doris Aucamp. Nhiều năm trước, khi tụi nhỏ thật sự còn là trẻ con, lúc vẫn còn những phong trào chống đối chính trị thật sự ở Nam Phi. Hai đứa lớn – Andrew và Pattie, ít ra, còn nhớ được điều gì đó vào thời ấy. Có người đã đến ở trong nhà để chăm sóc cho chúng, và vào một ngày thứ bảy chúng đã được dẫn ra những bậc thềm của tòa thị chính thành phố Johannesburg với các gia đình tù nhân chính trị khác, đeo những bảng áp phích trước ngực: HÃY TRẢ LẠI MẸ CHO CHÚNG TÔI. Hầu hết bạn bè đang uống bia trong phòng và bàn cãi về chủ nghĩa độc đoán của hệ thống đại học hoặc về tính xác thực của ý thức – kinh nghiệm được biết như là sự lót đường, tất cả đều nghe về cuộc giết chóc ở Sharpeville – nếu không phải từ những nguồn tin nào khác, thì là do sự nhắc đến của các tạp chí ngoại quốc. Một người trong bọn, đang học ở ngoại quốc, còn khám phá rằng ở New York có một đại hội tưởng niệm ở Carnegie Hall nhân lễ kỷ niệm "Ngày Sharpeville", do những

người Nam Phi lưu vong tổ chức. Rõ ràng chính là với một niềm vui ngắn ngủi của sự hiếu kỳ đáng thán phục mà họ nhận thức rằng người đàn bà này – mẹ của đứa bé nào đó – thực sự đã bị một án tù vì những điều mà bà ta tin tưởng (dĩ nhiên, điều mà *tất cả* họ đều tin tưởng), về sự ngu xuẩn của việc cấm đoán màu da. Điều đó vừa gia tăng vừa làm giảm mất số người tài ba trong đám họ, những người đôi khi bị xúc động và đã bất chấp những luật lệ nghe như không có gì quan trọng nhằm ngăn chống việc diễn hành ngoài đường hoặc tụ tập phản đối; như thế "những người hoạt động" này không phải là những người khai phá, đã nhận ra rằng sự hiểm nguy, trong một thời nào đó ở một nơi nào đó, là hình thức duy nhất của tự do hay sao? Họ chỉ đào bới lên, một lần nữa, cho mọi người nhìn thấy những hình phạt chủ yếu của những sự vi phạm nghe như không quan trọng đó nhằm ép buộc người ta phải chôn vùi và quên đi, để làm xúc phạm bọn tay sai ngoan ngoãn.

– Người đàn bà này không phải là người xấu đâu. Không xấu chút nào cả. Ít nhất đã có một người trẻ tuổi từng buông thả theo nỗi đam mê lãng mạn và đáp lại sự quyến rũ chín muồi của bà ta, đã sống một cách tự tin với bà ta suốt đời; anh đã đến với bàn tay vàng khói thuốc, thô kệch của bà khi khuấy trà, đến với bộ ngực khá đồ sộ như của một người đàn bà Phi châu, một người đàn bà thấp lùn, to con, có hai cổ chân xinh đẹp, mang chín chiếc vòng, với một bộ hông quá to không thể mặc quần dài được. Bà Doris Aucamp nhìn và mỉm cười với chàng, không nhận lời cũng không xúc phạm – vui tươi một cách tử tế, dĩ nhiên, vì dù là một tù nhân, bà còn là một nhà văn nữa. Anh chưa hề đọc sách bà; nhưng đó là một cái tên tuổi lừng lẫy.

Để chị ra mở cửa cho – Của chị đó.

Có những lúc Pattie nhảy dựng lên vì cô có cái linh tính là một sự mất mát không thể đền bù sẽ xảy ra nếu bất cứ ai không phải là cô lại mở cửa ra đúng vào người mà cô đang mong đợi, hoặc là giọng ai khác không phải giọng cô trả lời điện thoại. Một lời chỉ trích về một người bạn của cô đã khích động nơi cô một sự liên đới mãnh liệt. "Ô, Kip, hoàn toàn không phải như anh nghĩ đâu. Ai cũng lầm về chuyện đó

hết. Chỉ tại họ không hiểu đó thôi. Anh ta không tin vào ai khác cả. Còn anh, anh phải đứng về phía bọn mình chứ."

Mẹ cô quở trách chú mèo đang cố lấy trộm thức ăn trên đĩa. "Dĩ nhiên. Mỗi đám bạn đều có những sự lệ thuộc riêng khiến cho họ gắn bó lấy nhau. Tại sao em lại phải chịu đựng Scoresby? Tại sao không là người bạn nào khác của hắn?" Người cô đang nói chuyện là một người bạn lâu năm, nghiện rượu cũng lâu năm.

Rob đang cắt bỏ cái mụn cóc nơi ngón giữa bàn tay phải. Cậu ngẩng lên một lúc, nhìn anh chàng đó, người vẫn thỉnh thoảng đánh cờ với cậu. Anh ta đang nằm dài, giống như có lần cậu bắt gặp anh ta nằm trong một vũng nôn mửa lợn cợn màu hồng trong phòng tắm. Cậu lại hướng con dao cạo về những ngón tay lần nữa; ai cũng nói với cậu là cắt mụn cóc rất nguy hiểm, nhưng cậu cứ mặc kệ, khăng khăng cắt đi, sát vào chỗ thịt lành lặn, không một chút phân vân.

"Không đến nỗi như thế đâu. Anh muốn nói là em nghĩ nó đặc biệt là vì anh mang ai đó đến nhà mà không biết họ tên người ta chứ gì – em nên nhớ là, ngay cả nếu bọn mình không biết gì về đời tư của nhau, *tụi mình vẫn hiểu chứ*."

"Nhưng có thực anh không nghĩ đó là chuyện tuổi tác sao? Có những người dưới ba mươi tuổi anh không thể tin cậy được... Mẹ, con liệng con mèo tham ăn, lì lợm này ra ngoài được không?"

"Không – Mẹ xin lỗi nhé – Không được đâu con ạ".

Mẹ cô gật gù như thương xót cho một kẻ tật nguyền nào đó. "Anh có biết Lévi Strauss nói sao không? Để em nhớ xem... Khi một người tiến về phía trước, hắn mang theo hắn tất cả mọi vị trí mà hắn đã chiếm giữ trong quá khứ và tất cả những vị trí mà hắn sẽ chiếm giữ trong tương lai. Khoan, chờ đã, em đi lấy cuốn sách." Họ nghe tiếng cô chạy lên lầu, đi xuống chậm rãi hơn, vừa đi vừa nhồi nhét, có lẽ đang lật sách. Bà mẹ đứng sau lưng con gái, im lặng theo dõi đoạn văn qua vai cô.

Khi tiến về phía trước trong môi trường của mình, con người mang theo hắn tất cả mọi vị trí mà hắn đã chiếm giữ trong quá khứ và tất cả

những vị trí mà hắn sẽ chiếm giữ trong tương lai. Hắn ở khắp nơi cùng một lúc, và trong hành động tiến về phía trước, trong mỗi khoảnh khắc hắn vẫn thu tóm từng bước chân đã qua trong quá khứ.

Cô gái đặt quyển sách xuống, hai mẹ con nhìn nhau, nhưng khoảnh khắc đó hoàn toàn trở thành một khoảnh khắc lĩnh hội về thể chất. Pattie nhìn thấy rằng vầng trán của mẹ chắc sẽ không bao giờ có lại sự chói sáng căng thẳng nữa; còn bà mẹ thì nhìn thấy những vết sẹo nhỏ của mụn nhọt dậy thì còn để lại trên khuôn cằm hơi tối của cô lại là nét quyến rũ đàn ông.

Không – được rồi, để chị ra. Chị đang chờ bạn.

Mấy cô gái trong bọn sợ mang bầu, một hai người đã phá thai, trong lúc ấy một vài cô khác trong bọn thì mới lập gia đình và lo sắm sửa đồ đạc. Pattie biết rằng nếu cô mang bầu thì mẹ cô ắt sẽ biết cách đối phó với hoàn cảnh; mà nếu cô có mang bầu và mua sắm đồ đạc đi nữa, thì điều đó cũng tốt thôi.

"Không có gì khác nữa sao mẹ?"

Mẹ cô đang rắc bột trị chấy rận cho mấy con mèo: Liz, Burton và Snorer cùng với con mèo mẹ của cả ba: Puss. Tên Snorer đúng ra là Schnorer, do một ông giáo sư người Do Thái gán tên cho, vì sự lì lợm tham lam của con mèo nơi bàn ăn. Khi nhìn lại những điều không thể giải thích được trước kia, cô gái đã biết ông ta là người yêu một thời của mẹ. Dolly, cô người làm da đen, đã nghe ra thành Snorer, và tên con mèo trở thành như thế luôn. Vị giáo sư bây giờ trở thành một người bạn của gia đình, giống như Schnorer, chỉ có điều là ít phiền toái hơn thôi.

"Không. Nhiều năm sau, nếu con có dịp gặp lại họ, thì họ sẽ cho con biết là con trai họ đã lập gia đình, còn con gái thì đã đám hỏi. Ai cũng tươi cười, ngạc nhiên vô cùng."

"Trừ mẹ. Mẹ tự loại mình ra ngoài." Cô gái đã lê chân qua mùa hè với đôi dép Hy Lạp đã mòn nhẵn dưới mấy ngón. Cô đang săm soi chân tay mình. Mấy ngón tay chân chất, khéo léo, chai cứng, đất cát bám sâu quanh móng gãy. Bàn tay đầy quả quyết với những ngón tay lem luốc

như của thợ máy, có thể không bao giờ được lau chùi sạch sẽ để che giấu đi công việc nặng nhọc của họ. Sau khi ngừng một lúc: "Người ta nói truyện đó mẹ viết về con phải không?"

"Truyện nào?"

"Truyện về con lừa đó."

"Truyện đó không phải về con, mà là về mẹ."

"Nhưng con có dành dụm để mua con lừa đó không?"

"Không bao giờ. Đó là chuyện của mẹ, mẹ kể lại cho con nghe thôi."

Em ra mở cửa đi.

Không, chị đi đi.

Việc Rob chẳng biết Snorer không phải là tên con mèo không khác gì hơn việc cậu chỉ biết Julius, ông giáo sư, không phải luôn luôn là bạn cũ của gia đình. Cậu không trả lời điện thoại vì cậu chưa cảm thấy thú vị gì với mấy cô gái; còn bạn trai của cậu thì đã dùng cửa nhà bếp để vào nhà, bước thình thịch qua mặt Dolly mà không thèm gõ cửa. Người yêu của Dolly sửa xe đạp trên lối đi ngoài cửa tiệm bán đồ kim khí ở khu phố, nên chị đối xử với mấy cậu con trai như những khách hàng tốt tương lai của người yêu. Chị xưng gọi họ một cách nịnh bợ, "Ông chủ" Johny hoặc Dick, dù bà chủ chị không cho phép chị làm hư mấy đứa trẻ trong nhà bằng cách này, vì khiến chúng có thể nghĩ chúng là những ông chủ nhỏ da trắng. "Ông chủ! Đồ bá láp! Thực hả, Dolly! Chị nên đặt tụi nó lên đùi mà xoa đít. Sẽ không có gì đổi thay cho người da đen ở đây cả, cho đến khi nào mấy người như chị hiểu rằng không ai sinh ra làm "ông chủ" cả; chị đừng quan tâm tới mấy đứa nhỏ da trắng mặc quần dùi đó." Nhưng Dolly không trả lời. Chị còn bực bội vì đã nhận được, với một sự thẳng thắn tương tự, tối hậu thư của bà chủ ra lệnh dẹp bỏ vụ mua bán rượu bia ở sân sau.

Khi bọn trẻ trong nhà còn nhỏ dại, cửa trước vẫn thường đón tiếp người da đen. Bọn trẻ vẫn ngồi trong lòng của những người đàn ông đàn bà da đen, và cười giỡn với những trò đùa của họ. Họ là những bạn hữu và đồng minh về chính trị của mẹ chúng. Pattie nhớ rất rõ một vài

người trong bọn họ. Mấy chú mấy bác đó bây giờ ở nơi đâu? Đôi khi cô để ý xem những gì đã xảy ra cho mấy chú mấy bác đó: tất cả những người đó hoặc đã bị lưu đày hoặc ở trong tù. Và qua giới sinh viên của cô, một cách có định ý, cô đã tìm đến một đoàn thể khác.

Các phong trào chính trị đã chết hẳn, trường đại học không mở cửa cho các sinh viên da đen, nhưng vẫn còn có những người Phi châu, thường là những nhạc sĩ và những người khác tham dự những cuộc trình diễn nhạc Jazz tự do, ai đến cũng được, một sự ngưng đọng đào thoát thực tại trong khói thuốc – những người da trắng theo đóm ăn tàn hay bọn da đen bám đít đều có ở đó. Một đôi lần cô còn đi chơi đến các nước da đen ngoài biên giới, và ở đó cô đã gặp gỡ những người Phi châu không phải là những tạo vật của đêm tối mà là những sinh viên, giống như chính cô vậy.

"Nếu con mê một anh da đen nào đó, thì chúng ta giải quyết thế nào?"

"Thì chị phải bỏ nước mà đi thôi." Trước khi mẹ cô hoặc bất cứ ai đó có thể trả lời, Rob đã lên tiếng trước.

Anh đang ghi chép những phụ trương màu mè về xe hơi cũ mà anh đang học. Cái nhìn của anh bị che lấp dưới mí mắt dưới, đầu anh hơi ngả về phía mẹ. Bà đang ngồi, một điếu thuốc kẹp ung dung giữa ngón trỏ và ngón giữa đầy nhựa, khuôn mặt với chiếc cằm vuông, rám nắng đang ngước lên với một nụ cười trễ xuống, không có lập trường. Họ đang chờ bà nói, nhưng bà không nói gì cả. Sau cùng bà đưa tay vuốt tóc con trai, đều đều như cào dọc theo lớp lông trên lưng mà mèo rất ưa thích.

"Một người bảo vệ tử tế, biết yêu kính Chúa, dòng dõi da trắng đang trưởng thành." Andrew ghé vào để lấy phần tiền tiêu hằng tuần, nói với mọi người như thế sau khi cậu em vừa đi ra.

Bà Doris Aucamp vẫn giữ vẻ trầm tĩnh trong sự im lặng của bà, như giáo sư Julius của bà đã có lần nhận xét, là bà có thể biến súng đạn thành nước lã. Bà chọc tức đứa con trai lớn bằng cách lườm cậu, cái

nhìn ấm áp, sắc ngắn, sự an ủi cho bọn trẻ con hay ganh tị và sợ mẹ thiên vị, thương con út nhiều hơn.

"Xin lỗi, không được chơi xúc xắc nhé, cậu em nhỏ của tôi không nghĩ là chúng ta nên làm như thế." Pattie thích thú. "Tội nghiệp thằng bé."

"Có người đã phải chịu thua con khi con đố ổng biết điểm sôi của nước không đấy mẹ". Nhưng cậu con trai không chấp nhận việc đổi đề tài của mẹ; đến phiên cậu, cậu ra vẻ như không nghe thấy gì cả.

"Độ Fahrenheit hay độ bách phân?" Một cô gái thuộc Peace Corp từ Uganda, đang ở trong nhà lúc ấy, háo hức chứng tỏ mình là người thân trong gia đình.

"Không phải loại nào cả. Tôi chắc là như thế. Ông ta không thể giải đáp được. Dù ông ta còn viện dẫn một người trí thức thực thụ để đánh giá ông ta, nhưng rồi sau đó ông ta lại khám phá rằng bà ta lại cũng không biết gì về chuyện đó."

"Da đen hay da trắng?" Pattie hỏi.

Có nhiều tiếng cười. "Ồ, ông ta da trắng chứ. *Rất* trắng."

Khi chỉ có hai người với nhau, cô gái trở lại đề tài đó. Chắc chắn là cô không biết một người nào khác ngoài Julius. "Khi anh còn nhỏ hả? Chuyện ông nọ với nước sôi đó."

"Ồ, không, mới mấy năm trước đây thôi."

Cô gái đang tìm số điện thoại trong quyển niên giám. Cô che lấp sự im lặng của mình bằng cách nói rất tử tế, lễ phép. "Vậy chứ điểm sôi của nước là gì nhỉ? Mình quên mất rồi."

"Ồ, tôi tìm ra nhanh lắm. Hai trăm mười hai độ Fahrenheit." Bà Doris Aucamp đang hút thuốc, cười sặc sụa.

Số điện thoại của Pattie gọi đang bị bận. Những ngón tay cô mang đầy nhẫn như Đức Giáo Hoàng tựa trên ống nói. Cô nói với cậu em, "Đó là vì ông ta muốn Chúa bảo bọc chúng ta đấy."

"Dĩ nhiên." Đó là cách trò chuyện quen thuộc của gia đình, xuất phát từ một bà ngoại nhầm lẫn sự mê tín với lòng thương hại. "Tội nghiệp mấy thằng quỷ nhỏ." Cô gái nói mơ màng.

Con ra mở cửa đi. Không bao giờ có ai tìm mẹ cả.

Khi bà mẹ đi vắng, không một ai – chắc chắn không phải là Dolly – trả lời tiếng chuông cho Pattie cả. Một buổi chiều nọ, chính là một người bạn sinh viên bên ngoài cửa; anh đến để báo cho cô hay tin một người bạn của họ vừa chết. Anh và vài người khác đang leo núi với cô gái trong một cuộc đi chơi ngoài trời ngày Chủ nhật hôm trước, và cô ta đã trượt chân ngã ngay trước mắt họ. Mười lăm phút sau, họ mang cô lên từ dưới đáy thác nước, cổ cô bị gãy.

Bà Doris Aucamp vừa bước ra khỏi xe trong nhà xe thì Dolly đã rình chờ sẵn. Thoạt đầu, bà nghĩ là chắc Dolly lại uống rượu, nhưng hóa ra không phải rượu đã làm nở rộng hai cánh mũi của chị với vẻ đóng kịch, nhưng là cái thiên hướng của tất cả các gia nhân, rất nhanh nhẩu với những sự xúc động sợ hãi mà họ chia sẻ với chủ; bởi vì ở đó, giữa những cái chết và tai họa, không có một đặc quyền hoặc ngoại lệ nào dành riêng cho ai cả.

"Cô bạn của cô chủ có đôi mắt to đó, thưa bà. Cái cô luôn luôn mỉm cười đó – cô Kathy đó. Cô ấy chết rồi. Thật đó bà ơi." Một tiếng thở dài run rẩy thoát ra từ cổ họng người đàn bà da đen.

Nơi lối đi vào phòng khách, bà mẹ đứng trước mặt cô con gái và người thanh niên; trên khuôn mặt họ, không có sự biểu lộ nào cho thấy là họ đang tiếp nhận sự việc chết chóc đó. Trông họ chỉ có vẻ ngượng ngập. Đây đó mấy lon bia và thuốc lá. Họ nhìn bà chờ đợi.

Dĩ nhiên là bà phải có một thái độ nào đó về việc này.

Thế mà bà chỉ đứng đó, mấy con mèo quấn quít dưới chân. Bà nói, "Ồ, không?" Người ta thường nói như vậy trong những quyển sách mà mọi người đều đọc, hoặc trong những cuốn phim mà họ xem. Rồi bà nhìn mái tóc xổ tung và chiếc mũi ửng hồng còn sinh động của cô con gái. Bà đặt tay lên miệng một lúc, nỗi xúc động đến với những gì đã không xảy ra hệt như đã xảy ra; nó có thể xảy đến cho bất cứ người nào ở đây, con cái của bà. Không có khuôn mặt nào ngoài cửa phải tiếp nhận điều đó cả.

Ba người ngồi uống bia, phá vỡ sự im lặng vụng về bằng cách lập lại những mẩu chuyện dính líu đến cô gái bất hạnh.

"Cô ấy mới ăn cơm chiều ở đây hồi tuần trước thôi. Có phải cô ta có bỏ quên chiếc áo mưa không nhỉ?"

"Chiếc áo ở sau cửa phòng con kia. Con để ý thấy cái áo hồi sáng này, còn mùi của cô ấy."

"Cổ nhìn giống như đang ngủ vậy. Thực đó, giống hệt. Ẻo lả. Mềm mại."

Trông người thanh niên có vẻ sợ sệt; ngủ chung với cô gái, ân ái với cô gái, rồi bây giờ, anh ta ôm giữ cái chết trong tay?

Anh ta là một người trẻ tuổi, thông minh, biết khéo léo làm giảm bớt bầu không khí ngột ngạt, trang nghiêm, đầy ngờ vực này. Cuộc nói chuyện cứ quanh đi quẩn lại về cô gái, trong lúc anh ta phác nhanh một bức họa bắt chước méo mó một người nào đó, thế là họ cười phá lên một chút, dù sao thì lúc bấy giờ họ đã ngà ngà say. Giữa họ, có một sự gần gũi, một đồng lõa giữa các thế hệ.

Trời đã tối đen. Bà Doris Aucamp đứng dậy để kéo màn cửa và đi lững thững từ trên lầu xuống lối đi nhà bếp, báo cho Dolly biết là sẽ có thêm một người dùng cơm tối. Rồi bà gặp cậu con trai nhỏ; cậu đang sửa máy thu thanh cho Dolly. "Con muốn bà chị cả chớn đừng đụng tới đồ đạc của con nữa. Con đi kiếm mấy cái kềm nhỏ khắp nhà và rồi nó ở đâu mẹ biết không? Dĩ nhiên là nằm đâu đó giữa đống lộn xộn trong phòng chị."

"Nào, đừng có làm ồn ào lên vào lúc này như vậy. Con cưng à, con thấy đó, Kathy..."

"Con biết chuyện đó rồi."

"Nhưng mà không phải lúc để con la lối. Nó đang rối trí."

Có mấy miếng băng sáng bóng trên mấy ngón tay gầy guộc, dơ bẩn của cậu, nơi mấy cái mụn cóc đã bị cắt đi. Mấy miếng băng mờ, theo kiểu hình xoắn độc đáo, không giống ai cả.

Cậu giận dỗi nhưng cẩn thận loại bỏ phần nhựa cách điện từ cuộn dây. Cậu ngẩng lên và vẻ bận rộn biến mất. Cậu nói, "Chỉ không có

khóc lóc gì đâu. Chỉ với anh Davy đang cãi qua cãi lại ở đàng ấy, rất bình thường. Rồi khi có người bạn nào đó gọi điện thoại là chỉ bắt đầu tự mình khóc lóc trên điện thoại. Chỉ làm màu mè vậy đó." Khuôn mặt cậu hiền lành, sáng sủa, cởi mở, chờ đợi.

Mẹ cậu nói: "Lúc nãy mẹ cũng suýt khóc."

Cậu hỏi: "Mẹ có tin chuyện đó không?"

"Chuyện gì?"

Cậu hơi nhún vai: "*Chuyện đó*. Con muốn nói là mẹ đã không nhìn thấy chị ấy nằm chết kia mà."

"Nhưng Davy thấy." Bà ngó dò vào mắt cậu để xem cậu giải thích thế nào.

Cậu không nói gì hết.

Bà nói, hơi do dự, "Davy nói trông thấy cô ấy giống hệt như đang ngủ vậy. Làm như cổ không chết vậy."

Cậu gật đầu: "Mẹ thấy chưa" – trong điệu bộ của một người chấp nhận rằng sẽ không ai có thể giải thích cho cậu.

Lần này thì bà không đưa tay chạm vào cậu nữa. Bà lững thững trở ra lối đi tối thui trong nhà, cúi gập đầu; những người đi theo các nhà tiên tri Phi châu đó, những người cho rằng có thể biến đạn thành nước, sau cùng, những người đó đã ngã gục khắp nơi trên những mặt trận, từ Cape cho tới Madagascar. □

– Dịch từ truyệnngắn *"CredibilityGap"*trích trong tập *Livingstone'sCompanions* của Nadine Gordimer, The Viking Press, New York xuất bản, 1971.

Tìm Đọc:

THƠ MIỀN NAM 1954 - 1975, Tập I

của Võ Phiến

Văn Nghệ xuất bản

Giá 6 Mỹ kim

KHẾ-IÊM

MÙ SA

*

Mây hôn, thơm chiều hoa
Mắt hoen bờ lệ nhòa
Xót ly biệt, hiu quạnh
Run run xưa, mù xa.

SẦU LÊN

*

Về, hoa đèn cô tịch
Lời tình đưa lênh đênh
Ôm ờ kiếp ôn dịch
Ôm thân ngây sầu lên.

THUYỀN SAO

*

Lập lòe, đom đóm dậy
Cỏ tươi, trăng đồng dao
Sông soài bóng run rẩy
Bước sông, xanh thuyền sao.

RƯỢU SẦU

*

Hoa trôi, hoài giang đầu
Mơ mơ thôn làng dâu
Hắt hiu, dấu du sĩ
Mênh mông môi, rượu sầu.

THƯỜNG QUÁN

Mùa Xuân Căn Phòng Trạm Dừng

★

tôi ngủ đêm đầu xuân trôi qua không hết
khuôn mặt một người bạn cười
giữa đám đông phấn trắng và lửa sáp
thành phố đang bắt đầu mùa kịch

hàng cột đá hàng cột đá
dựng ngoài trời
biển trên cao

từ bóng tối bước ra-đi-sóng khai từ
mùa xuân trong những trái táo xanh căng tròn nước
bản fandare vỡ rè giọng kèn

những khu phố mở cửa và để đèn
khi không thể ngủ theo hơi ấm
bầu trời mới trở về

những cánh sao hương hoa táo răng sữa
nến cháy trong những chiếc đèn lồng
tiếng gỗ hợp thanh trên những cành trần trụi

tôi ngủ trong thành phố mở ngỏ của con người
nụ cười đôi mắt bạn
căn phòng một trạm dừng buổi sáng nắng trong không nói

không có gì, chỉ đám đông trẻ nhỏ bình an
tàn mùa kịch, sửa soạn giờ đi, không bận lòng câu hỏi
sẽ về đâu

trong căn phòng nắng xanh gió biển
khuôn mặt nụ cười chào
gởi – hiểu

giã từ những đoạn đường đã qua những con dốc ngược
người diễn viên phông phông đi mở ngực
gắm chặt mũi giáo gió cuồng say

từ biệt giấc ngủ bóng tối những khoảng lầy
rừng cỏ lau mọc xuyên qua những chiếc sọ hoang
để ngửa tay hamlet

từ biệt những hậu trường gió doạn
đánh bật những chiếc màn
rách đỏ chiều mái dột chân dung nước chảy

từ biệt quá khứ bít tứ những cánh đồng
dốc cạn máu huyết sân khấu thời vua lear
cuộc tương tàn tối tăm hỗn độn

từ biệt hết những tuồng tích trả bằng linh hồn
những vai trò không thể chọn
trận bi hài bao lần hạ màn dốc cạn
tình yêu cho sân khấu ngày mai

đi về quê hương của những cơn mơ và huyền thoại
những trẻ thơ và những anh khờ
những gã hề và những trái đồi nhạt hồng treo lửng

sớm mai mùa xuân căn phòng trạm dừng
mở cửa và để đèn
nắng đã xanh đầy
nắng đã xanh đầy, vắng im, an ổn –
chỉ tiếng sóng biển xa...

TRỊNH Y THƯ

bẫy chết

*

1.

Từ phi trường ra tôi đi làm giấy tờ mướn xe rồi lái thẳng đến nhà Kim. Đã hơn năm năm tôi mới trở lại California. Cảnh vật khá lạ so với bên miền đông nơi tôi sinh sống nhưng quả tình tôi không còn tâm trí đâu để thưởng thức phong cảnh đẹp đẽ hai bên con thông lộ 101 đưa tôi từ phi trường San Francisco đến thành phố mang tên Foster City.

Tôi vội vã xin nghỉ làm bất chấp lời cằn nhằn đầy bực dọc của tên xếp rồi tức tốc lên đường. Vợ tôi lo lắng hỏi han, tôi trả lời qua quýt trong lúc nhét vội đống quần áo vào va-li. Được cái vợ tôi là người đàn bà chịu đựng, cô chỉ biết ôm mặt khóc thút thít lúc tôi đi như chạy ra nhà xe, rồ máy rồi phóng thẳng ra phi trường. Lòng tôi nóng như lửa đốt và tôi thấy sẽ mất rất nhiều thì giờ nếu ngồi lại giải thích cho vợ tôi biết rõ về Kim, về mối liên hệ giữa chúng tôi trước đây, và lại càng không biết nói sao cho cô hiểu về chuyến đi xa bất ngờ, đầy vội vã này. Thôi, cứ để cô khóc lóc một chút, khi về tôi sẽ tìm cách kể lể đầu đuôi mọi sự, chắc cũng chẳng muộn màng gì.

Thành phố đẹp và hết sức sạch sẽ. So với thành phố nơi tôi cư ngụ, nơi đây giống như những khu nhà kiểu mẫu đẹp đẽ nằm ngăn nắp, thứ tự bên nhau để du khách đến xem chứ không có người ở bên trong. Từ thông lộ 101 đi vào, tôi có cảm tưởng chiếc xe như đang lao xuống vịnh San Francisco. Cầu San Mateo dài tít tắp bắc ngang qua vịnh như thách đố với thiên nhiên, gió từ vịnh thổi vào mát rượi, cây cỏ hai bên đường tươi tốt xanh rì. Thành phố đẹp nhưng người đi bộ lại vô cùng

thưa thớt. Chạy xe loanh quanh một chặp tìm nhà, tôi bắt gặp không quá năm người khách bộ hành đi lững thững hoặc cắm cúi chạy bộ dọc theo những công viên.

Cuối cùng tôi cũng tìm được nhà Kim. Đó là một khu chung cư rộng lớn, nhiều dãy nhà hai tầng nằm khuất sau những lùm cây cao rậm rạp, xe đậu san sát ở bãi đậu xe có mái che. Lại phải mất một lúc khá lâu tôi mới tìm ra đúng căn *apartment* nơi Kim ở.

Càng gần đến nhà Kim tôi càng thấy lòng hồi hộp, nao nức. Mồ hôi tươm ra ướt nhẹp hai bàn tay. Lúc còn ở bên trời đông, cách đây mới hơn tám tiếng đồng hồ thôi, tôi nóng lòng như muốn chắp cánh bay qua với Kim. Nhưng giờ đây, khi chỉ còn cách cô chỉ vài chục thước, tôi lại thấy phân vân, cứ muốn kéo dài thời gian đi kiếm nhà, lòng rối bời với hàng trăm ý nghĩ lộn xộn. Có điều, cho đến giờ phút này tôi vẫn chưa tìm ra lý do hay động lực nào đã thúc đẩy tôi chạy như ma đuổi qua đây với Kim. Tôi đoán Kim đang cần tôi. Tôi đoán chừng vậy thôi, và chắc phải thế, vì nếu không tại sao cô đã khóc nức nở khi nói chuyện với tôi trên điện thoại viễn liên xuyên lục địa chiều hôm qua lúc cô gọi cho tôi. Nhưng nếu hỏi Kim cần gì nơi tôi thì quả thực tôi cũng không rõ lắm. Tôi làm được gì cho một người sắp chết mà người đó đã hơn năm năm hoàn toàn cắt đứt mọi liên hệ với tôi?

2.

Kim sắp chết. Ý tưởng này làm tôi choáng váng như bị ai đập một nhát chí tử vào đầu. Nhưng thực ra, suốt năm năm qua, Kim đã chết trong lòng tôi, một cái chết mang trọn vẹn ý nghĩa tượng trưng, sáo rỗng của nó. Năm năm, tôi đã lấy vợ khác, đã đẻ ra những đứa con khấu khỉnh, đã có một đời sống bình dị tầm thường nhưng hạnh phúc. Vợ tôi không đẹp nhưng thương yêu tôi hết mực. Cô thuộc loại đàn bà bình dị, hiền thục, một mẫu đàn bà sinh ra chỉ để biết chiều chồng thương con. Tôi đòi hỏi gì hơn nữa, nhất là sau những trắc trở, đổ vỡ giữa tôi và Kim? Năm năm, Kim không còn gây xúc động trong lòng tôi nữa. Đời sống tôi có lẽ cứ thế lặng lờ trôi qua cho đến cuối cuộc đời nếu

Kim không trở lại khuấy động nó lên trước khi cô nhắm mắt bỏ lại cõi đời này. Nhưng tại sao cô lại chọn tôi đóng chung trong cái vở bi kịch tầm thường do Thượng Đế đạo diễn và cô thủ diễn vai chính đó? Tôi hoàn toàn không có câu trả lời.

Kim gọi cho tôi trong sở làm khi tôi đang túi bụi với công việc vào chiều thứ sáu. Cô nói cô tìm ra số điện thoại tôi từ một người bạn ở San José và đã gọi nhiều lần nhưng hôm nay mới gặp được tôi. Sau giây phút ngỡ ngàng lúc đầu là những lời thăm hỏi. Rồi Kim nói thẳng cô cần tôi qua với cô trong vài hôm. Cô nói một cách thẳng thừng, không úp mở, không rào đón trước sau. Tôi hỏi chồng cô đâu, trong đầu nghĩ đến chuyện cơm không lành canh không ngọt giữa hai người, nhưng cô nói vợ chồng cô vẫn như thường, cô chỉ cần tôi qua thăm vài bữa thôi. Tôi hỏi để làm gì nhưng cô không chịu nói. Tôi hoang mang không biết Kim đùa hay thực, hơn nữa công việc đang rất bề bộn và nếu đi tôi không biết phải ăn nói thế nào với vợ tôi. (Tôi không chối cãi là ngay lúc đó tôi đã có ý muốn gặp lại Kim, một ý muốn được thúc đẩy do lòng tò mò muốn biết người bạn gái cũ của mình giờ này ra sao). Tôi gặng hỏi mãi và cuối cùng Kim bật thành tiếng khóc. Từ lúc đó, tôi không tự chủ được nữa. Tôi hành động như một người máy được sai khiến bởi những tín hiệu từ bên kia lục địa phóng qua.

Tôi bấm chuông căn phòng số 127, Kim hiện ra đón tôi với nụ cười rạng rỡ trên môi. Tôi bỡ ngỡ. Sửng sốt thì đúng hơn. Kim đẹp tươi thắm như một thiếu nữ đang xuân. Tóc cô cắt ngắn chứ không để dài như dạo quen tôi, và được chải gỡ kỹ lưỡng. Da mặt cô mịn, trang điểm công phu. Cô lộng lẫy trong bộ váy ngắn màu đen, vớ lưới cùng màu bó lấy cặp đùi săn chắc, giày cao gót ôm lấy đôi bàn chân thon thả. Trông cô như đang chuẩn bị đi dự dạ tiệc hay hẹn hò với ai. Trước mặt tôi không còn là cô sinh viên tóc dài đen nhánh, quần *jean* xanh, giày ba-ta trắng quanh năm suốt tháng, mặt mũi không bao giờ trang điểm nữa. Kim khác xưa quá và toàn thân cô toát ra vẻ kiều diễm lạ lùng khiến tôi không sao tự chủ được, mắt cứ đăm đăm nhìn cô không chớp.

Tôi lúng túng, ngượng nghịu đứng ở cửa, phải đợi Kim nhắc mới bước chân vào nhà. Cô đi rót nước cho tôi trong lúc tôi vào ngồi xuống

ghế xa-lông. Tôi đảo mắt nhìn quanh phòng khách. Ngoài hai kệ sách lớn, đồ đạc trong nhà khá tươm tất và hợp thời trang. Tôi đoán Kim đã tự tay đi mua sắm các thứ trong nhà vì tôi biết cô thích trang hoàng nhà cửa. Kim đặt ly nước xuống bàn rồi tự nhiên lại ngồi cạnh tôi. Tôi vẫn ngây người ra, cổ họng như khô đặc lại, không nói được điều gì trong lúc Kim nhìn tôi, mắt tinh quái, miệng cười tủm tỉm. Hình như nhìn ra sự lúng túng, vụng về của tôi, Kim pha trò:

"Chương, anh mập ra so với dạo trước đấy. Chị nhà khéo nuôi nhỉ?"

Tôi gượng gạo trả lời không thành câu, lòng cứ thắc mắc về dáng điệu, khuôn mặt không tỏ ra chút bệnh hoạn nào của Kim. Tôi tưởng người bệnh phải xuống sắc ghê lắm, nhất là chứng ung thư máu hết thuốc chữa như cô nói với tôi, một chứng bệnh làm cơ thể mất hết khả năng sản xuất tế bào bạch và hồng huyết khiến người bệnh xanh như tàu lá và nói thở không ra hơi. Tôi tưởng khi gặp Kim tôi sẽ gặp một cái xác nằm rũ liệt trên giường, một người bệnh mặt mày bơ phờ, thiểu não, hai mắt như van lơn, níu kéo đời sống trở lại với mình. Tôi tưởng khi đến nơi tôi chỉ còn kịp nghe lời trăn trối của một người sắp chết và, như trong một cuốn phim rẻ tiền, tôi chỉ kịp hôn nụ hôn cuối cùng lên đôi môi héo úa, xanh tím, và nhìn vào đôi mắt sâu hoắm lờ đờ một lần chót trước khi đôi mắt ấy khép vào ngàn đời vĩnh viễn. Tôi tưởng tôi sẽ đến ngồi bên giường bệnh của Kim, nắm lấy bàn tay xanh xẩu gầy guộc chằng chịt gân xanh của cô, khẽ vỗ về, an ủi cô bằng những lời lẽ quê mùa thừa thãi. Mọi dự tưởng của tôi hoàn toàn sai trật. Kim không xuống sắc chút nào, và nếu so với thời gian năm năm về trước khi tôi và Kim yêu nhau, trông cô bây giờ lại có phần tươi thắm, xinh đẹp hơn. Hay cô mới bị bệnh ở thời gian đầu khi những tác hại khủng khiếp của căn bệnh lên thân xác chưa thực sự rõ rệt? Đầu óc tôi đặc lại với hàng trăm hình ảnh cũ mới hiện ra quyện rối vào nhau. Tôi xúc động đến tê tái cả miệng lưỡi trong khi Kim bình thản cười nói như thể chúng tôi mới gặp nhau ngày hôm qua ở sân trường hay trong thư viện và chiều nay tôi tạt ngang phòng cô ngồi xem tin tức trên máy truyền hình trong lúc chờ cô sửa soạn bữa cơm tối như thời gian năm năm trước đây.

Ngồi nói chuyện một lát, Kim vào phòng lấy sắc tay rồi nói:

"Thôi, tụi mình đi, anh."

"Đi đâu?" Tôi ngơ ngác hỏi lại.

"Đi ăn chứ đi đâu. Em chờ anh đói đến lả cả người rồi."

Tôi đứng dậy như cái máy theo Kim bước ra cửa. Lúc ngồi vào xe, tôi thu hết can đảm hỏi cô:

"Tâm đâu?"

"Ảnh xuống San José rồi," Kim đáp, giọng vẫn không thay đổi. "Chắc lại nhậu nhẹt với đám bạn dưới đó tới tối chủ nhật mới về."

"Tâm... biết anh qua đây không?"

"Biết."

"Em nói với Tâm?" Tôi hỏi một câu hết sức thừa thãi.

"Vâng."

"Phản ứng của Tâm như thế nào?"

"Tâm chúc hai đứa mình đi chơi vui vẻ."

"..."

"À, Tâm còn bảo nếu cần cứ lấy xe Tâm đi vì xe Tâm tốt hơn xe em, nhưng em bảo anh qua đây mướn xe nên không cần."

"Tâm buồn nhiều không?"

"Tâm buồn, nhưng Tâm uống rượu nhiều quá... Ngay từ dạo trước Tâm đã chìm đắm trong men rượu, ít khi em biết Tâm buồn vì lẽ gì... Tánh Tâm lại sâu kín, nhiều lúc em và Tâm suốt ngày không nói với nhau một câu nào."

"Nhưng từ ngày biết em mắc bệnh chắc Tâm phải buồn hơn chứ?"

Tôi đã định trong suốt thời gian bên cạnh Kim sẽ hết sức tránh né, không nói gì đến chuyện bệnh hoạn của cô vì sợ cô động mối thương đau, tôi muốn đem niềm vui, chỉ niềm vui thôi, đến cho cô trong những tháng ngày ngắn ngủi thấp thỏm còn lại trên mặt đất này trước khi cô từ giã nó, nhưng Kim vẫn bình thản như thể cô đã chấp nhận cái định mệnh nghiệt ngã bắt cô phải về với cát bụi trong lúc nhựa sống thanh xuân còn đang căng tràn thế kia. Cô trả lời:

"Dĩ nhiên Tâm buồn hơn, nhưng Tâm chỉ biết rút về cái vỏ ốc của Tâm bằng men rượu. Em thực khổ sở với chứng nghiện rượu của Tâm, khuyên bảo bao nhiêu lần đi bệnh viện chữa trị mà không được. Bây giờ Tâm lại càng có cớ để uống... Tâm sẽ chết vì rượu mất thôi."

Tôi không hỏi han gì thêm nữa, im lặng cho xe chạy thẳng lên San Francisco, len lỏi qua những con phố trồi hụp của cái thành phố thơ mộng đó, băng qua cầu Golden Gate, chạy một đoạn nữa rồi rẽ vào thành phố có tên là Marin City. Chúng tôi dừng lại trước một quán ăn lớn lịch sự nằm nhô ra bờ vịnh trên một doi đất nhân tạo lởm chởm đá xanh.

"Chương nhớ lần đầu tiên tụi mình đến đây không? Em nhớ mình đậu xe tuốt ngoài kia rồi đi bộ vào. Hồi đó tụi mình trẻ con thật, thích ngồi quán đẹp mà sợ thiên hạ trông thấy chiếc Volkswagen con cóc đời 63 của anh nên không dám vào *valet parking*... Em thích tiệm ăn này lắm, Tâm chẳng bao giờ đưa em đến đây. Ảnh chỉ thích chui vào mấy quán ăn Việt-nam dưới San José vừa chật chội vừa dơ dáy, nồng nặc mùi hơi người và mùi đồ ăn. Ngồi đây nhìn về thành phố bên kia vịnh nhấp nháy ánh đèn lúc đêm xuống khi nền trời còn ưng ửng sáng, uống Chablis, ăn cá *red snapper*, nghe tiếng sóng vỗ vào thành đá, tưởng không còn gì thú vị hơn, anh nhỉ?"

"Nhất là bên cạnh còn có người mình yêu nữa." Tôi tưởng câu nói đóng góp thêm vào cái không khí thi vị, trữ tình Kim đang vẽ ra cho buổi tối nhưng cô im lặng một cách khó hiểu sau câu nói của tôi. Cô đột ngột hỏi tôi lúc hai đứa ngồi vào bàn:

"Chương... anh còn yêu em không?"

Tôi bối rối thực sự.

Động lực gì đã khiến tôi quyết định chóng vánh, bỏ cả sở làm, bất chấp phản ứng của vợ tôi, lái xe như điên khùng ra phi trường, ngồi đợi ba tiếng đồng hồ, phải trả gần gấp đôi giá bình thường cái vé máy bay để tất tả sang đây với Kim? Tôi không hiểu được tôi nữa. Tình yêu của tôi cho Kim vẫn tiềm ẩn trong lòng suốt năm năm qua sao? Hay chỉ vì tôi động lòng trắc ẩn, thương xót một người sắp từ giã cõi đời, đành

phải chấp nhận bất cứ lời yêu cầu nào của người đó – dù lời yêu cầu phi lý đến đâu chăng nữa – như thể tôi là người ban phát đặc ân sau cùng cho người tử tội trên đường ra pháp trường?

Nhưng tôi đã trả lời Kim:

"Chắc anh vẫn còn yêu em nhiều lắm, Kim ạ," Tôi nói mà không ý thức được mình đang nói gì, "Sau khi chuyện hai đứa mình tan vỡ, anh bỏ về Boston được thời gian thì lấy vợ. Vợ anh hiền lành, thương yêu, chiều chuộng anh, có hai đứa con với anh. Nhưng anh không quên được em. Anh sống bên vợ mà lúc nào cũng nghĩ đến em."

"Thế tại sao trong suốt thời gian đó anh không bao giờ liên lạc với em dù chỉ là một cú điện thoại thăm hỏi bình thường?"

"Có lẽ vì tự ái... " Tôi khá ngạc nhiên cho cái tài biến báo kịp thời của mình, thường tôi rất ù lì, chậm chạp khi phải đối đáp, ứng biến với ai.

"Vẫn cái tự ái vô duyên không đúng chỗ. Dạo trước, tụi mình xa nhau phần lớn cũng chỉ vì cái tự ái rởm đó của anh."

"Anh vẫn không thay đổi gì."

"Không, thực ra anh trưởng thành nhiều lắm," Tôi chống chế, "Phải nói anh lớn hẳn ra sau lần đổ vỡ với em. Bây giờ anh là con người khác, chững chạc hơn, tự tin vào mình hơn, hiểu biết hơn, khoan dung hơn... Và anh tiếc tụi mình đã không thành..."

"Thôi, anh dừng nhắc lại chuyện cũ," Kim ngắt lời tôi, rồi cô bỗng cười ròn, "Nhưng nếu dạo đó lấy em thì bây giờ anh sắp thành người đàn ông góa vợ rồi đấy."

"Anh sẽ chìm sâu dưới nỗi thương đau diễm lệ đó. Mỗi ngày anh sẽ ra mộ em với một nhánh hồng nhung đỏ." Tôi vừa nói vừa cười tủm tỉm.

"Anh có vứt ngay cái câu sặc mùi cải lương rẻ tiền đó của anh đi không!" Kim cười to hơn, "Cha, bây giờ cũng bày đặt văn hoa tán tỉnh, chả bù dạo trước một câu nói cho em mát ruột, mát lòng cũng hà tiện, chẳng bao giờ thốt ra. Nhưng cho anh biết, em chết trẻ nên linh thiêng

lắm, anh liệu mà giữ lời, em hiện hồn về quấy nhiễu anh suốt đời cho xem."

Giọng cô bỗng chùng xuống, trở nên xa vắng: "Nói vậy chứ em thấy yên ổn lắm. Em chấp nhận cái chết như định mệnh đời mình. Em coi như em được Chúa gọi về, và em sẽ về quì dưới đôi tay Chúa để nhận sự cứu rỗi linh hồn. Nghĩ được như thế, em thấy thanh thản vô cùng..."

Từ đó cho đến lúc về phòng khách sạn, chúng tôi như hai người tình ở xa lâu ngày gặp nhau. Câu chuyện cứ thế nồng ấm thêm như thân thể Kim lúc tôi ôm chặt trong lòng. Tình cũ không rủ cũng về, huống chi cả hai chúng tôi đều ân cần rủ rê, mời mọc. Thân thể đàn bà của Kim như quả chín tôi đã có lần nếm khi còn xanh. Nó thân quen nhưng vẫn làm nao nức khi khám phá. Nó như khu vườn khi tôi ra đi còn èo uột cây lá và khi tôi trở về rộ nở muôn màu. Tôi trườn mình khám phá từng phân vuông da thịt Kim. Tôi quên hẳn những con vi khuẩn lúc nhúc đang đục ruỗng phần bên dưới làn da trắng muốt, thơm tho đó. Tôi tan ra trong Kim như dòng sông không cưỡng được sức đổ từ thượng lưu, ào ạt tuôn trào, đổ tung ra biển cả.

3.

Tôi trở về miền đông với cảm giác ngất ngây khó tả sau hai ngày sống bên Kim. Hai ngày vỏn vẹn nhưng chúng tôi đã khám phá ra những bí ẩn của nhau mà cách đây năm năm mất đến hai năm vẫn không sao tìm thấy. Về lại chốn cũ bên cạnh vợ con, tôi thấy hết sức khó khăn hòa nhập vào cuộc sống bình thường. Tôi đã thực sự trở thành con người máy được điều khiển bởi những tín hiệu từ bên kia đại lục phóng qua. Và những tín hiệu phóng qua hằng ngày, có khi một ngày ba, bốn lần. Ban ngày tôi dùng điện thoại của sở gọi cho Kim, hoặc cô gọi tôi dùng số miễn phí của sở. (Dĩ nhiên do tôi đưa). Kim nói Tâm bây giờ ít khi ngủ nhà. Từ sở làm ra, anh hay về thẳng rồi ngủ lại nhà bạn bè dưới San José. Kim nói ngủ một mình cô sợ lắm. Cô còn nói thêm từ hôm biết cô mắc bệnh, Tâm không "gần" cô nữa. Những đêm ngủ nhà, Tâm ôm mền gối ra phòng khách nằm ở ghế xa-lông sau khi

nốc vào cả nửa chai rượu mạnh. Cô nói cô nhớ tôi da diết và cần tôi sang ngay, càng sớm càng tốt. Hình như cô không bao giờ hỏi han gì về vợ con tôi, về nếp sống gia đình của tôi cả, làm như tôi là người độc thân, không vợ không con.

Cùng lúc, giữa tôi và vợ tôi xảy ra những xung đột trầm trọng. Từ hôm tôi đi về, vợ tôi có những thay đổi rõ rệt. Cô trở nên ít nói. Những lời giải thích của tôi về chuyến đi đầy khả nghi đó không làm cô vui vẻ trở lại. Những câu nói như, "Một người bạn cũ của anh bị ung thư sắp chết, cần anh sang giúp đỡ sắp xếp ít công việc" chỉ khiến vợ tôi nghi ngờ thêm. Cô cũng không mấy tin vào cái bệnh "ung thư" gì đó mà qua sự mô tả của tôi là một chứng bệnh kinh khiếp, làm người bệnh tàn tạ thân xác, tan tác tâm hồn. Rồi những lần về trễ vì phải ở lại sở ôm điện thoại, những tiếng chuông điện thoại bên giường ngủ reo vang lúc nửa đêm nhưng tôi lại chạy xuống lầu nhấc máy và ở dưới đó cả tiếng đồng hồ. Rồi những cú điện thoại nghe tiếng vợ tôi trả lời thì tắt biến. Vợ tôi chịu đựng không nổi nữa. Cô gây với tôi và tôi gây lại. Trong nhà thường xuyên có tiếng cãi cọ và tiếng khóc ré của hai đứa con tôi. Vợ tôi hiền nhưng cục. Hình như khi bị dồn vào chân tường, cô sẽ có phản ứng rất quyết liệt. Biết vậy nhưng tôi vẫn không làm được gì khác hơn.

Tình trạng kéo dài hơn tháng tôi lại bỏ nhà bay qua Kim. Lần này tôi ở lại đến một tuần. Chúng tôi thuê xe rồi lái xuống miền nam tiểu bang nơi có rất đông người Việt cư ngụ. Từ đó chúng tôi lại vượt biên giới sang Mexico thăm viếng trước khi về. Kim vui sướng như con chim non rời tổ và chúng tôi như cặp vợ chồng mới cưới đang hưởng tuần trăng mật thơ mộng đầu tiên.

Hôm đưa Kim về nhà sau chuyến đi chơi xa, tôi gặp Tâm đang ngồi uống rượu với một người bạn ở bàn ăn dưới bếp. Hơi bất ngờ nhưng tôi cũng cố bóp miệng được nụ cười xã giao chào anh. Anh không nói gì, gã đàn ông kia cũng im lặng như một xác chết. Từ mắt Tâm phát ra những tia hung quang đỏ ngầu dữ tợn như mắt con chó dại. Tôi rùng mình kinh hãi thầm và tia mắt đó ám ảnh tôi trên suốt đường về.

Tôi về. Vườn trước dựng bảng bán nhà. Trong nhà không một

bóng người, phòng nào cũng bừa bộn như vừa có một trận ẩu đả kịch liệt xảy ra. Tất cả mọi thứ đáng giá trong nhà kể cả quần áo, đồ dùng của vợ tôi và hai đứa trẻ đều biến sạch. Tôi mệt lả người, đã quá nửa đêm, đầu óc tôi căng cứng. Để nguyên quần áo, cà-vạt, giày vớ, tôi nằm vật xuống giường ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau tôi vào sở làm và được biết tôi không còn là nhân viên của họ nữa. Hơn một tháng qua tôi bỏ bê công việc, lại tự ý bỏ đi cả tuần lễ không có phép. Tôi về nhà nhấc điện thoại định gọi sang Kim nhưng không nghe thấy tiếng o o quen thuộc phát ra từ ống nghe. Tôi bực mình vào phòng tắm vặn nước định tắm cho khỏe thì không có nước nóng. Vẫn tục một mình, tôi bước ra mặc lại áo quần, đóng mạnh cánh cửa, không thèm khóa, rồi phóng xe đến nhà người bạn quen.

4.

Tôi không về dự đám tang Kim. Có lẽ đó là một đám tang buồn. Tôi dở dẩn thật! Có đám tang nào vui vẻ bao giờ đâu. Nhưng ngoài vẻ buồn bã, tôi đoán khuôn mặt những người thân sơ, họ hàng, bè bạn của Kim hôm đưa đám chắc phải hoang mang ghê lắm. Họ hoang mang vì không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Kim không chết vì ung thư. Kim không hề bệnh tật, đau ốm gì cả. Cô khỏe mạnh như mọi người bình thường khác. Kim chết vì phát đạn oan nghiệt của Tâm. Trong cơn say rượu, Tâm đã nổi cơn điên và đi tìm giết Kim như một tên sát nhân chuyên nghiệp. Khi tỉnh ra, Tâm đi đầu thú cảnh sát và bị tống giam chờ ngày ra tòa lãnh án.

Còn tôi đến giờ phút này vẫn chưa hồi tỉnh. Tôi và Kim đồng lõa nhau cùng chui vào bẫy, vô tình kéo Tâm theo. Một cái bẫy chết vì ba người trong đó thì Kim chết, Tâm lâm cảnh tù tội lao lung, và tôi sống lưởng vưởng như một tên du thủ du thực không nhà cửa, không gia đình, không việc làm, không tiền bạc, không người quen.

Lần cuối gặp Kim, ngồi trong một quán rượu, tôi hỏi cô:

"Có phải em đã tưởng tượng ra cái bệnh ung thư quỉ quái gì đó để bẫy anh và Tâm không?"

Ngập ngừng vài giây đồng hồ, Kim nói:

"Em biết thể nào cũng có ngày anh hỏi em câu này. Vâng, em chẳng bệnh hoạn gì cả. Em lừa dối anh, em lừa dối mọi người..."

"Tại sao em làm vậy hả, Kim?" Tôi nói như hét khiến vài người khách ngồi bàn bên cạnh quay sang tò mò nhìn xoi mói. "Em có biết em đã quấy nát đời anh ra không? Hai đứa con anh, vợ anh, không làm gì sai trái cả, bỗng nhiên trở thành nạn nhân của em. Còn anh, đang là người có công ăn việc làm, gia đình, con cái đàng hoàng bỗng dưng trở thành người tay trắng. Sao em tàn ác thế? Có ai nợ nần gì em đâu mà em nỡ làm như vậy? Rồi Tâm biết ra thì em ăn nói thế nào đây? Liệu Tâm có để yên cho anh, cho em không?..."

Tôi nói nhiều lắm, hình như Kim biết lỗi nên cô im lặng chịu đựng cơn thịnh nộ của tôi. Đợi tôi nói hết cho hả cơn giận, cô mới dịu dàng cất tiếng: "Anh bình tĩnh lại chút đi, to tiếng ở đây người ta nhìn kỳ lắm... Anh nói anh mất vợ mất con, nhưng anh còn em. Anh chẳng bảo anh yêu em nhiều lắm đấy sao? Tụi mình bây giờ hiểu nhau hơn hồi trước, sống với nhau chắc phải hạnh phúc. Em yêu anh. Em lúc nào cũng yêu anh, trước kia và bây giờ. Em sẽ chính thức ly dị Tâm rồi về làm vợ anh. Anh thấy như thế có phải vẹn toàn không? Chương ơi, làm vợ anh là điều em tâm nguyện từ thuở mới quen anh..."

Rồi cô nắm lấy tay tôi vuốt ve mơn trớn. Tôi nhìn gương mặt xinh đẹp của Kim, đôi mắt chớp chớp có những hàng lông mi dài, chiếc mũi thanh tú và đôi môi ướt đỏ nơi tôi đã đặt lên không biết bao nhiêu nụ hôn. Câu nói tha thiết của Kim và sự vuốt ve làm tôi dịu hẳn xuống nhưng đầu óc tôi vẫn ngao ngán, hoang mang như thể tôi vừa biết ra một sự thực tàn khốc trên đời.

"Anh thực không hiểu được em." Tôi khổ sở lắc đầu, "Nhưng tại sao em phải bịa đặt ra chuyện bệnh hoạn? Để làm gì? Em có biết điều đó nguy hiểm lắm không? Tại sao em không đề nghị thẳng chuyện ly dị với Tâm, như thế có phải ổn thỏa hơn không?"

Suy nghĩ một lúc khá lâu, Kim nói:

"Có lẽ tại đời sống, Chương ạ... Đời sống buồn chán quá nên em không tự chủ được," Tôi trố mắt nhìn Kim trong lúc cô vẫn chậm rãi nói như một người xưng tội, "Em bị sự buồn chán giết lần mòn. Em muốn làm một cái gì để phá vỡ, đạp đổ các thứ ràng buộc chung quanh mình. Ngoại tình ư? Trò chơi ngoại tình không còn hứng thú nữa. Lũ bạn em mười đứa hết chín đứa ngoại tình, đứa có *affair* thật sự, đứa ngoại tình trong tư tưởng. Nhưng dù ngoài đời hay trong tư tưởng cũng là ngoại tình. Riêng em, em không muốn như vậy, em muốn hơn thế nữa, nếu ngoại tình em sẽ ngoại tình trước mắt chồng em... Em nghĩ đến anh và vẽ ra trò chơi giả bệnh để lôi anh ra khỏi cái cung điện hạnh phúc giả dối của anh, và có lẽ chỉ có cách đó em mới lôi anh ra được thôi. Hơn nữa, em biết anh còn yêu em và em cũng chưa quên được anh. Dù ở xa em vẫn theo dõi cuộc sống anh. Anh lấy vợ nhưng anh không yêu vợ cũng như em lấy chồng mà không hề yêu thương chồng. Cả anh lẫn em đều là nạn nhân, nạn nhân của đời sống và nạn nhân của chính mình..."

Tôi không tin vào đôi tai mình đang nghe những lời Kim nói. Nếu những gì cô nói là sự thực thì cô mắc bệnh tâm thần mất rồi. Và như vậy cô đáng thương lắm chứ không có tội tình gì. Tôi không hiểu đời sống ở Mỹ sẽ đưa thế hệ những người lưu vong như chúng tôi đến đâu? Một thế hệ thất lạc? Những người như tôi, như Kim, và còn biết bao người khác nữa, những người đứng chênh vênh giữa hoang nguyên sa mạc, nghi ngờ mọi giá trị cũ nhưng lại chưa tìm ra được một giá trị mới nào để thay thế, những người không biết đâu là hạnh phúc đích thực, cứ chạy lòng vòng tìm kiếm ảo vọng để rồi bị chôn vùi một cách thảm thương dưới những hoang tàn của đời sống đó.

Tôi theo chân Kim bước ra khỏi quán rượu, lòng hoang mang, lo sợ một cách vu vơ kỳ lạ. Nhưng khi về đến khách sạn, cánh cửa phòng vừa khép lại Kim đã quấn chặt lấy tôi và tôi lại chìm lỉm dưới con nước ào ạt tuôn tràn ra biển, từng đợt cuồn cuộn chập chùng.

Khi nhả tôi ra, cô ghé vào tai tôi thầm thì: "Anh biết tại sao em

không quên được anh không?" Tôi nói không biết. Cô vừa cười vừa nói, "Tại vì khi làm tình xong, anh không như Tâm chỉ biết nằm vật ra rồi mò mẫm tìm thuốc hút. Em ghét cái tính đó của Tâm lắm." Tôi bảo cô đừng nhắc đến tên Tâm nữa. Tôi nằm yên suy nghĩ. Tôi linh cảm từ giờ phút này Tâm sẽ là mối đe dọa thường xuyên trong cuộc sống tôi. Tôi nhớ đến đôi mắt đỏ ngầu như mắt con chó dại lạnh lùng nhìn tôi buổi tối tôi gặp anh ngồi uống rượu trong nhà bếp. Tôi thấy lạnh nơi xương sống và tự nhiên thèm rít một hơi thuốc lá nhưng chợt nhớ câu nói Kim vừa thốt ra khỏi miệng nên dành nằm im. Tôi đã bị con nước lớn lôi tuột ra biển sâu. Tôi mất đường về rồi. Cảm giác hoang mang sợ hãi làm dạ dày tôi đau nhói như bị hàng trăm mũi kim nhọn châm chích. Tôi thở dài xoay lại ôm Kim. Cô sung sướng dụi đầu vào ngực tôi, mùi da thịt nồng ấm lẫn mùi nước hoa phảng phất. Tôi tội nghiệp cho Kim và thấy thương cô vô hạn. Tôi lùa tay vào mái tóc cô, tìm vết sẹo gần sau ót do vết thương bị ngã hồi cô còn bé thơ rồi lấy tay mân mê chỗ đó mãi. Tôi có thói quen làm vậy mỗi khi ôm cô trong lòng. Tôi thân thuộc nhiều thứ ở Kim quá rồi. Chúng tôi đã thuộc về nhau. Hình ảnh vợ con tôi, cả Tâm nữa, cứ nhòa dần đi.

5.

Tâm đã biết rõ mọi chuyện và anh như điên dại khi biết bị lừa gạt. Anh tưởng anh đại lượng, đành để vợ sống nốt mấy tháng trời phù du bên người yêu cũ trước khi nhắm mắt lìa trần để thỏa mãn cái ước vọng cô còn khao khát trước khi chết. Anh đã đau đớn như bị mũi kim nhọn đâm ngập đầu ngón tay khi Kim nói với anh: "Em không hề yêu anh, Tâm ạ. Em lấy anh nhưng không yêu anh. Đó là sự thực. Anh có hiểu cho em không? Nay em sắp chết, em mong anh chấp nhận cho em sống nốt thời gian còn lại trên cõi đời này với Chương... vì thú thực với anh em vẫn còn yêu Chương tha thiết..."

Anh chấp nhận nhưng đau đớn khôn tả. Khi lấy Kim, Tâm đã phải đánh đổi nhiều thứ. Anh là người sống có lý tưởng. Cha anh ngày trước là đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng và bị Cộng sản thảm sát

nên ngay từ thời trai trẻ đi học, anh đã tâm nguyện dành đời mình sau này cho các hoạt động yêu nước. Khi chạy qua Mỹ sau biến cố 30 tháng 4, anh vẫn tiếp tục con đường đó mặc dù trong thâm tâm thấy hy vọng thành công càng ngày càng thu nhỏ. Nhưng anh không bỏ cuộc. Cho đến khi gặp Kim và yêu cô say đắm, anh đành phải chìu theo ý cô từ bỏ hết các hoạt động khác để dành thì giờ cho cô.

Vì vậy khi biết Kim phản bội, anh nổi cơn điên. Anh biết ra khi chúng tôi đang vui chơi ở Á-châu trong một chuyến về thăm quê hương hơn tháng trời. Anh đợi chúng tôi ở bãi đậu xe phi trường, nằm suốt mấy ngày đêm mai phục. Chúng tôi từ phi trường ra, anh lái xe âm thầm chạy theo và với chiếc *pick-up* to lớn kềnh càng mượn được của người nào, anh nhấn mạnh chân ga ép vào chiếc xe tôi đang lái. Nhưng thực may mắn, đầu máy xe chỉ bị móp méo còn tôi và Kim không hề hấn gì. Tâm bị bắt giam một ngày nhưng được thả ra ngay vì cả tôi lẫn Kim đều không đứng tên thưa kiện.

Mọi chuyện đổ bể, Kim không về nhà được nữa. Thuê nhà cho Kim ở xong, tôi lại phải lấy máy bay trở về Boston dự phiên tòa xử vụ ly dị. Tôi đang ở trạng thái cực kỳ chán nản nên vợ tôi ra yêu sách gì tôi cũng gật đầu. Cuối cùng tôi mất hết nhà cửa, tiền bạc, lại còn phải trả tiền cấp dưỡng cho hai đứa trẻ một món tiền khá lớn hằng tháng. Tôi đồng ý hết, thâm tâm chỉ mong phiên tòa chấm dứt càng sớm càng tốt.

Hai ngày trôi qua. Một ngày cho vụ ly dị và một ngày tôi thu xếp mọi chuyện trước khi từ giã hẳn thành phố này. Tôi định về California rồi đưa Kim đến sinh sống ở một nơi khác, một nơi chốn thực vắng vẻ nơi cả tôi lẫn Kim có càng ít hệ lụy, càng ít ràng buộc chung quanh càng tốt. Buổi tối tôi đang chuẩn bị quần áo, vật tùy thân và ít thùng sách cũ để sáng mai ra phi trường sớm thì người bạn ở San José – người đã đưa số điện thoại của tôi cho Kim – gọi và báo tin đêm qua Tâm tìm ra chỗ ở của Kim, phá cửa xông vào nhà, không nói không rằng rút súng bắn cô chết ngay tại chỗ. Báo chí Mỹ ở địa phương đưa tin lên trang nhất với nhiều lời bình phẩm. Có tờ còn đi xa, tròng tréo vụ giết người đến cuộc chiến tranh đã chấm dứt trước đó mười sáu năm.

Sau khi tường trình không thiếu một chi tiết nhỏ, anh bạn tôi kết luận: "Mày liệu thần hồn, chớ về Cali trong lúc này, nghe chưa? Thằng Tâm còn tại đào, chắc nó đang đi lùng mày đó. Nó tìm ra mày là tiêu đời luôn đấy con ạ."

Tôi buông ống điện thoại, ngồi thẫn thờ cả tiếng đồng hồ trong phòng khách nhà người bạn tôi đang tạm trú. Nước mắt tôi chảy dài và có lúc tôi bật lên tiếng khóc. Lâu lắm rồi, có lẽ từ ngày tôi khôn lớn biết cuộc đời là gì tôi mới khóc như vậy. Anh bạn tôi là người Mỹ, một người Mỹ tốt, nhưng chắc anh không thể nào hiểu nổi tâm trạng tôi lúc này. Anh hỏi tôi có chuyện buồn hả. Tôi lấy lòng bàn tay dụi mắt khẽ gật đầu. Anh nhìn tôi ra vẻ thông cảm nhưng không hỏi gì thêm. Tôi xin lỗi rồi mượn xe anh phóng đi. Tôi chạy loanh quanh ra ngoại ô, rồi ra biển.

Biển đêm hút tôi vào. Đầu óc tôi loãng ra như vừa được bơm vào một bình nước cặn. Tôi đứng trên mỏm đá nhìn ra biển đêm. Bên dưới, sóng vỗ ầm ì vào triền đá. Có lúc con sóng ngưng hẳn lại. Khối nước to lớn, đen kịt như tảng hắc ín khổng lồ bỗng ngừng lại, chùng chình như con quái thú lắc lư, tìm thế để chồm lên cấu xé. Và rồi những đợt sóng lớn bủa vào. Con quái thú gầm lên bổ vào tường đá những cú húc điên dại, bọt nước trắng tung tóe hắt lên người tôi. Tôi lấy tay vuốt mặt, đưa lưỡi ra liếm môi, nước biển mằn mặn, chan chát.

Tôi đứng ở mỏm đá cho đến khi có chiếc xe cảnh sát tuần tiễu chạy ngang. Nhìn gương mặt tôi dưới ánh đèn pin chói lòa, chắc viên cảnh sát đoán tôi muốn tự tử nên anh ta buộc tôi phải vào xe và còn tháp tùng tôi một đoạn thật xa về lại thành phố. Nhưng không, thưa ông cảnh sát đáng quí của tôi, tôi không có ý định tự tử đâu. Người ta chỉ tìm cái chết khi tuyệt vọng, khi rơi vào tuyệt lộ. Tôi không thấy tuyệt vọng, mà chỉ thấy mất mát, một sự mất mát to lớn không sao bù đắp được. Và tận sâu dưới đáy tim, tôi thấy tội lỗi. Tội lỗi vì tôi đã đồng lõa cùng đi vào bẫy chết với Kim. Kim dựng ra cái bẫy, tự chui đầu vào, rủ tôi vào theo và tôi hăm hở nắm tay Kim cùng chui vào. Bẫy xập xuống, Kim chết tức tưởi, tôi may mắn rớt ra ngoài nhưng mình mẩy đầy thương tích. Nếu tôi nhất định không chịu để Kim du vào trò chơi nguy

hiểm đó của cô, nếu sau lần đầu qua gặp cô, sau khi mơ hồ đoán biết được phần nào trò chơi đó, tôi nhất định bắt Kim khai ra sự thật và cương quyết không qua với Kim nữa, liệu tôi có ngăn ngừa được những chuyện xảy ra như đã xảy ra không? Tôi biết có cái gì trong tôi lúc đó, tưởng ngu ngơ nhưng thực ra giảo hoạt, tưởng dại dột nhưng thực ra toan tính, đã tự đánh lừa mình, đánh lừa chính lương tâm mình. Đứng trước biển, tôi thấy con quái thú trước mặt không nguy hiểm, dễ sợ bằng con quái thú trong lòng tôi. Tôi thầm cám ơn viên cảnh sát đáng quí đã cứu tôi ra khỏi giây phút ghê gớm khi phải đối diện với chính lòng mình. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi xe lăn bánh vào thành phố.

Gần nửa đêm tôi dừng xe trước một nhà tắm hơi. Ánh đèn màu xanh đỏ trước cửa nhiễu một vùng ánh sáng mù mờ, dâm dật. Phòng trong chật hẹp lù mù khói thuốc. Mùi nước hoa rẻ tiền hăng hắc làm tôi muốn nhảy mũi. Tiếp đón tôi là một cô gái người Nhật-bản hay Đại-hàn gì đó. Cô có thân hình nẩy nở hơi quá lố nhưng khuôn mặt khá dễ thương. Lúc ở trong phòng riêng, cô hỏi tôi:

"Anh cần đấm bóp không?"

"Không, cởi quần áo ra đi." Tôi trả lời, mắt vẫn không nhìn vào mặt cô gái.

Tôi nằm xuống, cố tưởng tượng ra một dòng sông đang chảy ra biển cả nhưng tôi chỉ thấy mình như bị mắc cạn giữa một con lạch nhỏ ngập ngụa bùn đen. □

Tìm Đọc:

MẶT TRỜI LƯU VONG

Thơ Trần Thiện Hiệp

Văn Đàn xuất bản

Giá 9 Mỹ kim

LƯU HY LẠC

NGÀY VỘI

Ngó bông giấy
rộ hoang tường
Bóng tôi loang
ở đầu giường
hắt hiu
Dải nắng lụa
trải xiêu xiêu
Trời
cơn gió tạnh
buồn thiu ngang nhà
Chiều đã rũ
tím ngoài xa
Dừng không
lòng tưởng
tiếc tà huy xưa
Lời tự tình
dưới dậu thưa
Môi má nõn
mắt đẩy đưa
duyên thề
Sầu tôi dậy
chín cơn mê
Đêm chầm chậm
đổ lê thê
chỗ nằm
Dọn bữa riêng
giọt đầm đầm
Bông giấy đỏ
đỏ bầm
bầm tuổi tên.

HOÀI MỸ

ông nguyễn

*

1.

Chiếc Bocing của hãng hàng không SAS từ từ chậm lại rồi ngừng hẳn trên phi đạo. Hành khách rộn rã lấy đồ đạc và áo khoác. Ông Nguyễn đợi cho vãn người rồi mới đứng dậy. Một nữ chiêu đãi viên duyên dáng trong bộ đồng phục xanh đậm đứng tiễn chân hành khách ở cửa phi cơ. Ông Nguyễn tuy không hiểu tiếng địa phương, nhưng cũng đoán rằng cô ta muốn chúc ông may mắn và hẹn tái ngộ nên ông trả lời bằng tiếng Anh:

– *Thank you.*

Ông Nguyễn dừng lại trên đầu cầu thang máy bay, đảo mắt nhìn quanh như muốn thu vội vào thị giác mình cảnh vật đầu tiên của xứ sở này mà từ nay ông sẽ nhận như quê hương thứ hai của mình: Trùng trùng những núi rừng trong ánh sáng yếu ớt của chiều tà. Nhưng ông thấy tuyệt đẹp và thân quen ngay lập tức. Có thể do bản tính yêu thiên nhiên của ông. Có thể do tâm trạng của người vừa thoát khỏi trại tỵ nạn, thứ địa-ngục-trần-gian. Và cũng có thể phong cảnh ở đây sao nhìn giống quá nơi quê cũ của ông: Đà Lạt.

Ông Nguyễn đặt chân xuống mặt đường nhựa. Khoan khoái. Lâng lâng khó tả. Khí hậu không lạnh lắm như lời đồn đãi và như chính ông đã tưởng dù ông chỉ mặc thêm có chiếc áo len mỏng. Có lẽ trong người ông còn quá nhiều nắng và nóng của những ngày tháng tù túng nơi ven biển Mã Lai.

Mặc dầu ông Nguyễn đã đi vào lối dành cho các hành khách không

có gì để khai báo, thế mà một người cảnh sát Na Uy vẫn chận ông lại lịch sự xin được khám cái túi ny lông ông xách ở tay: một bộ quần áo, hai ba quyển sách, tờ báo, bàn chải, kem đánh răng và cặp kính râm.

Từ đàng xa ông Nguyễn đã nhìn thấy lố nhố một đám người Việt đứng bên cạnh ba bốn người Na Uy. Thằng Trung. Ông Nguyễn nhận ra nó liền. Nó giống mẹ như đúc. Tìm ông nhói lên. Ông nắm chặt tay để kềm lại niềm xúc động. Ông gọi thầm trong lòng tên người vợ thân yêu. Mình ơi, anh đã tìm thấy con.

Những người đồng hương xúm lại bắt tay và thăm hỏi ông Nguyễn. Riêng thằng Trung thì lại đứng lùi phía sau, rụt rè nhìn cha mình. Một bà lớn tuổi đẩy thằng Trung lên, cố ý như bảo cháu ra chào bố cháu đi, nhưng thằng Trung tránh sang bên. Ông Nguyễn thoáng thấy, hiểu sự thể, rời đám đông quay lại ôm ngang vai con. Thằng Trung xúc động thật tình. Mắt nó chớp nhanh:

– Bố...

Nó thốt lên được có vậy rồi bịm môi nín thinh. Hai ông bà Na Uy, dáng người đều to lớn khỏe mạnh dù tuổi tác họ đã khoảng trên dưới sáu mươi, tiến đến trước mặt ông Nguyễn, niềm nở bắt tay và nói một câu dài gì đó. Một cậu thanh niên Việt Nam đứng gần vội vàng thông dịch:

– Ông bà này vừa tự giới thiệu với bác họ là người đã bảo trợ em Trung, kiểu cha mẹ nuôi vậy đó bác. Ông ấy tên là Tor Hansen, còn bà là Martha. Họ nói *velkommen*, à quên, chào mừng bác.

Ông Nguyễn dùng cả hai tay nắm lấy bàn tay của ông rồi bà Hansen, tỏ bày nỗi hân hoan của mình. Ông nhờ dịch lại:

– Tôi rất hân hạnh được gặp ông bà. Tiếc rằng vợ tôi không được may mắn hiện diện nơi đây để chúng tôi cùng được cám ơn ông bà đã nuôi nấng cháu Trung trong những năm vừa qua. Tuy nhiên công ơn của ông bà không những cháu Trung mà cả vợ chồng tôi sẽ suốt đời không dám quên.

Ông Nguyễn định nói thêm nữa về sự tri ân của mình, nhưng cậu thanh niên đã ra dấu cho ông ngưng lại, bỏ nhỏ vào tai ông:

– Người Na Uy không thích cám ơn nhiều đâu bác, nhất là lần đầu gặp. Bác chỉ cần nói bác rất vui mừng được tới Na Uy. Dân ở đây khoái người ngoại quốc khen nước họ đẹp mặc dù buồn thấy mẹ!

Trong thâm tâm ông Nguyễn bực lắm trước "bài học vỡ lòng" ở xứ người của một kẻ hậu sinh, nhưng nghĩ mình là người tới sau còn lạ nước lạ cái nên ông làm thinh.

Nhân viên văn phòng Ngoại kiều đưa cha con ông Nguyễn về một căn nhà gồm hai phòng ngủ, phòng khách trong một chung cư. Một số người Việt mà đông nhất là thanh niên cũng lái xe theo. Trong nhà những đồ vật cần thiết đã được mua sắm trước: bộ sa lông, giường ngủ, bếp, tủ lạnh, máy giặt, dao muỗng, bát đĩa và một số thực phẩm. Sau khi chỉ dẫn cho ông Nguyễn một cách tổng quát phương thức sử dụng mấy vật dụng máy móc, nhân viên văn phòng Ngoại kiều trao cho ông những giấy tờ liên quan tới căn nhà, chìa khóa rồi thân mật đặt tay lên vai ông:

– *Lykke til!*

– Thằng chả chúc bác may mắn đó. Rồi, giờ bác hoàn toàn làm chủ rồi đó, ngon há! Đi nước khác sức mấy được như Na Uy!

Cũng vẫn cậu thanh niên đã thông dịch cho ông Nguyễn ở phi trường lên tiếng trước. Ông Nguyễn làm như không nghe thấy câu nói của cậu này.

Ông Nguyễn tiễn khách ra tận cửa. Thằng Trung theo sau. Nhân viên văn phòng Ngoại kiều vừa mặc lại áo khoác vừa nói với thằng Trung để nó dịch lại:

– Ông này nói sau ngày mai nó sẽ lại nữa để chở bố đi điền giấy tờ và thăm bác sĩ. Nếu bố có gì muốn hỏi, cứ "ring" về văn phòng Innvandrere, xin nói chuyện với Erik.

Đấy là câu nói dài đầu tiên bằng tiếng mẹ đẻ của thằng Trung. Ông Nguyễn mừng thầm, con ông vẫn chưa quên hẳn tiếng Việt. Ông nói với thằng Trung:

– Con thưa với ông Erik là bố rất cảm động trước sự chính phủ Na Uy lo cho bố con mình thế này. Bố rất cám ơn.

Thằng Trung hơi nhăn mặt:

– Khỏi, bố. Erik chỉ làm phận sự của nó.

– Ơ hay...

Ông Nguyễn giữ kịp lại câu nói, không để lộ nỗi bất bình. Thật tình ông không hiểu nổi từ cậu thanh niên kia cho tới thằng con của ông. Dường như tụi trẻ này không còn muốn biết đến ân nghĩa. Ông thoáng tiếc mình nghèo nàn vốn liếng Anh văn để có thể tự diễn tả mọi cảm nghĩ của mình. Ngày trước, sau khi đậu tú tài phần một, ông bị gọi vào trường võ bị Thủ Đức. Từ đấy đời sống quân ngũ rày đây mai đó không còn cho ông có thời giờ rảnh rang hầu cầm lấy quyển sách, cây bút. Hơn hai năm trong trại tỵ nạn bên Mã Lai tuy không phải làm gì, nhưng những lo âu và thương nhớ quay quắt vợ con đã chiếm trọn tâm trí khiến ông lúc nào cũng như kẻ thất thần, nói gì đến việc học ngoại ngữ. Thành thử giờ đây khi bắt tay từ giã người đại diện chính phủ Na Uy để trực tiếp lo cho cha con ông, ông Nguyễn chỉ lắp bắp được câu tiếng Anh sơ đẳng:

– *Thank you! Thank you very much!*

Cánh cửa vừa khép lại, ông Nguyễn quên ngay được cảm giác buồn phiền, quay lại ôm ngang vai thằng Trung, mỉm cười. Hai cha con đi vào phòng khách. Những người Việt đang ngồi ở sa lông, vội dồn lại nhường chỗ cho ông Nguyễn và thằng Trung. Hết người nọ tới người kia hỏi thăm ông về tình hình ở nước nhà, về đời sống trong trại tỵ nạn đồng thời sốt sắng mách bảo ông những kinh nghiệm nơi xã hội Na Uy. Ông Nguyễn cảm động trước mối thâm tình của những người đồng hương, tuy nhiên ông cũng mong sớm được những giây phút riêng tư để ông được hỏi han con ông sau gần mười năm xa cách.

Mãi rồi đám khách cũng kiếu từ ra về sau khi hẹn sáng mai tới đưa ông đi xem thành phố. Ông Nguyễn bắt tay từng người, nói lời cảm ơn.

Tiếng ồn ào nói cười theo chân khách đi rồi, căn phòng đột nhiên rơi vào thinh không. Thằng Trung ngồi co người ở đầu ghế sofa. Vẻ linh hoạt của nó đã biến đâu mất. Ông Nguyễn nhìn con hồi lâu rồi hỏi nhỏ:

– Con sao? Học hành thế nào?

Thằng Trung nhún vai:

– Cũng được.

Giọng ông Nguyễn trở nên ân cần, tha thiết:

– Con nhớ mẹ và em Nam không?

Thằng Trung nhướng mắt nhìn cha mình – rất nhanh – rồi lại cúi xuống, không trả lời.

Ông Nguyễn khẽ thở dài, ngậm ngùi:

– Cái giấy con bảo lãnh gia đình gửi về cho mẹ bị công an thành phố giữ lại, viện cớ bố còn đi học tập cải tạo, không có tên trong sổ hộ khẩu, họ không cho mẹ và em Nam lập hồ sơ xuất cảnh. Giờ bố qua được đây rồi, bố sẽ xin chính phủ Na Uy can thiệp mạnh để mẹ và em Nam mau được qua đoàn tụ với bố con mình. Con nghĩ vậy được không?

Thằng Trung lại nhún vai:

– Sao cũng được.

Ông Nguyễn không ngạc nhiên về thái độ của thằng Trung. Ngày ông bị bắt đi tù cải tạo nó mới năm tuổi. Từ đó ông không còn được dịp thấy lại mặt con. Bốn năm sau nó được mẹ gửi đi ké một chuyến vượt biên. Ông Nguyễn chỉ được vợ cho biết chuyện này sau khi bà nhận được tin con đã cập bến bằng an. Hoàn cảnh làm xa lạ tình cảm giữa cha con ông. Nếu không nhờ được xem một vài tấm hình thằng Trung gửi về cho mẹ, chắc ông Nguyễn cũng không hình dung nổi con ông đã lớn thế nào. Nhưng còn hình ảnh của ông trong ký ức nó? Ông nghi ngờ lắm:

– Con có thấy bố... khác xưa nhiều không?

Thằng Trung lắc đầu, rụt rè:

– Con cũng không biết.

Ông Nguyễn liếc xuống đồng hồ đeo tay. Đã hơn chín giờ tối. Ánh điện nhạt nhòa ngoài khung cửa kính. Ông Nguyễn hơi thất vọng đã không tâm sự được nhiều với thằng Trung như ông từng ấp ủ trong

những ngày tháng nơi trại tỵ nạn. Ông xót đau vì thấy con mình đã bị mất mát quá nhiều. Mới tí tuổi đầu đã phải bơ vơ nơi xứ lạ quê người, không được cha che chở, mẹ thương yêu ấp ủ. Ông Nguyễn muốn đền bù cho con, bắt đầu xây dựng lại. Thật nhanh.

Ông Nguyễn đặt tay ông trên tay con, ngọt ngào:

– Thôi, đi ngủ sớm cho khỏe, con.

Thằng Trung ấp úng:

– Đồ đạc của con vẫn ở với Tor Hansen.

– Được, mai bố con mình cùng lại lấy. Nhân tiện bố muốn thưa chuyện với ông bà ấy nhiều hơn.

Thằng Trung đứng lên đi được mấy bước, quay lại nhìn bố:

– *God natt, pappa!*

Ông Nguyễn nhíu mày:

– Hả, gì con? Nhưng thằng Trung đã đi nhanh vào phòng.

Ông Nguyễn ngồi lại rất lâu ở phòng khách. Các ngọn đèn đã được tắt bớt. Bóng ông rọi lớn in trên vách tường. Bốn bề im lặng. Ông Nguyễn trầm ngâm trong khói thuốc, với những ý nghĩ mông lung. Hình ảnh vợ con lại khuấy động tâm trí khiến ông ngùi ngùi xốn xang.

Khi đêm đã qua đi chừng hơn một nửa, ông Nguyễn mới đứng dậy. Đi ngang phòng thằng Trung, ông dừng lại. Suy nghĩ giây lát, ông Nguyễn khẽ đẩy cửa bước vào. Dưới ánh sáng mờ ảo hắt từ ngọn đèn bên ngoài cửa sổ, khuôn mặt thằng Trung thật hồn nhiên say ngủ. Ông Nguyễn cúi xuống hôn nhẹ trên trán con.

Đêm hôm đó ông Nguyễn nằm trằn trọc cho tới sáng.

2.

Ông Nguyễn nhờ một giáo viên Việt Nam giải thích hệ thống cho điểm của học đường Na Uy. Ở cấp hai, chữ biểu hiệu con số. S=5 điểm, M=4, G=3, Ng=2, Lg=1. Ông Nguyễn giật mình khi thấy trong học bạ của thằng Trung hầu hết các môn, trừ thể thao và thủ công, đều chỉ được từ Ng đến G. Như vậy tức là thằng Trung mê chơi hơn ham

học. Từ đó ông Nguyễn đặt thêm cho nó một thời khóa biểu: tan học, về thẳng nhà – cơm nước xong, nghỉ ngơi một lúc – rồi làm bài vở.

Để lời nói của mình có tác dụng thẩm thấu, ông Nguyễn ngày nào cũng nhắc nhở thằng Trung bỏ bớt tính mê chơi mà chú tâm vào sự học. Không hẳn chỉ vì ông Nguyễn muốn tranh thủ những mất mát của thằng Trung về việc học hành trong những năm trước đây mà chính yếu là do ông đã ý thức từ khi chưa ra khỏi nước rằng bí quyết để tiến thân ở xã hội Tây phương là học vấn. Muốn vậy, phải học đến nơi đến chốn. Cuộc đời mình, ông Nguyễn kể như đã xong, không còn thời gian hầu trở lại từ đầu để bò lên tới đỉnh. Đành chịu. Nhưng tụi trẻ, không lý do gì để tránh né con đường học hành. Chỉ một phương thức: Chịu khó! thằng Trung còn nhỏ lại càng cần được uốn nắn kỹ để có căn bản mà tiến tới, kẻo mai này lớn lên không bằng cấp, không nghề nghiệp thì làm sao chen chân nổi với người bản xứ, không lẽ suốt đời chỉ làm tôi mọi. Bởi vậy ông Nguyễn buộc thằng Trung lúc nào cũng phải có cuốn sách trước mặt.

Song song với việc học các môn khác, ông Nguyễn bắt thằng Trung trau giồi thêm tiếng Việt. Ông nhận thấy con ông đã quên nhiều từ ngữ, thường phải chêm cả tiếng Na Uy vào câu nói. Những khi trò chuyện với bố, rõ ràng nó gặp khó khăn để tìm chữ diễn tả. Theo ông Nguyễn quan niệm, ngôn ngữ rất quan trọng. Chỉ riêng trong lãnh vực gia đình, ông nhận chân rằng cha mẹ và con cái nếu không nói cùng thứ tiếng thì làm sao có thể hiểu nhau, cảm thông nhau. Ông Nguyễn lo ngại cứ đà này thằng Trung sẽ dần dần xa rời ông. Rồi mai đây khi mẹ và em nó qua đoàn tụ, chắc gì nó tìm được sự thân thương ruột thịt. Những lúc thằng Trung ngồi học, ông Nguyễn thường kiên nhẫn ngồi cạnh con để giải nghĩa cho nó các từ ngữ khó hiểu hoặc các câu văn rắc rối. Thằng Trung mà nhăn mặt kêu tiếng Việt khó thì thể nào cũng bị bố la cho một trận. Nhìn khuôn mặt nghiêm nghị và nghe giọng nói như quát của bố, thằng Trung hết dám phản đối, đành làm thinh, tuân lệnh. Trong bụng hẳn thằng Trung thèm những ngày tự do khi nó còn sống dưới sự bảo trợ của ông bà Tor Hansen. Nó tự ví mình như một Superman bị quân địch bắt giam trong tù.

Những đứa bạn Na Uy của thằng Trung sau vài lần đến bấm chuông định rủ nó ra ngoài chơi, bị ông Nguyễn trả lời như đuổi đi, dần dần không còn dám lại nữa. Ông không muốn ai quấy rầy việc học của thằng Trung. Hơn nữa chính mắt ông đã thấy ở gần chung cư này có một số trẻ Na Uy bằng cỡ tuổi thằng Trung chứ mấy mà đã biết phì phèo điếu thuốc trên môi. Trai gái đứng ôm nhau hôn hít và mò mẫm thân thể nhau. Mà con gái ở xứ này nẩy nở sớm quá lại bạo dạn vô chừng. Dĩ nhiên ông Nguyễn phải lo sợ. Trẻ con hay tò mò và cái gì cũng muốn thí nghiệm. Ông Nguyễn quyết bảo vệ con ông trong vòng lễ giáo Á Đông, trong khuôn khổ gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, ngược lại với bố, thằng Trung vớ được dịp nào ra khỏi nhà là nó tung trời. Mới đây bố nó ra điều lệ chấp thuận cho nó được "nghỉ xả hơi" vào những ngày cuối tuần, nghĩa là từ chiều thứ sáu tới trưa chủ nhật. Tuy vậy thằng Trung vẫn tìm cớ nọ, lý do kia để thoát được chừng nào hay chừng nấy những giờ phút phải ngồi gò mình trước quyển sách. Nó hăng hái tình nguyện tham gia mọi sinh hoạt ngoài giờ học của trường. Các buổi liên hoan của lớp, nó xin phép bố tới sớm "để kê bàn ghế, trang trí và sửa soạn", khi tan xin được ở lại trễ vì "phải phụ với tụi nó dọn dẹp". Thằng Trung biết khai thác quan niệm của bố nó: Trừ chạy rong chơi phí thì giờ, còn những sinh hoạt cộng đồng chính đáng đều rất cần thiết để học hỏi. Bao năm được tôi luyện trong quân đội, ông Nguyễn đã hiểu được vai trò của tập thể nên vẫn quý trọng những giá trị do công việc chung đem lại. Ngoài ra theo ông, sống trong tập thể người ta dễ hấp thụ tinh thần tổ chức và kỷ luật đồng thời có nhu cầu cạnh tranh để thăng tiến. Mỗi lần chấp thuận cho thằng Trung tham gia sinh hoạt của trường, ông Nguyễn lại giảng giải cho con về những lợi ích đó. Nhưng thằng Trung chỉ chăm chú nghe khi ở nhà, vâng vâng dạ dạ trước mặt bố để miễn sao được phép ra khỏi nhà. Cánh cửa vừa khép lại sau lưng, nó liền co giò chạy thật nhanh như thể sợ bố bất chợt đổi ý mà gọi lại bắt vào đọc sách, làm bài. Nó quên ngay những lời dạy dỗ của bố và càng không muốn nhớ tới đôi mắt của bố lúc nào cũng như quắc lên. Gặp được đám bạn thằng Trung khoái lắm. Như ngựa được thả về rừng. Tuy nhiên ở những chỗ chung

này thằng Trung lại hay phá phách, hết chọc người này lại trêu kẻ khác, đôi khi nhăm nhở với cả lũ con gái. Ai cũng công nhận thằng Trung hăng hái, nhưng lại thường có những hành động mạnh bạo. Ở trong lớp cũng vậy, dường như nó không thể tập trung lâu được tâm trí vào việc gì. Đã thế nó lại hay gây ồn ào. Các thầy cô giáo phải nhắc nó luôn về sự tôn trọng kỷ luật, nhưng chỉ được mươi phút, thằng Trung lại chứng nào tật nấy. Các thầy cô than phiền việc giảng dạy bị trở ngại, nhưng chỉ nói với nhau chứ không ai đề nghị giải pháp báo cáo sự thể về cho bố của thằng Trung. Mặc dầu chính sách giáo dục đề cao tầm quan trọng của sự hợp tác giữa gia đình và học đường, nhưng thường các nhà giáo Na Uy vẫn dè dặt cho phụ huynh của các học sinh ngoại quốc gốc Á-châu và Hồi giáo biết khuyết điểm của các em. Họ đã hiểu vai trò và quyền hành của người cha trong gia đình của các dân tộc này, do đó họ không muốn những đứa trẻ – dù có lỗi – chịu những trận đòn khủng khiếp. Được những học sinh ngoại quốc nào ngoan, giỏi, họ hết lời khen ngợi với phụ huynh, nhưng gặp đứa nào phá phách, lười biếng, khi tiếp xúc với phụ huynh, hoặc họ phớt qua hay chỉ nhẹ nhàng nhận xét coi như vấn đề không đáng quan tâm lắm. Thằng Trung biết rõ điều đó. Trước mỗi lần có buổi họp phụ huynh thường kỳ, nó đã hồi hộp đến bải hoải cả người. Nhưng khi bố nó đi họp về, chỉ nói "cô giáo bảo con phải rán chăm học hơn". Sau hai ba lần như vậy thằng Trung biết chắc cô giáo chủ nhiệm đã không mách tội nó. Nó an tâm càng bung thỏa thích.

Vì vô tình cũng có, vì chủ quan cũng có mà không nhận ra những biến chuyển tâm tính ấy nơi thằng Trung. Ông chỉ thấy con ông hằng ngày theo lệnh ông, ngồi vào bàn với một chồng sách trước mặt. Chỉ một điều duy nhất làm ông nghĩ ngợi. Đó là nó rất ít khi nói chuyện với ông. Nếu có, chỉ rất vắn tắt, hoặc ông có gợi chuyện, nó cũng chỉ trả lời qua loa, rồi thôi. Cha con vì vậy như hai chiếc bóng âm thầm trong căn nhà.

Thằng Trung nhân những dịp trở lại thăm ông bà Tor Hansen vẫn thuật lại cho họ nghe về cuộc sống mới của nó kể từ ngày đoàn tụ với cha nó. Nào không được ra ngoài chơi. Nào không còn sách báo Na Uy

đọc. Nào chẳng còn bạn bè tới nhà nói chuyện. Nào phải học nhiều quá khiến nó có cảm giác buồn ói. Ông bà Hansen đã nhận nuôi dưỡng thằng Trung từ dạo nó đến Na Uy mà không có thân nhân nên vẫn thương nó như con cháu trong nhà. Khi nghe thằng Trung than khổ, ông bà Hansen bất bình. Tuy nhiên họ không dám can thiệp trực tiếp vì thực tình họ cũng quý mến ông Nguyễn. Ngoài phong cách lịch sự, ông Nguyễn còn tỏ ra hiểu biết nhiều vấn đề. Tuy chưa thông thạo tiếng Na Uy, nhưng khi nói chuyện với họ, ông Nguyễn thường cố gắng tập luyện thử ngôn ngữ hoàn toàn mới mẻ này. Nhờ đó gia đình Hansen hiểu được hoàn cảnh và tâm trạng của ông Nguyễn. Họ cảm kích những nỗi đau thương của ông. Chiến tranh. Tù tội. Đòn thù. Phân ly. Họ nói nhỏ với nhau sở dĩ khuôn mặt ông Nguyễn lầm lì khắc khổ và ánh mắt lúc nào cũng buồn buồn là bởi chất chứa một nội tâm u uẩn.

Tuy nhiên, người Tây phương vốn quý nhân phẩm và trọng dân chủ, ông bà Hansen cảm thấy có bổn phận phải cứu vớt thằng Trung. Sau khi bàn bạc, họ đã trình bày với người bảo trợ xã hội của ông Nguyễn và với cô giáo chủ nhiệm của thằng Trung. Họ hy vọng hai người này vốn liên lạc thường với cha con ông Nguyễn hẳn sẽ gây được ảnh hưởng tốt khả dĩ thay đổi được quan niệm và thái độ của ông Nguyễn đối với thằng Trung. Bởi vậy ông Nguyễn được người bảo trợ đến thăm tận nhà. Khi thấy có một thông dịch viên đi cùng, ông Nguyễn đã đoán hẳn có chuyện gì quan trọng. Sau mấy câu thăm hỏi xã giao, người bảo trợ đi thẳng vào vấn đề qua sự chuyển ngữ của người thông ngôn:

– Thưa bác, ông ấy nói là theo luật pháp Na Uy, trẻ con phải được sống trong sự an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần, phải được sinh hoạt trong một hoàn cảnh thuận lợi để phát triển mọi mặt. Các hình thức gò bó, kềm hãm hay có tính cách đe dọa đến sự phát triển vừa nói đều không được phép ở xứ này. Văn phòng xã hội nhận được báo cáo em Trung hiện phải sống trong một môi trường... không thoải mái và gần như không được hưởng các quyền lợi tự nhiên dành cho một đứa trẻ. Ông ấy hỏi bác rằng không biết những lời đồn đãi có đúng hay không.

Ông Nguyễn hiểu ngay vấn đề. Vẫn giữ thái độ trầm tĩnh, ông ôn tồn đáp:

– Nhờ cô dịch giùm là tôi rất cám ơn ông ấy nói riêng và cả văn phòng xã hội nói chung đã quan tâm đến... hạnh phúc của con tôi. Tuy nhiên để đỡ mất thời giờ của ông ấy, tôi chỉ xin phát biểu vắn tắt thế này. Trẻ con, nhất là khi nó vào cái tuổi mới lớn, không khác gì thứ ngựa hoang, ngựa chứng. Nếu người ta không dùng yên, cương và một vài phương pháp mạnh bạo, ắt không thể nào thuần nổi giống ngựa này. Tôi thương thằng Trung, dĩ nhiên rồi vì nó là con tôi và tôi hiểu nó hơn ai hết. Do đó nếu tôi có làm điều gì cho con tôi thì cũng bởi tình thương và vì sự tốt đẹp cho nó mà thôi. Bây giờ nó còn non dại, ăn chưa no, ngủ chưa kỹ, nó có thể... than trách này nọ vì phải hy sinh chút đỉnh, nhưng sau này nên người, ắt nó sẽ hiểu rõ.

Rồi tới cô giáo chủ nhiệm của thằng Trung, cô đã dùng một buổi họp phụ huynh để tiếp chuyện riêng ông Nguyễn:

– Tôi nghĩ – Cô giáo nói – không phải cứ học nhiều là có tiến bộ. Trẻ con vào cỡ tuổi của Trung sau sáu bảy tiếng đồng hồ ở trường đã mệt mỏi lắm rồi, đó là chưa kể hôm nào cũng có bài vở phải làm ở nhà. Thời gian gần đây tôi thấy Trung kém linh hoạt đi, hay nóng nảy nên tôi đã đưa Trung đến giáo viên xã hội và giáo viên tâm lý của trường. Cả hai giáo viên này đều xác nhận rằng tình trạng mỏi mệt, bất an và nhất là cảm giác buồn ói của Trung là hậu quả của sự căng thẳng mà tiếng chuyên môn gọi là *stress*, đó ông. Ngoài ra...

Ông Nguyễn xin lỗi ngắt lời cô giáo, từ tốn hỏi:

– Nhưng cô có thấy là trong kỳ thi lục các nguyệt vừa rồi thằng Trung làm bài khá hơn không? Trừ tiếng Anh và *Samfunnsfag* bị G còn các môn khác đều M và toán được điểm S.

Cô giáo mỉm cười, gật đầu nói tiếp:

– Vâng, đúng vậy, nhưng tôi ngờ rằng Trung sẽ không thể giữ mãi được kết quả này một khi phải chịu đựng *stress* lâu dài. Trẻ con rất cần sự nghỉ ngơi, thoải mái, giải trí và cả chơi đùa nữa. Hơn nữa – và đây là sự quan trọng về khía cạnh xã hội – đứa trẻ cần có sự tiếp giao chứ

không thể bị cô lập. Ý tôi muốn nói Trung cần có bạn bè không chỉ trong lớp mà cả tại khu vực hàng xóm của mình.

Giọng ông Nguyễn chậm rãi, vẫn đầy tự tin:

– Cô là nhà giáo nên tôi cũng xin nói về quan niệm giáo dục của cổ nhân Việt Nam. Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi. Nay chúng tôi sống ở ngoại quốc, nếu không áp dụng lời khuyên này, chúng tôi sẽ mất tiêu con cái. Cô thử nghĩ xem, con cái chúng tôi hiện nay, tuy học trường Na Uy, hấp thụ văn hóa Na Uy, nhưng cũng chẳng thể trở thành người Na Uy chính hiệu. Cô hiểu ý tôi chứ? Hơn nữa như cô đã biết, vợ tôi còn kẹt lại ở quê nhà, vẫn tin cậy nơi tôi trong việc dạy dỗ thằng Trung. Tôi không muốn làm vợ tôi thất vọng trong ngày gặp lại đứa con này.

Và cứ như vậy ông Nguyễn nghĩ rằng người Na Uy không thể hiểu được văn hóa Á Đông. Ông cố thủ trong quan điểm giáo dục của mình đồng thời tin tưởng những gì ông đang làm sẽ đem lại lợi ích cho con ông – dù theo số phần, sau này nó có thể không thể đạt được chức cao quyền lớn, nhưng ít ra nó cũng nên người.

3.

Ông Nguyễn bực lắm. Mặt ông đanh lại và đôi mắt như trũng sâu hơn. Ông đặt mạnh chiếc điện thoại xuống, miệng lẩm bẩm. Hỏng! Hỏng! Đúng là vẽ đường cho hươu chạy!

Ngồi thừ người trên sofa. Tay ông đặt trên đùi, vẫn còn run vì cơn giận.

Nhà trường vừa điện thoại cho ông Nguyễn, phiền trách việc ông đánh thằng Trung. Ông Nguyễn tiếc mình không đủ tiếng Na Uy để trả lời lại. Rõ ràng thằng Trung có lỗi mà cô giáo của nó còn tỏ ý bênh. Tuy không hiểu hết câu nói của cô giáo, nhưng ông Nguyễn không thể nghe lầm câu "*hvis du fortsetter a mishandle din sonn, skal du miste ham*". Nếu ông tiếp tục hành hạ con ông, ông sẽ mất nó. Mất nó? Chẳng thà không có nó chứ ông Nguyễn không chịu để con ông buông tuồng. Suốt từ chiều thứ sáu sau khi đi học về, ăn vội miếng bánh mì

rồi thằng Trung chạy đi chơi liền. Ông dặn với theo "phải về sớm mà cơm nước đàng hoàng". Nó ngoái cổ lại nói vọng vào "cuối tuần mà bố!" Nhưng rồi đêm hôm đó thằng Trung không về. Qua thứ bẩy nó cũng mất tăm luôn. Ông Nguyễn muốn đi tìm con nhưng nào biết nó chơi ở đâu. Thật không ngờ nó dám cả gan như vậy. Ông đã tính hỏi thăm mấy đứa bạn của thằng Trung nhưng lại không biết nhà đứa nào. Ông lục khắp phòng của thằng Trung mà cũng không tìm ra cuốn sổ nó vẫn dùng để ghi số điện thoại và địa chỉ của các thầy cô giáo và bạn bè nó. Ông muốn cậy tung cái hộp gỗ sơn đỏ mà thằng Trung đã tự đóng lấy trong giờ thủ công ở trường. Cái hộp gỗ này thằng Trung luôn luôn khóa bằng một ống khóa chỉ nhỉnh hơn đầu ngón chân cái. Ông Nguyễn đoán trong đó nó để nhiều thứ chắc hẳn phải ghê gớm lắm nên nó mới khóa kỹ như vậy. Đã thế trên nắp hộp, ngoài những vòng dây kẽm gai thằng Trung còn vẽ một sọ đầu lâu nằm trên hai cây gươm chéo nhau và kẻ hàng chữ lớn: *Hemmelig* – Bí mật! ông Nguyễn vừa sốt ruột vừa giận. Ông tự trách đã chấp thuận cho thằng Trung được "nghỉ xả hơi" vào cuối tuần, nhất là đồng ý để nó được ra ngoài chơi. Ông định sẽ xét lại điều lệ này kẻo sau hối hận cũng không còn kịp.

Cả đêm ông không chợp mắt nổi. Ông chẳng thiết gì đến việc ăn uống. Mãi tới chiều chủ nhật cánh cửa nhà ông Nguyễn mới từ từ hé mở. Ông biết con ông đã về. Cơn giận muốn bùng vỡ. Ông Nguyễn cố gắng kềm chế. Tuy vậy khi thằng Trung vừa thò đầu vào, ông đã vội cầm lấy cây gậy để sẵn ở đầu ghế sofa:

– Vào đây! Đồ mất dậy!

Thằng Trung sợ quá, quay gót chạy biến. Phản ứng bất ngờ của thằng Trung khiến ông Nguyễn kinh ngạc. Thật sự trong thâm tâm ông không định đánh nó, trái lại chỉ muốn cầm roi cho nó sợ mà chừa tội. Không ngờ nó lại chạy đi. Suốt đêm ông lại ngồi chờ con. Nhưng nó đã không về.

Sáng thứ hai, thằng Trung tới trường. Tay không. Cô giáo chủ nhiệm hỏi lý do không đem theo sách vở, thằng Trung ấp úng kể chiều qua nó bị bố đánh, phải chạy sang nhà bạn ngủ nhờ. Cô giáo liền nhờ

thầy giám học giữ lớp giùm, xuống văn phòng gọi điện thoại trách cứ ông Nguyễn.

Sau những phút chấn động, ông Nguyễn đã từ từ lấy lại được bình tĩnh. Ông với tay lấy bịch thuốc hút, vấn thành điếu. Khói thuốc từ mũi bay uốn lên làm mắt ông cay cay. Phần khói còn lại trong miệng ông Nguyễn nuốt vào lồng ngực cùng với tiếng thở dài. Cảm giác trơ trọi hoang mang chiếm trọn tâm hồn ông. Căn phòng khách chìm trong thinh lặng. Bên ngoài khung cửa, bầu trời xám và xuống thấp.

Ánh mắt của ông Nguyễn quay vào, chợt dừng lại trên bức ảnh phóng lớn của vợ ông treo trên tường. Tim ông thắt lại. Ông thấy nhớ vợ da diết. Vợ và đứa con nhỏ của ông còn ở Việt Nam mà ông không biết đến bao giờ mới được gặp lại.

Có thể nói ông Nguyễn suốt đời làm kẻ độc hành. Cha mẹ mất sớm, ông sống với gia đình người chú ruột cho tới ngày nhập ngũ. Ông cưới vợ rất muộn. Bước chân quân hành của ông cùng đồng đội dường như không có ngày nào dừng lại. Đến khi đất nước sụp đổ ông chưa kịp hoàn hồn thì đã bị tống giam trong các trại tù cải tạo. Hai đứa con của mình, ông Nguyễn nào đã được ẵm bồng thỏa thuê. Mà cũng thật tội nghiệp cả bà Nguyễn. Từ ngày lập gia đình bà chỉ biết tần tảo lo lắng chắt chiu cho chồng con. Bà gặp ông Nguyễn nhân một chuyến đò ngang ở Hậu Giang. Ngày đó bà cũng đã gần ba mươi. Đám cưới được tổ chức vội vã để rồi những năm tháng tiếp nối bà sống trong cảnh "hòn vọng phu". Bà có thằng Trung trễ lắm vì ba lần đầu bà bị xảy thai liên tiếp. Thời gian ông Nguyễn đi tù cải tạo bà lặn lội thăm nuôi chồng. Lúc bà tạm được an tâm khi đọc thư của thằng Trung cho biết sắp đi định cư ở Na Uy, thì đồng thời cũng nhận được thông báo chồng bà vừa cùng hai người bạn tổ chức trốn trại tù, nhưng không chắc có thoát không. Phần lo sinh mạng chồng, phần bị công an địa phương điều tra hăm dọa, bà Nguyễn muốn phát điên luôn. Mãi sau ông Nguyễn mới liên lạc về gia đình. Vợ chồng lén lút gặp nhau ở những điểm hẹn bí mật. Biết chồng không thể kéo dài tình trạng ẩn tránh này trong những mắt lưới an ninh, bà Nguyễn lại chạy đôn chạy đáo nơi này chỗ nọ để cậy cục cho chồng vượt biên. Ông Nguyễn ra đi với hành

trang duy nhất là lời dặn dò của vợ. Mình qua trước đón thằng Trung về bố con ở với nhau. Mình rán lo cho con học hành nên người.

Ông Nguyễn thở dài. Cả một khối quạnh hiu bủa vây chung quanh. Ông cảm thấy mình đã không thực hiện được đầy đủ ước vọng của vợ. Dĩ nhiên ông vẫn lo cho thằng Trung, nhưng những gì ông làm dường như không hiệu quả. Thằng Trung đã không trở nên đúng như ông muốn. Nó phải là một đứa trẻ Việt Nam cả về thể xác lẫn tâm hồn cơ. Nó phải sống trong khuôn khổ văn hóa Việt Nam cơ. Vốn trưởng thành trong quân đội, ông nhận thấy "kỷ luật là sức mạnh", giúp tiến bộ. Ông Nguyễn muốn áp dụng tinh thần này để giáo dục thằng Trung nên người. Nhưng qua sự kiện vừa rồi, ông có cảm giác mình đang chơi với trên đà thất bại. Ngày trước ông chỉ huy cả một đơn vị vẫn dễ dàng mà nay lèo lái một thằng con thôi sao khó khăn vô cùng. Con ông mới 13, 14 tuổi đầu chứ mấy mà đã có những dấu hiệu phóng túng, ngang ngược. Nó như muốn chống lại quỹ đạo do ông đề ra. Nếu cứ đà này, mai kia mẹ nó qua chắc sẽ không còn nhận ra con mình. Mẹ nó lại khổ vô vàn. Ông Nguyễn nghĩ đến vợ lại xót xa, càng nóng lòng muốn uốn nắn thằng Trung theo khuôn mẫu mà ông hằng ước mong. Nhưng những gì ông ra công ra sức gây dựng đều như nước chảy qua cầu, đôi khi còn tác dụng ngược lại khiến ông lao đao tối tăm. Ông Nguyễn vẫn không quên cái ngày đầu tiên đặt chân lên đất Na Uy, ông mang theo niềm lạc quan với bao hoài bão. Nhưng nay!

4.

– Trung, lại đây!

Thằng Trung giật bắn người. Nó thấy cặp mắt của bố quắc lên như có hai luồng điện chiếu ra. Nó sợ vô cùng.

– Có lại không thì bảo!

Cổ thằng Trung như bị chẹn lại, nghẹt thở. Đôi chân nó lê trên sàn nhà như thể đeo theo cả ngàn cân sắt. Hai tay nó xoắn vào nhau, rịn nhơn nhớt mồ hôi.

– Đứng đây tao hỏi tội!

Ông Nguyễn đập đầu chiếc gậy xuống chỗ trước mặt. Dù đang thất thần, thằng Trung vẫn kịp nhận ra bố nó đã xưng "tao" thay cho tiếng "bố" thường lệ. Nó nhích lại gần, nhưng vẫn ước tính còn ngoài tầm chiếc gậy.

– Trung! Nó lại giật thót người:

– Dạ...

– Ai cho mày trốn học?

Thằng Trung xây xẩm mặt mũi ngay sau tiếng "mày" của bố nó. Nó hiểu cơn giận của bố đã lên tới cực điểm. Dù chưa bị đánh đòn, thằng Trung đã cảm thấy đau điếng khi thấy bố không dùng chữ "con". Lần đầu tiên. Nó đứng trân người vì xúc cảm này. Nhưng ông Nguyễn lại hiểu thái độ im lặng của thằng Trung là dấu hiệu nhận tội.

Sáng nay ông Nguyễn không phải đến khóa học tiếng Na Uy vì giảng viên đi trượt tuyết bị ngã gẫy chân. Ông chợt nhớ thẻ xe buýt sắp hết hạn nên lật đật lên phố mua thẻ mới. Lúc đi ngang *Bus-stasjon*, ông Nguyễn vừa ngạc nhiên vừa giận đến sôi người khi bắt gặp thằng Trung đang đứng chơi máy búng tiền. Dưới chân nó nằm nghiêng ngả chiếc ba lô đựng sách vở. Giờ này đáng lý nó phải ngồi trong lớp học chứ, sao lại lang thang ở bến xe này, chỗ vẫn nổi tiếng về các tệ đoan mua bán ma túy. Ông Nguyễn không để thằng Trung nhìn thấy ông dù lúc đó ông muốn lại túm lấy nó hỏi tội. Nhưng ông Nguyễn đã dằn được cơn nóng, mím môi lặng lẽ về nhà, ngồi chờ thằng Trung.

– Tại sao mày không trả lời?

Thằng Trung cúi mặt, miệng lí nhí:

– Dạ... Thầy Svein... bị bệnh... lớp được nghỉ...

Vút. Cây gậy bay đúng bắp tay thằng Trung. Nó vội lùi ngay lại, ôm chỗ đau. Ông Nguyễn gầm lên:

– Láo! Đã trốn học còn nói láo!

Quả thật thằng Trung đã nói dối. Nó không ngờ bố nó khi về nhà đã điện thoại hỏi nhà trường. Văn phòng xác nhận thằng Trung hôm nay không đến học. Hành động trốn học cộng với tội dối trá của thằng Trung như trận cuồng phong cuốn đi những gì ông Nguyễn đã tin tưởng nơi con mình. Lồng ngực ông muốn nổ tung cho cơn uất nghẹn

bùng ra. Tay ông bám vào thành ghế sofa như để chận không cho ông chồm lên đấm đá thằng Trung cho hả giận. Hai hàm răng ông cắn chặt vào nhau. Da mặt tím lại. Đôi mắt như nổi lửa... Nhưng đúng lúc đó ông Nguyễn chợt bắt gặp khuôn mặt tái mét của thằng Trung in đậm nét mặt của vợ ông trong cái ngày ông chia tay vợ để ra đi. Ông bỗng nhói đau trong lòng. Thần trí ông đột nhiên xụp hẳn xuống. Ông Nguyễn ngồi bất động một hồi lâu trong cảm giác tê dại.

Ông Nguyễn thoáng hối hận cơn nóng vừa rồi của mình. Thằng Trung vẫn đứng như chôn chân trên sàn nhà. Mãi sau ông Nguyễn mới cất giọng nổi, mệt mỏi:

– Ngồi xuống đây, bố hỏi.

Thằng Trung chỉ dám ngồi nửa mông ở mép ghế đối diện. Hai tay kẹp giữa đùi. Nó vẫn không dám ngước nhìn bố.

– Bây giờ con phải nói thật các ý nghĩ của con. Bố cho phép con nói hết ra. Trước tiên, tại sao con không đến trường bữa nay?

Thằng Trung cố gắng lấy giọng mạnh dạn:

– Tại... con... chán học.

– Tại sao chán? Học là để ấm vào thân con!

– Bố... bắt con lúc nào cũng học, làm con... ớn quá.

Ông Nguyễn nuốt nước bọt dù cổ họng ông đã khô. Cơn choáng váng dâng lên rần rật trong cơ thể ông. Tiếng thằng Trung run run:

– Trước con ở với ông bà Tor Hansen, con có nhiều đứa bạn, con được đi bơi với đá banh mỗi buổi chiều. Tối con được coi Ti-Vi... Còn bố... bố cấm con tất cả...

Giọng ông Nguyễn chùng hẳn xuống, yếu lại:

– Bố muốn con dành thì giờ để học.

– Mà học hoài con cũng đâu có giỏi nổi. Vô lớp thấy sách là con đội liền. Dần dần con học còn thua cả thằng Harald. Khi bố chưa qua, sức mấy nó hơn con.

Ông Nguyễn ngửng đầu, thoáng ngạc nhiên:

– Những bài kiểm của con vẫn được điểm khá mà.

Thằng Trung vội nhìn đi chỗ khác, lắp bắp:

– Con... sửa điểm. Con sợ...

Như chợt có một cơn gió lạnh quạt dữ dội vào người ông Nguyễn. Ông có cảm giác trên da thịt ông nổi những gai ốc. Ông lặng người giây lát rồi mới lên tiếng lại được:

– Tại sao trước đây con không cho bố biết gì?

– Con không dám. Với lại mỗi lần con nói trái ý bố, bố lại la. Ông bà Hansen hồi trước ưa hỏi ý kiến con. Con nói "ja" ông bà ấy mới làm, nếu con "nei", họ cũng không ép con. Ở trường cô giáo cũng hay cho lớp thảo luận chứ không tự quyết định. Còn bố... bố...

Thằng Trung không nói hết câu, nhưng ông Nguyễn đã hiểu hết ý nó. Đây là lần đầu ông nhận ra con ông không còn bé như ông đã tưởng. Nó đã có ý nghĩ riêng tư. Và cũng là lần đầu tiên ông thấy trong ánh mắt của con vẻ ngây thơ. Ông Nguyễn có cảm giác của một người vừa thua trận. Ông chợt nhận ra sự chậm chân, lạc lõng của mình.

Sau tiếng thở dài, ông Nguyễn nhìn thằng Trung thật lâu như thể đã không có dịp nào nhìn kỹ con. Giọng ông trầm và buồn:

– Bây giờ con muốn bố làm gì cho con? Bố hứa... Thằng Trung trả lời rất nhỏ, nhưng ông Nguyễn vẫn nghe rõ từng tiếng:

– Con muốn ở với... ông bà Tor Hansen. Khi nào mẹ qua Na Uy, con sẽ về lại với... bố mẹ.

Nói xong thằng Trung đứng dậy, lững thững đi vào phòng, đóng cửa lại.

Ông Nguyễn ngồi lặng trên ghế sofa. Như một bức tượng. Hai dòng nước mắt chợt trào xuống trên khuôn mặt khắc khổ của ông. Lần thứ nhất trong cuộc đời. □

Tìm Đọc:

SƯƠNG CHIỀU THU ĐỌNG

Thơ Huệ Thu

H.T. Kelton xuất bản

HUỲNH LIỄU NGẠN

NHỮNG NHÁNH ĐỜI CỦA BIỂN

*

tôi gởi lại bện một dòng sông chiều
tháng bảy những lâm thâm mưa bụi cuốn
trôi đi rác rưởi mùa nước lụt về
sông sông trôi đi ánh đèn đêm về

cửa biển mà mẹ tôi bên kia nhà
cứ nghĩ con nó đã về chưa mà
lâu quá trời mưa chắc đường xa còn
tới lạnh mà nhỏ dại dọc đường co

lỡ chuyến đò qua mùa lụt tháng bảy
nước lớn dâng lên đến thấu thềm nhà
tháng bảy nước chảy lên bờ mẹ tôi
nói rồi đến nửa đêm mưa mau gió

thổi rì rầm mái tranh lật ngược nước
dột xuống nhà em tôi chị tôi chạy
đi lấy thau hứng đỡ ngồi thức trọn
đêm nghe mưa sau hè đổ ngọn tàu

cau cây chuối ngả rạp xuống mương nước
xoáy cuốn trôi đất cát vườn rau vườn
cà rụng trái theo sông sáng mai ngồi
dậy liền đi với củi để dành thổi

cơm mẹ dặn nhớ xăn quần cao kẻo
về ướt lạnh khổ lắm con ơi... thời
tuổi trẻ chắc chắn đã trôi qua bên
chiếc cầu ván đong đưa bên bờ ao

rau muống tôi nhìn lại và hai mươi
năm vút đi như vì sao chổi nhưng
sao chiều nay không dưng có cơn mưa
mù trút ngọn rồi mười năm hai mươi

năm chẳng còn là thời gian chờ đợi
lạy trời may thay mẹ tôi vẫn còn
bên kia nửa vòng trái đất anh em
thì mỗi người thất tán mỗi phương như

những nhánh củi rong rêu thuở nào không
biết bây giờ trôi nổi về đâu mà
tha phương lại vèo thêm một thập niên
lưu lạc sao mẹ cứ dặn hoài đi

đâu rồi cũng nhớ về nhà cho kịp
chạng vạng tối trời khổ lắm con ơi...

THẾ UYÊN

đọc sách trong tháng

*

Lời tòa soạn: *Bắt đầu từ số này,* Văn Học *mở mục đọc sách thường xuyên, do nhà văn Thế Uyên phụ trách. Nghĩa là mỗi kỳ báo, sẽ điểm nhiều sách, mỗi cuốn trung bình một trang. Bởi thế mục này không hề thay thế những bài phê bình sách thường lệ theo kiểu cổ điển của các tạp chí văn học.* Văn Học *và người phụ trách Thế Uyên sẽ mở rộng tầm điểm sách vào địa hạt văn hóa tổng quát, từ sử, văn học sử đến kinh tế chính trị, v.v... Về tinh thần, mục điểm sách này nhằm giới thiệu và đề cao những cuốn sách có giá trị, giá trị về nghệ thuật hay tư tưởng, không phân biệt trong nước hay hải ngoại, sách dịch hay sáng tác. Thậm chí có cuốn sách Anh ngữ, Pháp ngữ nào mới xuất hiện và tạo dư luận ồn ào, cũng có thể được nhắc tới trong mục này.*

Nói chung, những cuốn sách được giới thiệu trong mục Đọc Sách này đều có một giá trị trên trung bình, xứng đáng để chúng ta mua về cho tủ sách của gia đình.

*

Vài nhận xét về thể văn hồi ký

Trong nền văn học Việt-nam hải ngoại, thể văn hồi ký rất phong phú; nhất là loại lấy bối cảnh lịch sử của Việt-nam hiện đại, trong thế kỷ 20. Điều đó cũng dễ hiểu bởi vì lịch sử Việt-nam đã sang một trang mới sau tháng 4/1975, những chính trị gia, tướng lãnh, nhà văn lão thành... đã có đủ thời gian trầm lắng để nhìn lại cuộc đời dài và rộng của mình để ghi xuống trang giấy. Nhìn chung những cuốn hồi ký của các vị ấy, chúng ta dễ thấy cuộc đời thật sự lắm khi còn ly kỳ hơn cả những tuồng tích mà một nhà văn sáng tác có thể nghĩ ra. Bởi thế,

ngoài giá trị cung cấp tài liệu cho lịch sử, những cuốn hồi ký viết hay đều mang một giá trị văn học đáng kể.

VIỆT NAM NHÂN CHỨNG của TRẦN VĂN ĐÔN

Việt Nam Nhân Chứng *của Trần Văn Đôn do Xuân Thu xuất bản lần thứ nhất, 1989, California, USA. Sách thuộc loại bìa cứng, 576 trang, đề giá US$29.00. Địa chỉ phát hành: Xuân Thu, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720, USA. Đối với rất nhiều người thuộc lớp tuổi của người điểm sách trở xuống, tướng Trần Văn Đôn là một tướng lãnh cố cựu đã đóng những vai trò lãnh đạo trong quân đội và chính quyền VNCH khi mình còn ít tuổi. Đã thế sự nghiệp của vị này thường được ghi nhận với các nét chính như: do Pháp đào tạo, playboy* có hạng, chuyên về tham mưu, không có chiến công đáng chú ý. Kết luận: ít đáng quan tâm.

Người điểm sách có những tiên kiến như thế nên cách đây vài năm, khi tình cờ gặp mặt ông trong một *party* ở Virginia, sự trao đổi không có gì là đậm đà. Ông Trần Văn Đôn hỏi nnguời điểm sách về tình hình chính trị quân sự mới nhất ở nội địa bằng một giọng nhỏ nhẹ, với vẻ dáng khiêm tốn đáng ngạc nhiên. Chính thái độ này làm nnguời điểm sách chú ý và do đó, khi biết vị tướng già này đã trở về Pháp nằm bệnh viện, người điểm sách đã lấy cuốn *Việt Nam Nhân Chứng* của ông mang theo dọc đường trong chuyến đi mùa hè sang miền Đông Hoa-kỳ. Phi cơ cất cánh trễ ba tiếng làm người điểm sách có thì giờ đi vào những chương đầu.

Và bị lôi cuốn liền. Trần Văn Đôn không hề viết hồi ký để khoe khoang thành tích hay đề cao một ai khác. Ông chỉ kể lại chuyện đời mình, một cuộc đời có hoạt động quân sự và chính trị trải dài hơn nửa thế kỷ. Ông mở đầu bằng đoạn văn như sau: "*Ngày xưa ông nội tôi nghèo, gia đình chỉ có một chiếc tam bản này chở rau cải, trái cây, ngũ cốc từ vùng phụ cận lên Sàigòn, Gia-định bán rồi mua hàng hóa chở về quê nhà bán lại cho dân địa phương... Một hôm như thường lệ, sau khi ông nội tôi bán xong rau, người mới đi bỏ hàng, giao cho ba tôi, lúc đó mới tám tuổi, ngồi giữ đồ nơi góc chợ Bà Chiểu. Trong khi chờ đợi ông*

nội tôi trở lại, ba tôi lật quyển văn phạm Pháp văn ra đọc. Tình cờ một người đàn ông Pháp đi ngang qua thấy ba tôi ăn mặc lam lũ ngồi ở góc chợ học bài mới dừng lại ngó. Vừa lúc đó ông nội tôi tới. Ông ta hỏi ông nội tôi có muốn cho ba tôi đi học không... Người Pháp này vốn là một bác sĩ, động lòng từ tâm đề nghị cấp học bổng cho ba tôi..."

Giọng văn cứ giản dị như thế suốt hơn 600 trang giấy, không một lời dao to búa lớn. Đã thế tâm tình mình trong mỗi hoàn cảnh lịch sử ra sao, cứ thế kể lại. Sợ thì bảo là sợ, khổ thì bảo là khổ, và cũng chẳng giấu giếm gì cái tật đào hoa của mình. Khi tham gia vào biến cố lịch sử nào quan trọng, ông đã chịu khó sưu tầm tài liệu để ghi cho đúng các văn kiện quan trọng.

Bởi thế, đọc *Việt Nam Nhân Chứng* thấy ly kỳ lôi cuốn như đọc một tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình. Khi đọc xong trang cuối cùng, người điểm sách hiểu tại sao vị tướng già này lại đặt tên cuốn hồi ký toàn bộ đời mình là *Việt Nam "Nhân Chứng"*. Bởi vì đó quả thực là mục đích của ông: kể lại 60 năm biến cố dất nước với tư cách một nhân chứng trong cuộc mà thôi.

Nhưng Trần Văn Đôn không ngừng hồi ký của mình ở năm 1975 như nhiều người khác. Ông kể tiếp quãng đời sau đó của ông ở hải ngoại, từ việc đi mở quán ăn ở Pháp sinh nhai, những vui buồn trong việc tổ chức cho cựu hoàng Bảo Đại đến thăm viếng cộng đồng Việt ở Hoa-kỳ đến những gì đã xảy đến cho nhiều nhân vật khác, từ chốn lao tù cải tạo ở Việt-nam đến những thành phố thanh bình ở Tây phương hiện nay. Nghĩa là một hồi ký rất "có hậu"... Nhưng là một có hậu làm người đọc đọc xong thoáng thấy ngậm ngùi. Ngậm ngùi cho dân tộc và đất nước Việt-nam, và cũng ngậm ngùi cho chính thân phận tác giả Trần Văn Đôn, một đời biết bao lần quyền cao chức trọng để rồi đến khi về già gia sản trống không, bệnh nặng phải trông nhờ vào lòng tốt của quân lực xưa kia đã đào tạo ra mình là quân đội Pháp. Một tướng lãnh nổi danh của Hoa-kỳ đã có lần nói một câu như sau: *Những người lính già không bao giờ chết, họ chỉ tan biến mờ nhạt đi mà thôi*. Câu nói này cũng khá đúng cho Trần văn Đôn, tác giả *Việt Nam Nhân Chứng*.

CON RỒNG VIỆT NAM của BẢO ĐẠI

Con Rồng Việt Nam *của Bảo Đại, hồi ký chính trị 1913 – 1987, Nguyễn Phước tộc xuất bản, 1990, loại bìa cứng, 610 trang trong đó có 7 trang hình ảnh, giá đề US$30.00. Xuân Thu phát hành, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720, USA.*

Mở tập hồi ký có chiều dầy đáng kể của vị vua cuối cùng của Việt-nam, điều đầu tiên làm người đọc ngạc nhiên là đoạn nhập đề có phong dáng của một nhà văn hơn là một chính khách hay nhà vua. Thay vì kể lai lịch của gia đình, tác giả Bảo Đại đã ghi lại buổi đối thoại linh hoạt giữa mình, vua cha Khải Định và viên khâm sứ Pháp tại Trung-kỳ là Pierre Pasquier, nhân dịp mình được tấn phong làm Đông-cung Thái-tử. Và vẫn cứ với phong dáng nhà văn ấy, Bảo Đại kể hết cuộc đời mình, thật chi tiết, từ việc học cưỡi ngựa lái phi cơ trong trường hợp nào, đến sự kiện gặp cô gái miền Nam sẽ cưới làm hoàng hậu ra sao.

Nhiều chi tiết chính xác về tất cả mọi chuyện, đó là đặc điểm của cuốn hồi ký này. Và như nhà văn Nhất Linh đã nhận xét ngày nào, không phải cốt truyện mà chính là những chi tiết đã tạo thành một tiểu thuyết hay. Nhưng Bảo Đại đã có thêm một lý do nữa để đi vào chi tiết: ông viết không phải chỉ để cho độc giả Việt, mà còn nhằm độc giả của Tây-phương nữa. Chính vì mục đích này, ông đã nhiều khi dùng tự thuật để miêu tả rất đầy đủ những vấn đề phong tục tập quán, các tôn giáo, đặc biệt là Khổng giáo và Phật giáo ở Việt-nam. Dĩ nhiên không đi quá xa vào biên khảo thuần túy, nhưng phác họa vừa đủ cho một độc giả trung bình của Tây-phương hiểu được đại cương về văn hóa và xã hội Việt-nam trước đệ nhị thế chiến.

Điều bất ngờ nhất do sự miêu tả chi tiết này mang lại là Bảo Đại cống hiến cho chúng ta một miêu tả đầy đủ nhất về Lễ Nam Giao độc đáo của dân Việt. Từ diễn tiến đến trang bị và ý nghĩa của từng động tác trong buổi lễ. Người điểm sách xin thú thực là tuy đã đọc không ít sách, nhưng phải nhờ đọc cuốn hồi ký này mới hiểu rõ ý nghĩa của buổi lễ Nam Giao của thời kỳ quân chủ Việt-nam.

Tác giả Bảo Đại trong nhiều đoạn đã tỏ ra có khả năng của một nhà văn có tài. Đoạn ông mô tả về loài voi của Việt-nam có thể trích dẫn in trong sách giáo khoa cho học sinh trung học. Những đoạn ông mô tả về rừng già và thú đi săn là những đoạn văn xuất sắc. Ông truyền đạt được cho người đọc những rung cảm bát ngát trong cô đơn của mình. Đọc ông, người đọc có cảm tưởng ông nhiều tình cảm, nhiều nhân tính quá – sự kiện này cắt nghĩa tại sao trong cả cuộc đời làm vua, làm cố vấn cho chính phủ, làm quốc trưởng miền Nam của mình, không bao giờ ông làm một điều gì quá phũ phàng, tàn ác với bất cứ ai. Dĩ nhiên đọc ông, nhiều nghi vấn của lịch sử đã được giải đáp khá minh bạch. Thí dụ như ông đã từ bỏ ngôi vị Hoàng đế Việt-nam trong hoàn cảnh như thế nào. Trang 184, ông đã viết:

"Sáng ngày hôm sau 23 (tháng 8, 1945), chung quanh tôi hoàn toàn trống rỗng. Chẳng thấy Trần Trọng Kim, cũng chẳng thấy bất cứ một ông bộ trưởng nào vào điện. Chỉ còn vài lính phụ trách mở và đóng cửa điện, đi lại ở sân chầu vắng lạnh. Trong dịp quốc lễ gần đây, chưa tới hai tháng, sân chầu đã đầy ních các quan và kẻ thân hoàng cung. Bữa nay, chỉ còn riêng hoàng tùng đệ Vĩnh Cẩn, còn trung thành đứng cạnh tôi mà thôi.

"... Lời kêu gọi của tôi gởi cho tổng thống Truman, cho thống chế Tưởng Giới Thạch, cho quốc vương Anh, cho tướng De Gaulle lại im lìm, không có hồi âm. Họ (Mặt trận Việt Minh) có súng đạn, phương tiện, còn tôi thì không có cả khả năng để tập họp những bậc trung thần và những người thân cận xưa nay, bỗng câm như thóc, hay có âm mưu chống lại tôi... Họ (Việt Minh) đã chiếm được quyền hành không mất một mẩy lông, và tôi bị bơ vơ trong một kinh thành chết."

Khách quan mà xét, làm vua một nước mà buổi sáng tỉnh dậy ra triều đình thấy không còn văn võ bá quan, họ hàng thân thích chỉ còn có đúng một ông em họ, thì quả thật có đi đến quyết định thoái vị cũng là điều dễ hiểu thôi. Đọc đoạn hồi ký trên, người viết không khỏi nhớ tới bài tướng Dương Văn Minh, tổng thống và tổng tư lệnh cuối cùng của Việt-nam Cộng-hòa, trả lời cuộc phỏng vấn của báo chí khi ông được chính quyền CSVN cho tới Pháp dưỡng già. Ông Minh cũng đã kể sáng hôm cuối cùng ở dinh Độc Lập, ông đã cô đơn như thế nào.

Hỏi Hải quân, Hải quân đã biến mất trong biển Thái-bình, gọi bộ Tổng tham mưu, từ phòng 1 đến phòng 7 chỉ nghe thấy chuông reo cô quạnh, không đi đến quyết định đầu hàng, cũng là chuyện lạ. Ông Dương Văn Minh cũng *"bị bơ vơ trong một kinh thành chết."*

Nhưng ông Bảo Đại còn có lúc lâm vào hoàn cảnh thê thảm hơn nữa là đã có lúc bơ vơ trên đất lạ không một đồng xu dính túi, không biết tối nay ăn đâu ngủ đâu nữa. Đó là hôm ông đã ra phi trường Côn-minh để trở về nước cùng phái đoàn Việt-nam – lúc đó ông vẫn là cố vấn cho chính phủ Hồ Chí Minh – thì nhận được công điện của Hồ Chí Minh nguyên văn như sau:

"Thưa Ngài, công việc ở đây đang tốt đẹp. Ngài có thể đi chơi nữa. Hơn nữa, Ngài sẽ rất có ích cho chúng tôi, nếu vẫn cứ ở lại bên Tàu. Đừng lo ngại gì cả. Khi nào sự trở về của Ngài là cần thiết, tôi sẽ báo sau. Xin Ngài cứ tĩnh dưỡng để sẵn sàng cho công tác mới. Ôm hôn thắm thiết. Ký tên: Hồ Chí Minh."

Quả thực đây là một công điện trào lộng hiếm có của lịch sử. Người nắm quyền một nước mời vị phụ tá của mình "đi chỗ khác chơi"... hiểu theo cả nghĩa của nhi đồng lẫn người lớn! Chỉ đáng tiếc là tác giả Bảo Đại lúc đó không có một đồng, hành lý cũng đã theo phi cơ bay về trời Nam xa xôi rồi. Nếu không có quí nhân xuất hiện phút chót, thì hẳn vị vua cuối cùng của triều Nguyễn đã phải cuốc bộ về thành phố, bán áo ngoài đi mà ăn món phở cừu như Nhất Linh đã tả trong bộ Giòng Sông Thanh Thủy.

Lên voi xuống chó quả thật ít ai bằng Bảo Đại. Vậy mà trong suốt hồi ký, những nhân vật được ông nhắc tới, kể cả những kẻ thù, ông đều miêu tả với một vẻ điềm đạm, khách quan, không thù hận cay đắng. Dưới đây là chân dung Hồ Chí Minh dưới ngòi bút Bảo Đại:

"Mặc chiếc áo vareuse *hở cổ, đi dép Bình Trị Thiên, râu cằm lơ thơ, Hồ Chí Minh giống như một ông đồ nho hay một triết nhân, thích ngâm thơ vịnh phú hơn là làm chính trị. Người gầy mảnh dẻ, mắt sáng quắc đầy nhiệt tâm, ông có một nhãn lực lôi cuốn vừa đạo mạo, vừa độc đáo..."* (tr. 198).

"Quả nhiên, đây là tay đại hề, đóng kịch rất tài. Khi thì đạo mạo như cha già, khi thì thân thiết, rồi lại ẻo lả, yếu mềm, hay nghiêm trang, trịnh trọng, nhiều khi trào lộng, mỉa mai. Tất cả những ai đã ở gần ông ta, đều tự lừa, hay đã bị lầm... Khi tôi biết được quá khứ của ông ta, sự giao dịch đã rất trơn tru. Tôi biết ở trước mặt tôi, là ai rồi, sau cái mặt nạ này. Một chiến binh mác-xít, một kẻ bị chai đá sau ba mươi năm chiến đấu, bị đảng chi phối, trói buộc chặt chẽ rồi, một chiến sĩ đầy thủ đoạn. Thừa khả năng chịu đựng, dám tất cả mọi lừa lọc, biết người, biết nhược điểm của họ, để khinh bỉ họ, kiên nhẫn cùng cực, và quyết theo đuổi kỳ cùng mục tiêu của mình. Sẵn sàng giả trá mọi mặt, nhưng cuối cùng thì quyết liệt, rắn như sắt. Đầy tế nhị, và thông minh, và bất nhân đến độ bạo tàn. Lúc nào cũng như sẵn sàng ôm ấp, yêu đương mình để bóp chặt kín đáo không ai có thể ngờ.

"Theo đảng cộng sản Mác-xít do hoàn cảnh thực tế giai đoạn, bởi chủ nghĩa này trong chiến lược toàn cầu, nhận thấy sự nối dậy của tất cả sắc dân bị trị, nên ông ta nhắm mắt tuân theo, không biết đến lý luận hay bàn cãi gì nữa. Khi đã vào đảng rồi, ông đã nhìn với nhãn quan của chủ thuyết này qua lăng kính một chiều của nó."

Về phương diện chính trị, nơi phần cuối sách, Bảo Đại đã đưa ra nhận định ngắn gọn như sau: *"Sự thắng trận của Hà-nội, cũng là sự thất bại của họ... Sau sự thất bại của giải pháp Pháp, đến giải pháp Mỹ, nước Việt-nam sẽ lại gặp sự thất bại của giải pháp Cộng sản, không còn nghi ngờ chi nữa."* (trang 557-558). Nhưng sau giải pháp Cộng sản, sẽ đến giải pháp gì?

Trong CẢM NGHĨ, chương cuối cùng của cuốn hồi ký, Bảo Đại đã viết như sau:

Đã hai mươi lăm năm qua, tôi rời bỏ quê hương của tổ tiên tôi. Hai mươi lăm năm tại Pháp, vùng đất bao dung đã đón nhận tôi, đã ràng buộc tôi với bao kỷ niệm thời niên thiếu. Từ khi hoàng hậu Nam Phương mất đi, vốn được tôi thương yêu từ lúc thanh xuân, nay đã ra đi, và các con tôi cũng bay xa, tôi thường bơ vơ đơn chiếc. Tôi đã cảm thấy, và đã sống như biết bao đồng bào tôi, nam cũng như nữ, đang sống hiện nay. Nơi thì cảm

tình, bao dung với tình bằng hữu, nơi thì hiểu lầm đầy ác ý. Nỗi vui mừng khi gặp lại người xưa, hay sự u sầu của cô thân chích ảnh...

Thời gian mà chúng tôi đang sống, không phải là thời gian của buông xuôi, tuyệt vọng, mà chỉ là sự tạm ngưng. Với những ai hiện đang nắm quyền hành số phận của tổ quốc, tôi nói: "Sửa sai không phải là điều mất mặt. Như Khổng Phu tử đã từng nói: "Cái gì mà chúng ta có thể vứt bỏ, thì không phải là Đạo. Thời đen tối tiếp diễn thời sáng sủa. Sự đó làm nẩy ra Đạo."

Tác giả Bảo Đại đã viết những dòng như trên năm 1979. Lúc đó hẳn ông không thể ngờ được *"những gì mà chúng ta có thể vứt bỏ"* sẽ gồm luôn cả chủ nghĩa Mác-Lênin, và tượng của những ông này trên toàn thể lãnh thổ của Liên-bang Sô-viết.

Và nếu có một điều gì để nói ra sau cùng, chỉ là: Dọc xong hồi ký *Con Rồng Việt Nam*, người đọc có thể nhận ra dễ dàng: Nếu sinh nhằm thời bình, Bảo Đại có thể đã trở thành một ông vua tốt, một minh quân. Nhưng đáng tiếc ông đã không chọn được đúng thời của mình để sinh ra đời.

NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ ĐÃ ĐI QUA ĐỜI TÔI của TẠ TỴ

Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi, *hồi ký của Tạ Tỵ, Thằng Mõ xuất bản, California, USA, 1990. Sách bìa mỏng, 325 trang, 33 chân dung văn nghệ sĩ do tác giả minh họa. Giá đề US$16.00. Địa chỉ phát hành: Nhan Le, 3571 Aberdeen St., Santa Clara, CA 95054, USA.*

Những nhà văn thuộc lớp trưởng lão của Việt-nam tại hải ngoại còn cầm bút tiếp tục viết không còn bao nhiêu, trong đó đáng kể tới có Tạ Tỵ. Tương tự Phạm Duy, Võ Phiến, hoạt động văn nghệ của ông bắt đầu từ những năm kháng chiến chống Pháp cho đến tận ngày nay, tại miền nam tiểu bang California, Hoa-kỳ. Ông là một người đa tài, nếu dùng một từ ngữ cổ xưa để diễn tả là đủ mục "cầm kỳ thi họa" cũng không sai là mấy.

Ông nổi tiếng nhất về tài năng hội họa của mình, là người đầu tiên đi vào trường phái lập thể và đã thành công – kể cả về phương diện tài chánh. Ông làm thơ, viết truyện, tạp văn đủ cả: tám cuốn trước tháng

4, 1975 và hai cuốn mới viết và xuất bản tại Hoa-kỳ. Trong địa hạt văn học này, ông không thành công cho lắm về bộ môn truyện và thơ. Thể loại của ông được đọc nhiều nhất là thể loại vừa hồi ký vừa nhận định văn học: *Mười khuôn mặt văn nghệ; Phạm Duy còn đó nỗi buồn; Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay; Đáy địa ngục.*

Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi là cuốn thứ năm của thể loại này. Và cũng là cuốn phong phú nhất về những nhân vật được nhắc tới. Hãy nhìn mục lục của ông:

1. Những khuôn mặt văn nghệ tiền chiến.
2. Những khuôn mặt văn nghệ trong thời kháng chiến.
3. Những khuôn mặt văn nghệ trong Hà-nội tạm chiếm.
4. Những khuôn mặt văn nghệ miền Nam.
5. Những khuôn mặt văn nghệ trong Sài-gòn đỏ.

Lối viết của Tạ Tỵ không phải là sưu khảo. Ông kể chuyện đời ông từ đầu đến chót về phương diện sinh hoạt văn học nghệ thuật làm cái cốt chính cho toàn cuốn sách, rồi ông cho những người bạn làm văn học nghệ thuật – hoặc có những hoạt động liên quan tới địa hạt này – xuất hiện theo từng chặng của cuộc đời của chính ông. Chính bởi sử dụng kỹ thuật này, ông đã mô tả luôn được những nét chính của từng hoàn cảnh lịch sử của mỗi thời kỳ. Xét về mô tả thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Phạm Duy trước đây đã được khen là tả khá đạt. Nhưng không thể bằng Tạ Tỵ lần này.

Một ưu điểm nữa của Tạ Tỵ là ông đã dùng phương pháp miêu tả toàn diện về mỗi nhân vật. Ông không gò bó như các nhà biên khảo văn học khác: qua ngòi bút ông, mọi nhân vật được nhắc tới toàn diện hơn, từ cái ăn cái uống đến chuyện làm tình. Nhắc đến khuyết điểm của mỗi người, ông tỏ ra bao dung, không đưa ra một phán đoán luân lý nào. Ông không uống được rượu, nhưng chẳng vì thế mà từ chối ngồi vào bàn rượu của bạn bè suốt bao nhiêu năm. Chính thái độ đó đã tạo ra sự thành công chính của *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi.* □

NGUYỄN ĐỨC LẬP

mảnh vụn một đời

*

VÀO CHUYỆN

Tuy lúc còn sống thì cô đơn, tịch mịch một mình, đi không người đưa, về không kẻ đón, nghèo khổ tận mạng, nhưng tới lúc chết, đám ma của chú Ba Xe Ngựa lại rình rang trọng thể vô cùng. Điều nầy, không ai ngờ được và cũng không biết tại sao. Hồi còn sống, chú Ba vẫn thường nói với mấy ông bạn già lối xóm, nửa chơi nửa thiệt:

– Một mai, rủi thử như tui có theo ông bà trước, xin mấy anh để tâm lo giùm. Bộ ván, tui nằm, ghép lại cũng thành được cái quan tài, làm ơn làm phước đừng để cái xác của tui bị dập vùi tẻ lạnh.

Nói thì nói vậy, nhưng rồi chú lại phì cười:

– Dặn các anh làm vậy thiệt tui cũng lẩn thẩn. Chết rồi, đâu có còn biết cái gì nữa mà sợ tẻ lạnh. Với lại, đời nào mà mấy anh lại để cái xác của tui sình thúi.

Chú Ba nằm xuống. Mấy ông già lối xóm tụ lại, định lo tẩm liệm, chôn cất, thì thím Tám Neo ra mặt chận lại. Thím ngồi xe đò, chuyến nửa khuya, lên tận Sàigòn, rước ông giáo sư Ngọc xuống. Và, chính ông nầy đã đứng ra xếp đặt chu toàn hết cả trong ngoài. Ông xuất tiền mua cái hòm bằng gỗ huỳnh đàn. ông đích thân tới nhờ lão Nhưng Sành đứng ra điều khiển lễ động quan và việc tống táng. ông nói với lão Nhưng Sành khẩn thiết ra sao không biết, nhưng lão tuyên bố với khắp đầu trên xóm dưới:

– Tui đã giải nghệ lâu rồi, nhưng ông giáo sư đã biết tới tui mà nhờ

cậy thì tui phải hết lòng hết sức. Tui cũng già quá mạng rồi, có thể tui ra tay lần nầy là lần chót. Một lần để đền đáp lại cảm tình của ông giáo sư, mà cũng để lo cho em cháu trong làng biết lễ nghĩa là làm sao. thời buổi nầy, con người ta sống thì hốt giựt vội vàng, mà chết thì vùi lấp cho mau hết chuyện. Em cháu lớp sau không còn đứa nào biết lễ nghĩa là ra sao nữa rồi. Thằng Nhưng Sành nầy, trước khi xuống lỗ, phải guậy một lần cho tụi nó biết...

Tuy cái uy tín của lão Nhưng Sành, trong mấy chục năm qua, càng ngày càng xuống thấp, lão say sưa bất kể giờ giấc, mặt mũi lúc nào cũng đỏ gay, lang thang thất thểu, gặp ai cũng cà khịa, nói tục nói tĩu, tới đứa con nít cũng lờn mặt, nhưng, lời tuyên bố của lão đã khiến cho mọi người tò mò.

Và, vì thiên hạ tò mò nên đám ma của chú Ba Xe Ngựa đông nghẹt người tham dự. Lễ động quan được dự trù vào lúc chín giờ sáng, hạ gộng vào lúc mười giờ, để cho mọi sự xong xuôi sớm, ông giáo sư Ngọc có thể đáp chuyến xe đò đúng ngọ, trở về Sàigòn. Tuy giờ giấc được định làm vậy, nhưng mới bảy giờ sáng, thiên hạ tụ lại rần rần. Ai cũng náo nức chờ coi lão Nhưng Sành ra tay là ra tay làm sao. Ai cũng ngậm ngùi vì tuy cái quan tài có mắc tiền, tuy bông trái, nhang đèn đầy đủ, nhưng rõ ràng đây vẫn chỉ là một cái "*đám ma nhà héo*". Không có một mảnh khăn tang, không có "*bên trọng bên khinh, bên phò giá triệu, bên rình quan tài*".

Mọi người bắt đầu chộn rộn thì đám đạo tì tụ lại. Ủa, thằng cha Bảy Búa đây chớ ai, trời, thằng chả hổng sợ, đất, thằng chả hổng nể, vậy mà bữa nay, cũng chịu khó đi khiêng quan tài. Còn lão tư Chột nầy nữa, nghe nói bịnh nằm mọp trong rẫy, cớ sao cũng rán mò ra. Coi kìa, thằng Sáu Méo cũng có mặt nữa kìa, mới cưới vợ có mấy ngày mà nó cũng siêng chuyện làng chuyện xóm dữ... Mười mấy bộ mặt, quen không, chớ có lạ lẫm gì đâu, nhưng cớ sao mặt nào mặt nấy cũng nghiêm trang tề chỉnh, đằng đằng sát khí hết vậy.

Đám đạo tì tụ tập dưới gốc cây me. Mười hai người ăn bận giống nhau, áo thun cụt tay trắng, quần dài đen, ngang lưng và ở lai quần đều

cột vải đỏ. Họ đứng riêng rẽ thành một đám, thỉnh thoảng châu đầu với nhau, nói chuyện nho nhỏ. Lão Nhưng Sành vẫn chưa thấy xuất hiện. Người ta xầm xì rằng, có lẽ, lão đã tới rồi, nhưng núp lén đâu đó...

Gần tới giờ động quan. Mọi người cảm thấy chán ngắt khi nghe lão thầy tụng Bảy Môn vừa gõ mõ lốc cốc, vừa lải nhải ê a, giữa tiếng đờn cò ò e:

...Ngày nào trau ngọc chuốt vàng
Bây giờ một đống xương tàn lạnh tanh
Ngày nào liệt liệt oanh oanh
Bây giờ gửi xác ra ngoài gò hoang
Ngày nào vợ đẹp con khôn...

Bài hát "Đưa Linh", trong trường hợp nào nghe thảm thiết, nức nở, nhưng, hát để đưa chú Ba Xe Ngựa nằm đó, nghe thiệt là lãng xẹt. Làm gì có ngày nào trau ngọc chuốt vàng, liệt liệt oanh oanh, ngựa ngựa xe xe, vợ đẹp con khôn... đối với chú Ba Xe Ngựa.

Ai nấy đều giựt mình vì lão thầy tụng Bảy Môn đang gõ mõ rời rạc, hát bằng giọng nhừa nhựa, buồn ngủ, bỗng, nhịp mõ chát chúa liên hồi, hét lên lồng lộng bằng giọng hát bội:

Hỡi kim tướng, hãy phòng thủ môn quan mật mật

Lão dang rộng hai tay, quay tròn đúng một vòng, rồi lại quay thêm nửa vòng nữa, để vừa đủ cho mặt xây ra phía ngoài.

Vừa khi lão Bảy Môn đổi giọng, đám đạo tì đã dẹp đám đông, đứng thành hai hàng, trước và cách xa quan tài độ mươi thước. Người nào cũng khoanh hai tay lên ngực, mặt nghiêm trọng như đang sắp sửa xung trận.

Ai nấy đều nín thở, biết rằng giờ phút chờ đợi đã tới.

Lão Bảy Môn gõ một hồi mõ nữa, rồi lại hét lên ong óng:

Cả tiếng kêu nầy hỡi đạo hò
Ai điều khiển khá tua phân danh hiệu
Đắc, khả nhập ngọ môn
Bất đắc, nan tồn tánh mạng... à...

Dầu muốn dầu không, tới giờ phút nầy lão Nhưng Sành cũng phải

ra mặt. Và, lão ra mặt thiệt. Ai có dè mà lão núp ở đằng sau cái bệ thờ trong chùa. Lão nhảy choi choi ra, hai tay múa loạn xạ, miệng hả ra hét lớn:

– Dạ... ạ... ạ...

Cũng thì lão Nhưng Sành đó chớ ai đâu xa lạ. nhưng, coi lão khác hoắc. Điệu bộ say sưa, thất thểu của lão đã biến đâu mất. Mặt mũi lão trét lọ nghẹ đen thui, rồi vẽ rằn vẽ rực. Lão đội một cái mão màu đen, có gắn ngù gắn tuội tùm lum. Lão lại đeo một bộ râu giả, theo kiểu râu rìa. Lão bận áo dài đen, quần đen, cột dây lưng đỏ, túm ống quần cũng bằng vải đỏ.

Người ta xầm xì rằng coi bộ vó của lão giống như ông Trương Phi, trong lớp hát bội "Thủ Cổ Thành", nhưng ông Trương Phi bịt khăn đen, chớ đâu có đội mão có tua, có tuội như vậy. Ông Trương Phi bận áo chẽn, hở lỗ rún, phơi ngực phơi bụng, chớ đâu có bận áo dài.

Lão Nhưng Sành xàng qua xàng lại trước quan tài. Hai tay lão múa lằng quằng cứng còng cứng ngắc. Lão vừa vỗ vô ngực đồm độp, vừa hát xưng danh:

– Như ta là Thần lưỡng ban võ tướng
Đồng hiển thọ khai môn
Troàn giáng sanh thượng khổn diệu linh
Âm dương độc nhạc trình
Ngô, biểu tự nhưng quan hiệu viết

Lão quay mặt ra phía trước, kêu lên:

– Bớ hiệu hò đàn ta!

Hình như có được dặn dò hay có tập dượt trước, mười hai cái miệng đạo tì cùng "dạ" lên một lượt, rất là ăn rập với nhau.

Lão Nhưng Sành lất láo, quay tả quay hữu một hồi, rồi cao giọng như một chúa đảng lục lâm trong hát bội kêu lâu la:

– Truyền điệu hò gìn giữ ngọ môn
Để cho mỗ khán lai linh cửu

Mười hai cái miệng đạo tì cùng cất lên một lượt:

– Xin tuân mạng.

Có ai đó, vừa nhét vô tay lão Nhưng Sành hai cây đèn cầy cháy sẵn. Lão quơ hai cây đèn một vòng, làm như lão đang múa đuốc. Lão lăng xăng đi từ trước tới sau cái quan tài, rồi đi ngược trở lên. Lão đưa hai cây đèn rọi vào quan tài, miệng lão thất thanh:

– Nào? Đâu nào? Như hà linh cữu?

Chập hai cây đèn sát vào nhau, đưa cao lên khỏi trán, hai chưn lảo đảo, thụt lùi lại phía sau mấy bước, lão Nhưng Sành làm như ngạc nhiên, thảng thốt. Trong khi đó, mấy người đạo tì đã song song đi vô gần sát tới quan tài của chú Ba Xe Ngựa.

Lão Nhưng Sành làm bộ xửng vửng một hồi nữa, tuồng như đất đang động dưới chưn. Cái điệu bộ nầy, lão tự hào là đã mấy chục năm làm nghề "nhưng quan", lão chưa từng bị ai qua mặt. Lão lên giọng óc:

– Khán quá chơn vi khán quá
Quan tài đích thị quan tài...

Lão đổi giọng thán cũng thể như thằng cha Đổng Kim Lân khi thấy đầu của bạn là Khương Linh Tá bị bêu ở cửa thành, trong tuồng San Hậu:

– Ô hô!
Tam thốn khí tại thiên ban dụng
Nhứt đán vô thường vạn sự hưu
Người về âm cảnh quạnh hiu
Kẻ còn dương thế những triêu tịch sầu

Giọng thán của lão thiệt lâm li, khiến cho nhiều kẻ đang đứng coi phải thất ruột. Mấy bà già trầu đưa tay quẹt nước mắt. Ai cũng mong cho lão hát thêm vài câu nữa, nghe cho đã, nhưng, lão lại đổi giọng:

– Bớ điệu hò đàn ta,
Phải chỉnh túc cân đai...
Từ bái...

Lão bỏ bộ quỳ xuống trước quan tài, hai cây đèn cầy được đưa lên ngang trán. Đám đạo tì cũng nhứt loạt quỳ xuống phía sau. Lão Nhưng Sành hất đầu ra hiệu, cả đám sì sụp lạy bốn lạy. Khán giả đứng chen chúc trong ngoài gật gù hài lòng. Đám đạo tì lạy ăn khớp nhịp nhàng, coi bộ đã tập dượt kỹ càng lắm, chớ không tới nỗi qua quít, bôi bác.

Lão Nhưng Sành đã nói là lão "ra tay" một lần cho em cháu biết lễ nghĩa mà.

Đám đạo tì vừa đứng dậy, tiến tới, đứng sắp hàng song song bên chiếc quan tài, lão nhưng Sành lại hát nữa:

– Đây chi nài khó nhọc
Đó chớ nệ tiếc công
Nghiêng mình vàng đỡ lấy quan tài
Di linh cửu táng an phần mộ

Lão đưa cặp đèn cho một người nào đó, trước khi múa một vòng báo hiệu chấm dứt. Lão vói tay ra sau lưng, móc ra một cặp sanh bằng tre già lên nước bóng lộn. Lão gõ sanh lắc cắc từng hồi giống như mấy thằng Chệt gõ rao mì, rao hủ tiếu, vừa gõ vừa hô để ra hiệu lịnh và đám đạo tì y kỳ theo đó mà thi hành:

– Một hồi sanh, ngồi đâu ngồi đó
Hai hồi sanh, rán vó lên eo
Ba hồi sanh, thượng lộ đăng đàn

Chiếc quan tài của chú Ba Xe Ngựa được những bàn tay mạnh mẽ nâng lên. Đám đạo tì cố giữ làm sao để cho quan tài không bị dằn xóc hay nghiêng đảo. Trên nóc quan tài, có để một chung rượu rót đầy, dằn lên một xấp tiền mới tinh. Đám đạo tì phải khiêng làm sao để cho rượu trong chung không bị sóng sánh tràn ra ngoài, ướt những tờ giấy bạc bên dưới, thì họ mới lấy số tiền nầy được, coi như là tiền thưởng.

Thím Tám Neo bật khóc lớn, quên cả nhiệm vụ. Thím ôm khư khứ cái siêu đất mới tinh trước ngực, thay vì phải đập xuống khi chiếc quan tài vừa được khiêng ra. Một người đờn bà nào đó phải giựt lấy cái siêu và lanh tay đập mạnh, gây ra một tiếng vỡ khô ngắn. Người ta nói làm như vậy để cho linh hồn người chết giựt mình mà chạy theo cái xác nằm trong quan tài, không còn lẩn quẩn tại nơi vừa quàn nữa.

Đám ma đi trong im lặng. Thím Tám Neo hực lên khóc có một chút xíu rồi thôi. Lão nhưng Sành đi trước dẫn đường, vừa đi vừa hô báo hiệu cho đám đạo tì phải coi chừng dò chưn dò cẳng. Lão thầy tụng Bảy Môn đi tiếp theo sau, gõ mõ nhỏ nhỏ, tụng ê a. Lão tụng một mình

lão nghe, chớ giọng lão làm sao át được cái giọng ong óng của lão nhưng Sành.

Đám đông đi đàng sau; chia thành từng nhóm nhỏ, chỉ chỏ phê bình, bàn tán.

– Thiệt là thất cười, thằng cha Ba Xe Ngựa nầy, hồi sống, đánh chết cũng hổng có nổi một trăm bạc dằn túi, vậy mà tới hồi chết, tiền dằn trên quan tài, thưởng cho đạo tì, kể cũng dư ngàn...

– Hồi sống, cho dầu là trong giấc chiêm bao, anh Ba cũng đâu có ngờ là khi chết được nằm trong cái hòm bằng huỳnh đàn, giá mấy chục ngàn. Chớ chi mà ông giáo sư Ngọc cho ảnh số tiền nầy lúc ảnh còn sống, thì đỡ khổ cho ảnh biết mấy. Hổng chừng có số tiền đó, ảnh ăn uống tẩm bổ, ảnh đâu có chết sớm như vầy.

– Mà cũng lạ thiệt tình. Mắc mớ gì mà ông giáo sư Ngọc lại đích thân dứng ra tống táng cho thằng Ba như vậy. Nói rằng vì cái nghĩa chủ tớ, thì bao nhiêu năm nay, nó nghèo khổ, nó cô quả ra sao, ổng đâu có thèm để ý tới.

– Ừ, mình thấy vậy thì hay vậy thôi. Chuyện gì ngoắt ngoéo bên trong, làm sao mình biết được.

– È, nhưng Sành ra tay chuyến nầy coi bộ được đến. Thằng chả bỏ nghề đã mấy chục năm mà khi làm lại cũng xuôi chèo mát mái, chớ không có ngúc ngắc ngập ngừng.

– Giọng thằng chả cũng còn tốt quá đó chớ. Nghe thằng chả hét lanh lảnh mà bắt nổi da gà. Chớ chi mà thằng chả chịu khó đi theo hát bội từ hồi còn trẻ, hổng chừng thằng chả đám thành kép nhứt...

– Ờ, mà dòm một vòng coi. Đám ma của chú Ba Xe Ngựa cũng lớn quá tay chớ. Đâu có thiếu mặt nào trong làng. Bà Năm Nhăn kia kìa, còn dám bỏ cả buổi chợ để đi đưa mà. Hổng chừng đám nầy dám lớn nhứt trong vòng mười mấy năm qua...

– Chôn xong, tụi mình có nên về dự tiệc không vậy? Ông giáo sư Ngọc đã đưa tiền cho Sáu Mót để tổ chức ăn lớn mà. Hồi sáng sớm, Sáu Mót đã lên chợ Bà Rịa để lấy heo quay về. Nghe nói tới hai con. Gà vịt

còn chưa tính. Thiệt ra, mình đi đây là đi đưa anh Ba, một lần vĩnh biệt, chớ đâu phải vì ăn mà đi.

– Nhưng, không dự, ông giáo sư Ngọc nói tụi mình làm phách sao? Ổng biết phải với cô bác, mình hổng nên để ổng buồn lòng.

– Buồn cái gì? Chút nữa, ổng leo lên xe về lại Sàigòn. Mấy thuở mà ổng xuống đây nữa. Ổng có buồn, mình cũng đâu có ngó thấy.

– Nói như vậy cũng không phải... Đất đai nhà cửa của ổng còn ở đây mà. Mả của ông nội ổng, của cha ổng cũng còn nằm ở đây mà...

– Ờ, mà Sáu Mót lo chuyện đặt tiệc đặt tùng, sao con mẹ Tám Neo không chịu ở nhà phụ tay phụ chưn với chồng chút nào hết vậy. Con mẻ ra đi theo đám ma làm chi?

– Nói vậy là không biết gì hết! Bề gì con mẹ Tám Neo cũng đã từng ở đợ chung một nhà với thằng cha Ba Xe Ngựa. Con mẻ đi theo đám ma là để cho trọn tình trọn nghĩa một kiếp ở đợ như nhau...

– Hồi nãy, con mẻ khóc quá trời mà...

Chịu khó theo dõi những lời bàn tán, không có ai nghe được một câu nào tỏ ý thương tiếc cho người sắp sửa được đem chôn. Đám đông dự đám ma vì tò mò, vì nghĩa tử nghĩa tận một lần, chớ thực sự vì thương tiếc, không có được mấy người...

– Thằng Ba, hồi còn sống, vẫn thường nói là nó coi cái chết như về. Nó đâu có dè cái chuyến đi về của nó lại rình rang như vậy. Mình mừng cho nó không hết, mắc mớ gì phải buồn...

Một ông già đã nói như vậy... □

(còn tiếp)

NHẮN TIN:

Tôi, Nguyễn Hùng Trương, nguyên chủ nhân nhà sách Khai Trí và Nhà xuất bản Khai Trí 60-62 Lê Lợi Sàigòn và chủ nhiệm báo Thiếu Nhi 1971-1975, vừa mới sang Mỹ, muốn liên lạc với các bạn quen biết, theo địa chỉ:

P.O.Box 72037 Houston, TX 77272-0367

Phone: (713) 277-5753

ĐÍNH CHÍNH:

* Do sự sơ xuất đáng tiếc của tòa soạn, bài "Khoa cử thời Hậu Lê dưới mắt Samuel Baron" của nhà biên khảo Nguyễn Thị Chân Quỳnh đăng trên Văn Học số 67, tháng 9, 1991, có những sai sót sau đây:

1. Trang 8: "Theo S. Baron thì Việt Nam có ba loại thi khác nhau: loại thứ nhất (những người đỗ... " xin đọc là "... loại thứ nhất lấy những người đỗ..."

2. Trang 8: "... nhưng thi Hội và thi Đình khác nhau nhiều chỗ. Samuel Baron nói thi Hội ở trường thi..." xin bỏ "Samuel Baron nói".

3. Trang 6: "Ngày thi, các Giám thị..." xin đọc là "Ngày thi, các Giám thí..."

4. Trang 7: "Các viên Giám thị dự việc thi..." xin đọc là "Các viên Giám thí dự việc thi..."

* Bài "Thơ, văn xuôi và văn vần" của nhà phê bình văn học Thụy Khuê đăng trên Văn Học số 68, tháng 10, 1991, cũng có những lỗi sau đây:

1. Trang 10: "... mà đôi khi không hiểu tại sao nhà phê bình căn cứ vào thể, và dựa theo... " xin đọc là "... mà đôi khi không hiểu tại sao. Nhà phê bình căn cứ vào thể..."

2.Trang 11: Jacokson, xin sửa là Jacobson; Synchrronique, xin sửa là Synchronique; "... vốn là thành tố của nhịp điệu..." xin đọc là ... "vần là thành tố của nhịp điệu..."

3. Trang 13: "... Ngược lại, người ta cũng nhớ một câu thơ vô ý

nghĩa..." xin đọc là "... Ngược lại, người ta cũng nhớ một câu thơ vì ý nghĩa..."

4. Trang 14: "... Phan Ngọc trong cuốn "Tiêu biểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều"... " xin đọc là "Phan Ngọc, trong cuốn Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều..."

5. Trang 14: "Chẳng phải vì tình cờ mà Nguyễn Khuyến làm bài Thu Điếu..." xin đọc là "Chẳng phải vì tình cờ mà Nguyễn Khuyến gieo vần eo vào Thu Điếu..."

6. Trang 14: "Nét thu trong Thu Điếu không dừng mức độ... " xin đọc là "Nét thu trong Thu Điếu không dừng ở mức độ..."

7. Trang 15: "Ngoài ra, âm eo còn có vần và tương quan đồng ngữ nghĩa với âm iu..." xin đọc là "Ngoài ra, âm eo còn có vần và tương quan tương đồng ngữ nghĩa với âm iu..."

8. Trang 17: "... một lời tri hô "Gấp!"..." xin đọc là "...một lời tri hô "Ăn cắp!"..."

9. Trang 18: "Ru con bên giếng nước nhà đôi" xin đọc là "Ru con bên giếng nước nhà đồi".

Văn Học thành thật cáo lỗi cùng độc giả và hai tác giả Nguyễn Thị Chân Quỳnh - Thụy Khuê.

Đã Phát Hành

VÕ PHIẾN

truyện thật ngắn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761
(Giá 6 Mk, Ngoài nước Mỹ 7 Mk)

LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM

- Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường (Giải thưởng Văn Học Toàn Quốc Bộ Môn Sử 1973).
- Đây là một tác phẩm biên khảo giá trị nghiên cứu về những giai đoạn rối ren nhất trong lịch sử Việt vào hậu bán thế kỷ 18: Khởi nghĩa Tây Sơn, biến cố tàn Lê, mạt Trịnh, sự phục hồi của họ Nguyễn ở miền Nam.
- Nhà xuất bản An Tiêm. Sách dày 413 trang. Trình bày trang nhã. Giá 15MK, ngoài Mỹ 17MK.

VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN

- Tập khảo luận gọn gàng và súc tích, nhận định phê phán một cách khách quan chính xác nhất về nền văn học dưới chế độ cộng sản Việt nam, từ 1945 đến 1990.
- Người viết là một nhà phê bình có uy tín nhất hiện nay ở hải ngoại: Nguyễn Hưng Quốc.
- Nhà xuất bản Văn Nghệ. Sách dày 386 trang. Giá 16MK, ngoài Mỹ 18MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD **$1195**
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD **$1425**
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD **$1750**
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD **$1995**

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.

Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.

Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

TRÂM ANH – THE PERFECT BRIDE

(714) 638-8209

(714) 373-1345

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA

(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...

Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...

Nhận cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

• bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...

• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

Phải tìm đọc bằng được

TRẦN DŨ
QUẢNG ĐỜI ĐI QUA

Hồi ký của
Doanh Gia Trần Dũ

Để biết những thành công thất bại, những nổ lực vượt thắng của một con người trước nghịch cảnh, trên thương trường và chính bản thân.

Little Saigon Xuất bản

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Mừng Giáng Sinh Đón Giáng Sinh
Hãy Cùng Nghe Cùng Hát

Tiếng Hát Thiên Thần

1. Adeste Fideles - nhạc ngoại quốc, lời Hoài Chiên
2. Mùa Đông Năm Ấy - nhạc và lời Hoài Đức
3. Tiếng Hát Thiên Thần - nhạc Pháp, lời Hoàng Điệp
4. Đêm Thánh Vô Cùng - nhạc Kranz Gruber, lời Hùng Lân
5. Có Một Vì Sao - nhạc và lời Lê Văn Khoa
6. Đêm Bình An - nhạc và lời Ngô Duy Linh
7. Hang Bê Lem - nhạc và lời Hải Linh, hòa âm vocal Lê Văn Khoa
8. Cao Cung Lên - nhạc Hoài Đức, lời Nguyễn Khắc Xuyên
9. Jingle Bells - nhạc ngoại quốc
10. Loài Người Ơi - nhạc và lời Van Thiện
11. Hội Nhạc Thiên Quốc - nhạc Thánh An Phong, lời Hoàng Điệp
12. Nguyện Cầu - nhạc Thành Tâm, cảm hứng Thánh Vịnh 136

Ban Hợp Ca
Thùy Dương

CUỐN BĂNG
BÁN CHẠY
NHẤT MỖI MÙA
GIÁNG SINH

Money order hoặc
bưu phiếu gửi Thùy Dương
đề tên HÙNG TRẦN
Hoa kỳ: **$7.50.**
Ngoài Hoa kỳ thêm **$1.00**

TỔNG PHÁT HÀNH
THÙY DƯƠNG, 1801 Jacaranda Pl., Fullerton, CA 92633 • Tel (714) 870-0794
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI
Các nhà sách và trung tâm băng nhạc

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề Văn Nghệ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — 12.00MK
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — 16.00MK
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** — *Võ Phiến* — 6.00MK
- **NGỤ NGÔN** — *Đoàn Nhật Tân* — 11.00MK
- **HỞI ƠI** — *Thơ Ngu Yên* — 6.00MK
- **SAO CÓ TIẾNG SÓNG...** — *Võ Đình* — 13.00MK
- **KINH DỊCH (đạo của người quân tử)** — 20.00MK
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải

SẼ IN

- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II**
  Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — 6.00MK
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — 6.00MK
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — 6.00MK
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — 13.00MK
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — 15.00MK
  Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — 6.00MK
  Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** — (18, 20, 20, 20MK mỗi tập)
  Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — 15.00MK
  Tạ Chí Đại Trường
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — 8.00MK
  Đỗ Khánh Hoan dịch

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá: 3.50 Mk